PHẬT - GIÁO BỬU - SƠN KỲ - HƯƠNG

--- oOo ---

HỆ PHÁI

TỨ ÂN

HIẾU NGHĨA

Tủ sách Sưu Khảo Sử Liệu
Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương

LỜI GIỚI THIỆU

---oOo---

Trước năm 1945, danh từ BỬU SƠN KỲ HƯƠNG và TỨ ÂN HIẾU NGHĨA ngay tại hai tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc là vùng phát tích mà chỉ được nói khẻ với nhau trong dân gian, ở xa đến, người hiếu kỳ không sao tìm ra tông tích !

BỬU SƠN KỲ HƯƠNG, TỨ ÂN HIẾU NGHĨA quả thật là mùi trầm hương từ thâm sơn cùng cốc bay vọng ra rồi tản mác trên không gian lờ lờ như mây khói! Không sao nhận định rõ nó được!

Tại sao có cái cảnh ngộ ly kỳ như thế, dù rằng, đây là hai Tôn Phái như muôn ngàn Tôn Phái khác ? Không chi lạ, đó là hậu quả của sự lùng bắt, truy nã cố tình tiêu diệt của nhà cầm quyền thuộc địa thời đó.

Từ năm 1862 trở đi, đã lâu rồi ; do những sự thù ghét, những vu cáo đê hèn của kẻ vong bổn, chánh quyền thuộc địa đã coi Tôn phái BỬU SƠN KỲ HƯƠNG và sau đó Hệ phái TỨ ÂN HIẾU NGHĨA, một sự phục hưng của BỬU SƠN KỲ HƯƠNG dưới một hình thức hơi khác một tí, là hai tổ chức của các "Gian Đạo Sĩ" dưới hình thức Tôn Phái để mưu đồ "Cần Vương" lật đổ Chánh quyền Pháp tại Nam Kỳ Lục Tỉnh nầy !

Có quả vậy chăng ? Xin thưa: Sự thật hoàn toàn sai hẳn, Phật Giáo BỬU SƠN KỲ HƯƠNG và Hệ phái TỨ ÂN HIẾU NGHĨA quả là một hình thức của phái Thiền Tông đem áp dụng cho dân tộc Việt. Chỉ có thế thôi và, chỉ có thế mà nhà cầm quyền Pháp ghét cay, ghét đắng, cố tiêu diệt cho bằng được. Bởi lẽ, đường lối ấy đi ngược lại với chánh sách vong bản hóa dân tộc Việt, để rồi đời đời ngự trị trên mảnh đất nầy!

Bất chiến tự nhiên thành. Phải chăng cụ Trạng Nguyễn Bỉnh Khiêm đã cho dân tộc ta hay trước lâu rồi. Lại nữa, nhị vị Giáo Tổ hai Tôn phái nói trên là Đức Phật Thầy Tây An và Đức Bổn Sư là hai bậc phi phàm "vị lai quá khứ" đều thông, thì hà tất lại đi làm cái việc miễn cưỡng là "Nấu cát mà mong thành cơm" để rồi chung qui cốt hại lửa củi ! Vậy gán cho hai Ngài xúi giục dân

lành làm loạn, chẳng những là một sai lầm quá lớn mà lại còn thêm một tội lỗi thiêng liêng to tác đối với hai bậc Chơn Nhơn hạ phàm, cốt yếu cứu dân cứu nước, bằng lối giáo hóa chúng sanh hướng về con đường Thánh thiện từ xưa mà giống nòi thấm nhuần là "Học Phật Tu Nhân".

Quyển : PHẬT GIÁO BỬU SƠN KỲ HƯƠNG, Hệ Phái TỨ ÂN HIẾU NGHĨA mà chúng tôi hân hạnh giới thiệu với chư tôn sẽ trình bày đầy đủ những chi tiết chứng minh quan niệm trên, và quả thật là một sử liệu vô giá về hai Tôn Phái nầy. Ước mong đám mây mờ che lấp hai tổ chức nói trên, từ nay không còn nữa và hai tổ chức được đánh giá đúng mức trong pho lịch sử nước nhà, như hai tiết điệu trong đại nhạc thái hòa.

Trân trọng xin có lời giới thiệu.

TRẦN VĂN QUẾ

Nguyên giáo sư trường Sư Phạm, Giảng Sư tại Đại Học Vạn Hạnh và Đại Học Văn Khoa tại Sài Gòn.

LỜI NGƯỜI BIÊN SOẠN

Từ lâu chúng tôi có ý sưu tập tài liệu để biên khảo tập sách nói về Hệ Phái *Tứ Ân Hiếu Nghĩa*, là một Hệ phái quan trọng của Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.

Nhưng ngày tháng trôi qua, những tài liệu ấy vẫn nằm yên trong tủ sách. Vì có nhiều lý do mà chúng tôi chưa dám rớ động tới mớ tài liệu đó, nhứt là lý do mặc cảm:

Tuổi đời quá ít, tuổi đạo rất non, học vấn nông cạn, sợ không đủ sức biên khảo một quyển sách Đạo. Sợ trình bày không đủ và tế nhị một giáo thuyết cao sâu, một giáo thuyết đã từng đua chen truyền bá trong một thời vô cùng khó khăn và từng chịu đựng sự chèn ép của một giáo thuyết khoa học tân tiến, vẫn vượt qua những khó khăn ấy mà trưởng thành và vững mạnh cho đến nay.

Gần đây có nhiều ngoại cảnh đưa đến, nung chí chúng tôi gát lại mọi sự dè dặt, tự tin để mạnh dạn mà biên khảo ra quyển sách nầy:

1. Có những quyển sách và bài báo viết về Hệ Phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa không được đầy đủ và rõ ràng lắm.

2. Nhờ nhiều bạn giúp cho những tài liệu quí giá và khuyến khích chúng tôi, nhứt là các bạn thuộc Hệ Phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

3. Có những người không biết từ trước ở đâu và làm gì ? Nay bỗng dưng lợi dụng danh nghĩa BỬU SƠN KỲ HƯƠNG hoặc Tứ Ân Hiếu Nghĩa mà tuyên bố nầy nọ, khác nào đi buôn dùng vốn người khác để làm ăn riệng tư.

3. Hiến pháp nền đệ II Cộng Hòa đã thực sự tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, nên cũng cần trình bày rõ ràng đường lối tu học của Hệ Phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa, để khỏi âm thầm mai một những người công dân tốt, họ đã từng sống qua nhiều thời gian khổ sở, chết chóc do các trào lưu bạo ngược gây ra. Và một nền đạo rất nhu hòa thuần hậu, một giáo lý "bất võ trang" bất bạo động tuyệt đối tín ngưỡng vào thuyết huyền vi.

Vì những lẽ nêu trên, chúng tôi không ngại mọi khuyết điểm mà thành tâm biên khảo và cho nó ra đời. Trong khi những sách khảo luận về Tôn giáo đã tràn ngập trên thị trường sách báo tác giả là những người kiến thức sâu rộng, những nhà thông thái.

“Vạn sự khởi đầu nan” chúng tôi tin tưởng rằng sự khuyết điểm nếu có trong quyển sách nầy thì, đọc giả bốn phương cũng như những bậc cao thâm về Phật Học sẽ giúp chúng tôi vào lần tái bản.

HÀ TÂN DÂN

A- PHẦN QUÁ KHỨ

I.- THỜI KỲ KHAI SÁNG

Căn cứ theo các tài liệu Phật sử, từ trước các Tông phái Nhà Phật từ Ấn độ, Trung Hoa truyền sang nước Việt Nam như Thiền phái Quang Bích, Lâm Tế…Đến các Tông phái thành lập tại Việt Nam, như: Thiền phái Thảo Đường, Trúc Lâm Yên Tử…Không có Hệ phái nào gánh chịu nhiều khó khăn như Đức Phật Thầy Tây An khai sáng Hệ phái BỬU SƠN KỲ HƯƠNG (1849-1856). Tuy nhiên sự khai sáng Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa của Đức Bổn Sư ở núi Tượng (1879-1890) còn gian nan khốn khó hơn nhiều.

Bởi thời gian ấy, đất nước vừa thoát qua cảnh nội chiến huynh đệ tương tàn giữa chúa Tây Sơn và chúa Gia Long. Non nước đã tả tơi, mọi mối giềng kỷ cương đều rách nát, các tầng lớp người thời hậu chiến đó, như vừa trải qua cơn ác mộng. Đa số người tu chỉ còn nhớ những câu Phật hiệu để vái van khi gặp cảnh khó khăn tai ách, những triết thuyết cao siêu của Phật Giáo nói chung, phần nhiều đã chìm trong quên lãng, khi thanh bình trở lại, phải lo tu bổ chùa chiền chép lại kinh điển đã thất lạc trong hồi lửa binh, ít có người rảnh rỗi mà nghiên cứu những lẽ nhiệm mầu, hoặc sáng tác ra những tác phẩm có nội dung Quốc hồn Quốc túy hầu hướng dẫn người Phật tử hăng hái việc bảo vệ quê hương, đoàn kết để kiến thiết xứ sở như đời Lý đời Trần.

Hơn nữa, từ vua Gia Long xây dựng Quốc gia cho triều đại nhà Nguyễn, có nhiều thay đổi trong vấn đề Văn hóa Giáo dục. Nhà vua triệt để nâng đỡ Nho giáo, trọng thư văn, khuyến khích sĩ phu vào đường Cử nghiệp, chọn từng lớp khoa Bảng vào việc trị nước chăn dân, các tổ chức chùa chiền của Phật Giáo vào hàng phụ thuộc.

Phật giáo tuy còn được xem là Quốc giáo, nhưng trên thực tế, người ta xem giới sư sãi là hạng "Thầy Cúng" để dùng vào việc tế tự, cầu siêu, đảo võ mà thôi. Theo Văn thơ, Chiếu, Chế, Biểu…của các trào vua nhà Nguyễn tuy vẫn còn sung kính Tam giáo (Nho, Thích, Lão) xem ba giáo nầy đồng hạng như nhau,

nhưng bên trong vẫn xem thường đạo Phật. Các vị văn thần lúc bấy giờ có nhiều lời mỉa mai tạc bia chế giễu, cũng không phải là chuyện bịa đặt vu khống. Lý do đất nước giặc giã, tao loạn triền miên, tạo ra một số thầy tu "Hổ Mang" ẩn dương nương Phật gây ra lắm điều xằng bậy, làm cho bại hoại cửa Già Lam. "Một con sâu làm sầu nồi canh" khiến cho người đời xa lánh dần Phật giáo.

Lúc bấy giờ lại có sự truyền bá mạnh mẽ của Thiên Chúa Giáo vào toàn cõi Việt Nam, các nhà truyền giáo của phái nầy phần nhiều là những nhà Thông thái, Bác học, hết lòng phục vụ theo đường lối của Tòa Thánh. Họ đem những cái hay, cái lạ của Âu châu sang giáo hóa dân ta, đồng thời truyền bá giáo thuyết của Đức Chúa Trời. Do đó, những người vào Đạo đầu tiên thuộc thành phần học thức, sang cả, quí phái, Quan chức, điền chủ.v.v…Khiến cho Phật Giáo đi lần vào cái thế thụ động.

Hơn nữa, Phật giáo lúc bấy giờ không có những nhà Sư trụ cốt có thể nối gót theo Sư Vạn Hạnh đời Lý, sư Giác Hoàng đời Trần để hướng dẫn đa số Phật tử trở nên Đại hùng, Đại lực trong vấn đề cứu nước, cứu dân để làm sáng tỏ chơn truyền của Phật giáo Việt Nam trong thời binh lửa.

Điều kiện bên ngoài đã không mấy thuận tiện cho Phật giáo, thêm nội tình hư nát, đạo lý của nhà Phật chỉ còn là một bóng mờ. Thậm chí có vị quyền thần lúc bấy giờ thốt lên câu nói vô cùng chua chát:

"Thầy chùa là bọn ngu dốt, trốn xâu lậu thuế, lười biếng, phần nhiều đáng tội bêu đầu. Trái lại, các Cố đạo người Âu là những người thông thái siêng năng, lại giàu có. Họ mở rộng lòng bố thí, trợ giúp kẻ bần nhơn cô quả. Họ trọng nể pháp luật của triều đình".

Như thế đủ thấy tinh thần của Phật Giáo đã suy vi tận gốc, mọi người đã xem thường, khinh rẻ, như thế, việc Đức Phật Thầy Tây An và Đức Bổn Sư khai sáng ra Hệ phái Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa nó khó khăn đến mức độ nào ?

Hơn nữa, kể từ năm Đức Bổn Sư khai đạo (1867) cho đến năm Ngài nhập diệt (1890) trong nước giặc giã rối ren, triều đình vừa dẹp xong nơi nầy thì chỗ khác lại nổi lên như ong vỡ tổ. Thêm hậu quả của Hòa ước năm Nhâm Tuất (1862) do triều đình ký nhượng cho Pháp với những điều kiện thất lợi cho bên ta, khiến cho sĩ phu trong nước căm hờn cho là điếm nhục Quốc thể, nên nổi lên chống giặc khắp nơi :

- Ông Trương Công Định lập chiến khu chống Pháp tại vùng Gò Công, Gia Định, Định Tường.

- Ông Nguyễn Trung Trực vùng Tân An và Kiên Giang.

- Ông Nguyễn Hữu Huân vùng Mỹ Tho và Cần Thơ.

- Ông Thiên Hộ Dương vùng Cao Lãnh, Tháp Mười.

- Ông Phan Tôn, Phan Liêm vùng Vĩnh Long và Trà Vinh.

- Ông Trần Văn Thành (Cố Quản Thành) vùng biên giới Châu Đốc và An Giang.

Còn những vị hào sĩ khởi nghĩa từng nhóm nhỏ không sao kể xiết. Bởi giặc Pháp đánh chiếm thành Gia Định vào năm 1859, năm 1861 đánh chiếm Định Tường, Thủ Dầu Một và Tây Ninh. Năm 1862 đánh chiếm Biên Hòa và Vĩnh Long. Bản Hòa ước Nhâm Tuất (1862) ra đời là triều đình có dụng ý nhượng bộ Pháp để chuộc lại hai tỉnh Biên Hòa và Vĩnh Long. Do đó, mới có hậu quả như đã nêu trên, các vị anh hùng liệt sĩ tranh đấu với giặc Pháp mãi như thế đó kéo dài suốt mười năm, mới tạm yên dưới gót giày của Thực dân Pháp!

Những anh hùng chống lại Thực dân, chỉ riêng lực lượng của ông Trần Văn Thành là có liên hệ với Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa rất nhiều. Nguyên ông Thành là một vị cao đồ của Đức Phật Thầy Tây An, phần lớn nghĩa sĩ dưới tay ông chỉ huy đều thuộc tín đồ Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương. Ông mở chiến khu Bảy Thưa tại vùng Nhà Láng (Thất Sơn) dựa lưng vào 7 núi mà kháng chiến chống Pháp. Đến lực lượng cuối cùng tan rã vào khoảng năm 1873. Bao nhiêu nghĩa sĩ khi thoát khỏi sự khủng bố của giặc, đều rút vào rừng sâu núi thẳm để tránh bọn tay sai điềm chỉ. Do đó việc truyền bá giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa, sắp xếp lại đạo lý luân thường của Đức Bổn Sư đã sẵn khó lại càng khó hơn.

Loạn lạc triền miên, khiến cho kỷ cương của xã hội đảo lộn. Lòng người đã trải qua lắm cơn ác mộng, nơm nớp lo sợ cho thân sống, còn thiết chi đến đạo lý luân thường. Có chăng, những cụ lão dưới đèn khuya nhắc tích, những chiến công oai hùng của các bực tiền nhơn, những cái hay cái đẹp về thuần phong mỹ tục của ông bà lớp trước, giờ đây con cháu nên noi theo…

Dẫu ai cố giữ gìn nề nếp lễ nghi cổ truyền, cũng khó tránh khỏi ngoại cảnh vật chất nó chi phối. Lẽ sanh tồn nó buộc con người trở thành thụ động mặc cho thời thế chuyển xoay, đại đa số người chỉ biết thủ phận cầu an, xâu đi thuế đóng.

Riêng vấn đề tín ngưỡng cũng không dám tự do tổ chức, tự do hành đạo ngoài sự sắp xếp của nhà cầm quyền Pháp. Bởi thế, xã hội Việt Nam lúc bấy giờ lại nảy sanh ra những lớp người mới:

1/-Hạng người chạy theo bợ đỡ ngoại nhân, dùng đủ mánh khóe khủng bố đồng bào để tạo nhà cao cửa rộng, ăn sung mặc sướng.

2/-Hạng người vì nước non dân tộc, chống lại mọi hình thức xâm lăng, áp bức.

3/-Hạng người mua quan bán chức, tìm mọi cách dựa nương với quan thầy Tây để làm chủ nhơn ông.

4/-Đa số người chạy loạn, từ tỉnh nầy đến tỉnh khác, bồng bế vợ con tìm nơi rừng sâu núi thẳm mà lánh nạn, hằng ngày bù đầu lo kiếm miếng sống, chỉ trông chờ phép nhiệm mầu cứu độ cho qua nạn ách.

Phải chăng, vì thời thế mà tôn ti trật tự đảo lộn, dân tình nheo nhóc đói khổ. Đức Bổn Sư mở đạo dạy đời để cứu nhơn độ thế, sắp xếp lại đạo lý luân thường. Và che chở cho những người yêu nước đang bị giặc khủng bố. Hướng dẫn những người đạo tâm đi đến Chân, Thiện, Mỹ. Dìu dắt những kẻ si mê trở về nẻo chánh?

1.- LƯỢC SỬ ĐỨC BỔN SƯ

NGÀI TIẾP NỐI HOẰNG HÓA PHẬT GIÁO BỬU SƠN KỲ HƯƠNG VỚI DANH XƯNG HỆ PHÁI "TỨ ÂN HIẾU NGHĨA".

Đức Bổn Sư đản sanh tại quận Mõ Cày (Kiến Hòa) lúc giờ Ngọ, ngày mùng 5 tháng 5 năm Tân Mão (1831). Ngài họ Ngô, nhũ danh là Viện. Khi lớn lên có húy danh là Lợi. Phụ thân Ngài tên Nhàn, làm nghề Thợ mộc. Quê quán trước kia ở xã Bình An (Định Tường). Khi mẫu thân Ngài thọ thai mới dời gia đình về Mõ Cày. Ngài sanh chẳng bao lâu thì phụ thân qua đời. Ngài sống với bà mẹ góa cho đến lúc trưởng thành.

Chưa biết rõ lúc thiếu thời sự sinh hoạt ngoài đời của Ngài ra sao, do căn duyên nào mà Ngài hiểu đạo và truyền bá Giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa cho người đời Học Phật Tu Nhơn đến ngày nay.

Mãi đến ngày 29 tháng 4 năm Tân Hợi (1851) Ngài được 21 tuổi, sáng tác ra quyển Kinh đầu tiên tên "BÀ LA NI KINH" để dạy người đời tu niệm. Từ đó đến năm Bính Dần (1866) giáo sử có ghi Ngài truyền đạo và ra kinh giảng hằng năm, nhưng không ghi rõ Ngài truyền đạo nơi nào? Đến năm Đinh Mão (1867) vào lúc giờ Ngọ ngày mùng 5 tháng 5 bỗng nhiên Ngài mê man 7 ngày đêm (đi thiếp). Khi tỉnh dậy, đời hành động của Ngài khác lạ, như đã rủ sạch lòng trần, chứng đắc đạo quả, mà dạy người đời hành đạo. Đến năm Canh Ngũ (1870) Ngài được 39 tuổi mới phát phái qui y cho thiện tín.

Ngày 15 tháng giêng năm Nhâm Thân (1872) Ngài cho họp tất cả ghe thuyền của tín đồ lại, ngược dòng sông Cửu long đi đến xã An Lộc, tổng An Lương thuộc tỉnh An Giang để phổ biến giáo pháp ở vùng nầy. Và cũng bắt đầu từ đây Ngài đi Ta bà khắp xứ. Qua tháng 7 cùng năm, Ngài mới cất tại xã Bình Long một cảnh chùa. *(Trong thời gian Ngài đi Ta bà rất trùng hợp với Ông Sư Vãi bán khoai đi khuyên đời tu niệm; Chưa dám quả quyết Ông Sư Vãi và Đức Bổn Sư là một, nhưng có sự trùng hợp thời gian cũng như Sấm Giảng, xin trích đoạn đầu Sấm Giảng Người đời của ông Sư Vãi: Hạ ngươn Giáp Tý đầu năm, Gẫm trong thiên hạ không an chỗ nào ! Lại thêm lục tỉnh tân trào, Nhơn điền sổ bộ biết bao nhiêu người. Thấy vui mà chẳng dám cười, Bơ vơ tôi, chúa gẫm đời không cha. Có người ở Cù lao Ba, Phật sai xuống thế mới ra cứu đời.v.v…)*

Tháng giêng năm Bính Tý (1876) giờ Thìn, ngày 19 Ngài truyền lịnh cho một vị cao đồ tên Trần Tịnh đi trước vào núi Tượng (Thất Sơn) sắp đặt trước nơi Ngài đã chỉ điểm, tiếp theo đó, Ngài hướng dẫn số đông tín đồ vào núi Tượng trảm thảo, khai hoang thiết lập chùa miếu và mở thôn ấp mới. Năm ấy Ngài được 45 tuổi và đang truyền đạo tại Cù lao Ba (xã Vĩnh Thành, quận An Phú, tỉnh Châu Đốc hiện nay).

Ngày 28 tháng tư năm Kỷ Mão (1879) Ngài truyền thọ phép Tâm niệm Bồ Đề cho tất cả tín đồ. Bất luận Thiện nam hay Tín nữ thảy đều trì niệm bình đẳng như nhau. Niệm xong pháp nầy liền ghi số lượng vào sổ để điền vào sớ điệp cúng. Công quả nầy gọi là "Pháp Công Cứ" (sẽ dẫn giải vào phần Hành Đạo trong những chương sau).

Góp nhặt những Tài liệu sẵn có, phối kiểm cùng những lời truyền tụng, cuộc đời và công nghiệp của Đức Bổn Sư có thể chia ra làm năm thời kỳ:

- Thời kỳ thứ Nhứt, từ đản sanh đến tỏ ngộ. (Tân Mão 1831 – Đinh Mão 1867).
- Thời kỳ thứ Nhì, từ tỏ ngộ đến lập thôn An Định tại núi Tượng (1867 – Bính Tý 1876).
- Thời kỳ thứ Ba, từ khai hoang lập thôn ấp tại núi Tượng để phổ biến sâu rộng giáo thuyết Tứ Ân Hiếu Nghĩa (1876 – Canh Ngũ 1879).
- Thời kỳ thứ Tư, từ phổ biến giáo lý đến pháp nạn (1879 – Giáp Thân 1884).
- Thời kỳ thứ Năm, từ tái thiết chùa miếu đến Đức Bổn Sư viên tịch (1884 – Canh Dần 1890).

Tóm lại, từ Ngài đản sanh vào năm Tân Mão (1831) đến chứng đắc đạo quả vào năm Đinh Mão (1867) trong 36 năm đó không được biết rõ hành trạng của Ngài.

Từ Ngài chứng đắc đạo quả đến năm hướng dẫn tín đồ vào núi Tượng (xã Ba Chúc, quận Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc hiện nay) để khai hoang lập thôn ấp (1867 – 1876) trong 9 năm đó, Ngài truyền đạo tại Cù lao Ba. Đồng thời Ngài đi Ta bà khắp nơi, biến dạng thay hình đủ từng lớp người để hòa mình vào nếp sống của dân chúng mà truyền đạo.

Ngài thiết lập thôn ấp và truyền bá giáo pháp tại núi Tượng được 14 năm. Viên tịch vào ngày 13 tháng 10 năm Canh Dần (1890) thọ 59 tuổi. Sinh hoạt ngoài đời 20 năm. Truyền bá đạo pháp 39 năm.

2- SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA THỜI GIAN DẠY ĐẠO VÀ ĐỊA ĐIỂM THIẾT LẬP CHÙA MIẾU.

Nhìn vào thời gian Đức Bổn Sư truyền giáo và lập giáo, chúng ta sẽ thấy là thời kỳ đen tối nhứt trong lịch sử nước Việt Nam. Vì vào năm Giáp Tuất (1874) giặc Pháp đã chiếm toàn cõi Đông Dương nói chung, nước Việt Nam nói riêng. Mọi sự vật thảy đều đổi thay. Mọi kỷ cương trong nước đều đảo lộn. Những nơi đô thị thì sung túc thì đầy dẫy bóng dáng người ngoại quốc. Nơi thôn

quê, những nơi nào có chút màu mỡ thì dấu chơn của bọn quan lại tham ô, cường hào ác bá giẫm nát. Phần còn lại là những nơi núi rừng hẻo lánh sình lầy, đồng chua nước mặn. Những nơi nầy, đồng bào còn có thể tránh được gót sắt của bọn tham tàn và những miếng mồi ngon của ngoại nhân câu nhử. Có lẽ do đó mà Ngài chọn nơi đây để thiết lập lại kỷ cương và tiện việc sắp xếp lại đạo nghĩa luân thường. Và che chở cho những nghĩa sĩ Cần vương vì chống Pháp mà sa cơ về đây ẩn lánh.

Hơn nữa, người tu theo Tứ Ân Hiếu Nghĩa phải đền trả 4 ơn sâu, trong ấy có ân Quốc vương thủy thổ và ân Đồng Bào Nhơn Loại, thì không thể "Xuất Thế Gian" tự tu lấy bản thân, mà phải "Nhập thế gian" mà lo cho Đại gia đình Quốc gia Dân tộc đang hồi nghiêng ngửa. Xin trích một đoạn Ngài định nghĩa chữ TRUNG trong giảng NGŨ GIÁO:

"Một Trung thờ Phật kính Thầy,
Hai Trung thờ chúa mình gầy chớ than.
Ba Trung Phụ Mẫu lưỡng toàn,
Ấy là ba chữ rõ ràng chẳng sai".

(Thuở trước ở theo Tam Cang của đạo Nho: Quân, Sư, Phụ. Ba ngôi nầy ngôi Vua đứng đầu. Hơn nữa, thuở đó các phong trào Văn thân, Cần Vương cũng chủ trương đánh đuổi giặc để phục quốc cho Vua).

Ngài còn kêu gọi đoàn kết, thương yêu nhau trên tinh thần xã hội bằng những lời bác ai và thống thiết:

"Xin đừng ỷ phú hiếp bần,
Ỷ mình sang trọng hiếp phần cô đơn.
Nhơn sanh Thiên số bớ dân,
Sang giàu thì trọng cơ bần thì khinh !"

Ngài khuyên tín đồ tự lực cánh sinh, khai mở đất đai trồng tỉa mà nuôi thân, đốn cây rừng, lấy cát đá núi cất nhà mà ở, chung lưng, đâu cật giúp đỡ nhau mà lo tu niệm. Đừng ỷ lại vào người khác, mình tự lo tự cứu lấy mình. Nhứt là không nên tham sang giàu do tiền của ngoại nhân ban cho.

Tài liệu còn ghi rõ, khi Ngài hướng dẫn tín đồ vào núi Tượng một số rất đông, nhưng không rõ số lượng là bao nhiêu ? Chỉ ghi nhận rằng: Người quá đông, nhà cất san sát như "bánh ếch sắp trên sàng". Sau khi Ngài khai sơn, trảm thảo xong, liền truyền cho tín đồ đốn cây, cắt tranh tạm cất chùa để thờ phượng (nền chùa

Phi Lai hiện nay) và cất nhà cho Bá gia (Ngài gọi tín đồ là Bá gia) che mưa đở nắng.

Đến tháng 10 năm Đinh Sửu (1877) Đức Bổn Sư mới chém gỗ, khởi công xây cất chùa miếu, vào tháng 11 năm nầy, Ngài cho thượng lương một lượt hai ngôi Đình và Chùa. Đình An Định (phía trước) thờ trăm quan cựu thần, anh em liệt sĩ. Chùa Phi Lai (phía sau) thờ Trần Điều nơi chánh điện, thờ chư Phật và Tiền, Hậu hiền ở hai bên (1) Sau khi dựng ngôi chùa chánh xong, Ngài mới phác họa sơ đồ thành lập thôn An Định.(2)

(1) Chùa Phi Lai và Đình An Định tái thiết lại lần thứ hai vào ngày 19-01 năm Giáp Thân (1884) để có đủ chỗ cho thập phương bổn đạo đến lễ bái.

(2) Đức Bổn Sư qui tụ tín đồ thiết lập làng mới gọi là An Định Thôn cho đến năm Tân Tỵ (1881) nhà cầm quyền Pháp mới hợp thức hóa cho thôn nầy, người làm Xã trưởng đầu tiên tên là Lân.

Theo sơ đồ của Ngài, trước nhứt là lập thôn An Định, thôn nầy chung quanh hòn núi Tượng hiện nay (có nơi gọi là Bạch Tượng sơn). Đến ngày mùng Một tháng 6 năm Canh Thìn (1880) Ngài cho thiết lập thêm hai ngôi miếu: Sơn Thần và Mã Châu. Hai ngôi miếu cũng chung quanh hòn núi Tượng.

Đến năm Nhâm Ngọ (1882) công việc mở mang đường sá, thiết lập chùa miếu tại thôn An Định tạm xong. Ngài bèn hướng dẫn tín đồ đến khai mở hoang giữa núi Tượng và núi Dài về hướng Tây Nam để thiết lập thôn mới khác tên là thôn An Hòa (hiện nay hai thôn nầy là Ấp An Định và An Hòa thuộc xã Ba Chúc, quận Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc). Ngài di dân, lập xã An Hòa xong, đến ngày 15 tháng 4 cùng năm, Ngài cho thượng lương ngôi Chùa Phổ Đà để tín đồ tại thôn An Hòa lễ bái chung.

Cũng vào năm 1882, sau khi thành lập thôn An Hòa xong, Ngài bèn trở về thôn An Định lo thiết lập ngôi chùa Tam Bửu. Giờ Tý ngày 16 tháng 12 làm lễ thượng lương. Chùa Tam Bửu là nơi Ngài thường trụ cũng như tư gia của mọi người, nên trong Bá gia của Ngài gọi là Tam Bửu Thường Trụ, đó là ngôi chùa Tam Bửu hiện nay.

Năm sau (Quí Mùi - 1883), Ngài phân công và sắp xếp cho những vị cao đồ trông nom hai thôn đã thành lập xong. Ngài hướng dẫn số tín đồ khác đi lần theo chơn núi Dài về hướng Tri Tôn, cho khai hoang nơi địa điểm nầy, thành lập thêm thôn khác gọi là thôn

An Thành (nay thuộc xã Lương Phi, quận Tri Tôn, Châu Đốc). Khi sắp xếp nơi ăn chốn ở cho tín đồ xong, Ngài cho làm lễ thượng lương ngôi Châu Linh Tự vào giờ Dần ngày 29 tháng 10 năm Quí Mùi (1883). Đây là ngôi chùa chánh để cho tín đồ thôn An Thành thường ngày lễ bái.

3.- HÌNH THỨC HÀNH ĐẠO CỦA HỆ PHÁI TỨ ÂN HIẾU NGHĨA.

Người tín đồ Hiếu Nghĩa trước khi vào Đạo phải biết sơ qua Tôn chỉ và Nghi thức. Vì ngoài việc trau tâm sửa tánh ra, đạo Hiếu Nghĩa rất nhiều Nghi lễ cúng kiếng và tụng niệm. Nếu chưa biết sơ qua nghi thức hành đạo thì rất dễ chán nãn. Do đó, ít có người đi suốt con đường Đạo sự cho đến ngày xác thân lìa tục.

a)-TÔN CHỈ:

Tôn Chỉ của đạo là "Học Phật Tu Nhơn" cho người Cư sĩ tại gia. Không cấm việc dựng vợ gả chồng, tự do kinh doanh, tự do sinh kế theo khả năng, nghề nghiệp của mình, miễn là không xâm phạm đến tự do của người khác. Không bắt buộc trường chay khổ hạnh nhưng hạn chế sát sanh. Và cử ăn 12 con Giáp (như Chuột, Heo, Gà, Trâu, Dê.v.v…)

Kính trọng chung Tam Giáo (Phật, Thánh, Tiên) xem ba giáo nầy cùng một gốc. Cúng dường, trì niệm theo hình thức Phật Giáo. Lễ nghi, học vấn, văn tự theo hình thức Nho giáo. Rèn luyện Tinh, Khí, Thần gần với Lão giáo.

b)-NGHI THỨC:

Ngày đầu vào Đạo phải đưa đến chùa van vái tự nguyện qui y nhập Đạo. Do ông Trò của gánh mình qui y (Từ ngày Đức Bổn Sư tịch diệt những người được kế tiếp xem sóc giềng mối đạo gọi là ông Trò) cấp phát Lòng phái cho người đã qui y. Lòng phái nầy có bốn phần:

- Tờ Lòng Phái chánh bằng giấy vàng, trong ấy có viết rõ tên họ, năm tháng thọ phái qui y và một bài kinh khoảng 100 chữ. Người qui y thọ phái phải học thuộc lòng (Bài Kinh nầy gọi là Lòng phái).

- Một tờ giấy vàng nhỏ, hình chữ nhựt có in trên đó 4 chữ BỬU SƠN KỲ HƯƠNG bằng triện son.

- Một tờ nguyên khổ giấy vàng in trên đó nhiều bùa chú, gọi là Tiên Sanh Thế Độ.

- Một tờ bằng vải tây đỏ, phỏng độ 3x6 tấc, in trên đó chữ bùa lớn, màu xanh. Gọi là Tiên Sanh Thái Kiệt.

THỜ PHƯỢNG: Giữa nhà có bàn nhị đẳng (mặt bàn có hai từng). Trên hết thờ Quan Thánh Đế Quân, từng kế thờ Hội Đồng Thượng Phật. Dưới chót có một bàn Kinh (rời) ngoài lư hương ra, hai bên có chuông mõ, chính giữa một bộ Kinh cúng dường 13 quyển. Vách phía bên phải có một bàn thờ nhỏ thờ Tam Giáo. Bên trái có bàn nhỏ riêng thờ Cửu Phẩm Liên Hoa. Bên dưới bàn nhị đẳng có bàn nhỏ thờ Thập Phương.

Trong cùng bên phải thờ Nội ngoại thân thuộc bên vợ. Ngoài cửa (chính giữa thờ Tiền hiền. Hai bên thờ Tả, Hữu mạng Thần). Trước sân có bàn Thông Thiên chia làm hai tầng. Tầng trên thờ Chánh Đức Thiên La Thần. Tầng dưới thờ Thổ Trạch Long Thần.

Trên bàn Tiền hiền thường có một khay lễ, trong khay có nơi cắm đèn nhang và hoa, ba chung nước và một cái dĩa têm trầu cau. Nếu thờ đúng theo Nghi thức của Đạo, thì nhà người tín đồ cũng như một ngôi chùa, mỗi lần thắp nhang phải trên 10 cây.

C)-TRANG PHỤC:

Người tín đồ qui y nhập Đạo khỏi phải thí phát (cạo đầu) trái lại còn để tóc dài, bới lên, mỗi người tối thiểu phải có chiếc áo dài bằng vải màu đen (không nên dùng hàng lụa) để lễ bái ở chùa, hoặc đi cúng dường nơi nhà các thân bằng. Khi đến phải đi chơn đất, không được mang giày dép vào chùa.

d)-HÀNH ĐẠO:

Phần nhiều người cho rằng: Những người tu hành là những người khác hơn các giới ngoài đời, là người hiền đức, hoặc người tu hành là để gọi chung cho những người tuân theo giới luật của một giáo thuyết nào đó. Nhưng phân tích theo nghĩa đen: Tu là trau giồi bản thân cho riêng mình, hoặc theo một giáo điều mà mình phục tùng. Hành là hành đạo, hành theo nhơn đạo hoặc theo quy tắc căn bản của một giáo thuyết mình tôn thờ. Như thế người tu sĩ

đã theo giáo thuyết Tứ Ân Hiếu Nghĩa thì phải tuân theo sự hành đạo.

Công phu Bái Sám: Người vào Đạo, trước tiên phải học thuộc mặt chữ (chữ Hán) quyển Linh Sơn Hội Thượng Kinh, vì quyển kinh nầy là nghi thức cúng dường sơ đẳng của Đạo, công phu đầu hôm, sớm mai hoặc các nghi thức cúng dường hay nhựt tụng, thường trích trong quyển Kinh nầy.

Niệm Phật (hay lần tràng hạt): Mỗi tín đồ thảy đều có một xâu chuỗi bằng hạt Bồ Đề hoặc hạt Kim Cang (108 hạt) gọi là niệm Pháp trường. Khi lần mỗi hạt là tâm niệm một lần Phật hiệu. Xong một bần là niệm đủ 108 lần Phật hiệu. Niệm bảy bận (mỗi bận một danh xưng Phật hiệu khác nhau) như vậy mới xong một "Thất" Pháp. Mỗi thời cúng, người tu sĩ tối thiểu phải niệm ba "Thất Pháp". Mỗi Thất Pháp còn phải niệm theo ba quyển Kinh, tùy theo lễ cúng. Thiện nam, Tín nữ niệm kinh hiệu khác nhau.

Sử Thập Điều (tuân Mười điều):

1/-Tuân luật Thượng Sư (tuân theo luật Thầy dạy).

2/-Báo đáp Tiên linh (báo đáp công ơn ông bà đã khuất).

3/-Lễ Phụ Tử Cang (Lễ phép đạo nghĩa Cha con).

4/-Lễ Quân Thần Cang (Lễ phép đạo nghĩa Chúa Tôi).

5/-Lễ Thập phương Phật (Lễ bái Chư Phật mười phương).

6/-Lễ Báo ân Tam Bảo (Lễ trả ơn Phật, Pháp, Tăng).

7/-Nghĩa đáp Ân Sư (trả nghĩa ơn Thầy).

8/-Tín nghĩa Thân Bằng (giữ tín nghĩa với bà con làng xóm).

9/-Tác Phu Thê Cang (giữ tình nghĩa vợ chồng).

10/-Tạ Ân Hậu thổ (Trả ơn tấc đất ngọn rau).

đ)-CÚNG DƯỜNG:

Ngoài những công phu xử thế ra, người tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn phải thường xuyên cúng dường để báo đáp công ơn các bậc tiền nhơn. - Sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn. - Mỗi tín đồ hằng năm phải cúng dường nhiều lệ, để cầu siêu cho các bậc tiền nhơn được siêu sanh Tịnh Độ. Do đó, mỗi năm người tín đồ chẳng luận sang hèn, nghèo giàu, đều phải có những lễ cúng dường:

Lễ cúng Đoan Ngũ: Sau khi cúng mùng 5 tháng 5 xong, mỗi gia đình phải chọn một ngày để cúng Đoan Ngũ, thường thì hay chọn ngay ngày cúng giỗ cho ông bà. Trước nhứt, gia chủ phải

sắm khay lễ đến trình tại chùa Tam Bửu, kế đến trình tại nhà ông Trò của gánh mình đã quy y. Sau rốt, đến trình với ông Cư Sĩ (người thường làm sớ điệp cho gia đình mình) nhờ ông nầy làm sớ điệp cúng.

Đến ngày cúng, ngoài việc mời thân bằng đến tụng niệm Cầu siêu, gia chủ phải đi làm lễ thỉnh điệp những nơi đã trình qua. Trong điệp ghi đủ Danh sách những vong nhơn bên Nội, Ngoại, Chồng và Vợ. Phẩm vật cúng gồm có: Hương Hoa Trà Quả và sáu bản giấy tiền cộng với vàng bạc, giấy Ngũ sắc, giấy trắng xếp lại từng phần, mỗi vong nhơn một phần. Về thực phẩm có chi cúng nấy, không bắt buộc. Nhưng đặc biệt phải có hai món: Bánh Đúc và Xôi Xeo. Khi cúng xong người cư sĩ có trách nhiệm lập thành một cuốn sách cho bá gia của mình, sách và điệp giống y nhau, rồi đốt đi, sách để lưu lại cho gia đình người cúng giữ.

Bộ Kinh cúng dường gồm 11 quyển, trong đó có 3 quyển Hiếu Nghĩa Kinh (Thượng, Trung, Hạ), người cư sĩ chỉ tụng một quyển Thượng cho Lễ Đoan Ngũ.

Lễ cúng Chánh Đán: Từ nội dung đến hình thức lễ cúng nầy cũng không khác Lễ cúng Đoan Ngũ, chỉ khác là người Cư sĩ tụng kinh Hiếu Nghĩa quyển Trung, và mùa tiết cúng Chánh Đán từ tháng Giêng đến cuối tháng Ba.

Lễ cúng Đối Kỵ: Đối Kỵ là ngày giỗ cho Ông Bà hay Cha Mẹ. Hình thức Lễ nầy cũng như những Lễ cúng đã nêu trên nhưng nội dung sự cúng kiếng thu hẹp hơn. Vì những Lễ cúng trên có nhiều vong linh, nên sự cúng kiếng có tánh cách là "Đám Giỗ Hội" nên phải mời nhiều thân bằng để được nhiều Pháp thí. Lễ Đối Kỵ chỉ có một Vong linh, nên hạn chế từ việc mời thân bằng đến phẩm vật cúng dường. Dĩ nhiên người Cư sĩ phải niệm Hiếu Nghĩa kinh quyển Hạ và cũng không quên "Bánh Đúc Xôi Xeo".

Ngoài các Lễ cúng chính yếu đã nêu trên còn rất nhiều Lễ cúng Thượng, Trung, Hạ nguơn, ngày rằm, ngày vía, bốn mùa tám tiết, Quan, Hôn, Tang, Tế.v.v…

II- TỨ ÂN HIẾU NGHĨA và HỌC PHẬT TU NHƠN

Tứ Ân có nghĩa là 4 ơn: Ơn Tổ Tiên Cha Mẹ. Ơn đất nước (hay Quốc vương Thủy thổ. Ơn Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Ơn Đồng bào, Nhơn loại.

Hiếu Nghĩa: Có hiếu với Tổ Tiên cha mẹ, có nghĩa với đồng bào trong xã hội. "Thiên kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên" (Muôn ngàn kinh điển nghĩa thảo làm đầu). Xin trích một đoạn Kệ trong kinh Siêu Thăng:

Ngã kim qui chánh giác, siêu ly địa ngục môn
Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ
Nhược nhơn kiến văn giả, tất phát Bồ Đề tâm

Đoạn kinh trên có nghĩa là: Người xử tròn Tứ Ân Hiếu Nghĩa tức là đã đưa vong linh của tiền nhân trở về nẻo chánh, khỏi sa vào địa ngục. Vì trên đã đền đáp 4 ơn sâu, dưới cứu vớt ba đường khổ (Tam đồ khổ: 1. Đọa ngạ quỉ. 2. Túc sanh. 3. A tu la.). Ai nghe được kinh nầy thảy đều phát sanh tâm Bồ Đề.

Ngoài vấn đề công truyền bằng hình thức ra. Đức Bổn Sư rất chú trọng vào Tâm truyền. Ngài giáo hóa cho tín đồ bằng phương pháp "Học Phật Tu Nhơn". Rèn luện cho người Cư sĩ tại gia tu tâm dưỡng tánh.

1.-TU NHƠN:

Người vào đạo Hiếu Nghĩa tức là muốn Học Phật, nhưng muốn Học Phật thì trước phải Tu Nhơn. Có câu "Nhơn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hỷ" có nghĩa là: Muốn tu theo đạo Tiên trước phải trau giồi cái đạo làm người, đạo làm người tu không xong thì khó mong tu Tiên cho thành được.

Bởi thế, người quy y theo Tứ Ân Hiếu Nghiã, hằng ngày phải lưu tâm xử thế cho tròn 4 ơn đã nêu trên. Về phương diện Hiếu Nghĩa chẳng những đền ơn đáp nghĩa cho người sống mà còn phải báo đáp công ơn người đã khuất. Xin trích một đoạn Hiếu Nghĩa Kinh (quyển Hạ).

Thượng thị phụ khi sanh, hạ thử mẫu huyết dưỡng
Thiên địa âm dương hội phụ mẫu khí huyết hòa
Thị cố sanh ngã đẳng, âm dương đồng thọ hưởng
Thiên địa nhơn đồng đạo, phụ mẫu nghĩa tối cao.

Đoạn kệ trên đây có nghĩa là: Thân hình ta do sự phối hợp âm dương của cha mẹ mà sanh ra. Do đó, công ơn cha mẹ lớn rộng như Trời Đất, ta phải lo đền trả nghĩa cao dài ấy. Làm đúng như

thế mới đúng là Tu Nhơn, xứng đáng đạo làm người. Xong đạo làm người mới nói đến chuyện Học Phật.

2.-HỌC PHẬT:

Về học Phật, người tín đồ đạo T.Â.H.N. khỏi phải "Ly gia cát ái" nghĩa là khỏi phải lìa gia đình, xa người thân thuộc đến chùa am, rời thế tục. Mà được ở lại gia đình hòa hợp với nếp sống ngoài xã hội, với tánh cách người "Cư sĩ tại gia".

Trước hết, người Cư sĩ tại gia phải thành tâm thiện niệm Lục tự Di Đà. Ngoài giờ sinh kế ra, người Cư sĩ thường dùng đến xâu Pháp tay (xâu chuỗi 108 hạt) để tịnh tâm tưởng niệm Phật hiệu. Xin trích một đoạn Kệ trong kinh Bàn Đào:

Bồ Đề diệu pháp ly chũng chũng
Thủ khai ngân tỏa diệu trùng trùng
Chuyển chuyển luân luân La Hán tướng
Thiên tăng giáng phước tuyệt vô cùng.

Lược dịch :

Phép niệm Bồ Đề lìa các khổ
Tay lần tràng hạt dứt dây oan
Xoay trở về ngôi La Hán tướng
Ơn trên ban (?) phước diệt lòng trần.

Tương truyền rằng: Mỗi lần trong Đạo có việc hệ trọng, hoặc Đức Bổn Sư sắp truyền thọ một Bí pháp, sau khi Ngài đi thiếp (do đó mà người đời gọi Ngài một biệt hiệu riêng là Ông năm Thiếp) tỉnh lại, Ngài mới truyền thọ cho tín đồ. Bởi đó, trong Hiếu Nghiã kinh có đoạn Kệ như sau:

Hướng thượng Đinh Mão tuế, ngũ ngoạt nhựt ngọ diên
Chuyển ngã thân khử tục, thất nhựt dạ đê mê
Tịch nhiên hồi hoàn tỉnh, giải thoát tẫy trần tâm
Giáo nhơn tùng thiện đạo, khẩu thuyết phổ lưu truyền

Lược dịch:

Trở lại năm Đinh Mão, đúng ngày ngọ tháng năm
Ta trở mình lìa tục, hôn mê bảy ngày đêm
Bỗng nhiên hồi tỉnh dậy, giải thoát sạch lòng trần
Dạy người theo đạo thiện, giáo truyền khắp muôn dân.

Ngài dạy cho người tín đồ Tu Nhơn để dọn mình cho việc Học Phật rất tinh vi, công quả chuyên trì niệm Phật phối hợp với cơ duyên hành lễ cúng dường. Sự truyền giáo của Ngài cũng tùy theo căn cơ của từng lớp người mà hóa độ. Những vị Cao đồ, Cư sĩ

có học lực khá có kiến thức sâu rộng về đạo pháp, thì tụng niệm và nghiên cứu những quyển kinh có ý nghĩa cao xa, như: Kinh Thiên Đồ, Âm Chất, Siêu Thăng, Phổ Độ Bàn Đào v.v…Phần đông những tín đồ có thừa đạo quả mà kém về học vấn, cứ thành tâm tụng niệm mỗi một quyển kinh Linh Sơn Hội Thượng mà tu hành, cũng đủ chứng đắc đạo quả.

Một trong những quyển Kinh chú cúng dường có bản Huờn Sanh Kinh bằng chữ Nôm, hay nói cách khác, bản kinh nầy bằng Việt ngữ (truyền rằng Kinh nầy có từ lúc Đức Bổn Sư mới mở Đạo). Xin trích một đoạn Huờn Sanh Kinh:

Huờn sanh trần thế, Lập kế thánh vương
Thân thể nhiễu nhương, người đương thay đổi
Phép Trời làm nổi, thân thể nghiêm trang
Hỡi kíp lo toan, thay đời lập trị
Phật Trời hiệp nghị, mới có Hội nầy…

Tóm lại, dầu người tín đồ có trình độ khá, hoặc kém học vấn, Ngài vẫn luôn luôn xem bình đẳng như nhau, mà giá trị cao thấp của mỗi người là so vào công quả rèn tâm sửa tánh, và có thực hành đúng theo Tôn chỉ của Tứ Ân Hiếu Nghĩa hay không? Xin trích một đoạn Kệ sau đây, khi Ngài chứng quả pháp niệm Bồ Đề cho một vị tín đồ:

Nguyên văn bài Kệ:

Thất minh thất ám lưỡng hề nghi
Phương thốn thường tồn bất khả thi
Mạc vị thiên cao thánh thần viễn
Yếu tu tiên quí tự gia tri
Bồ đề niệm niệm vĩng vô khổ!
Đắc pháp thành thân phước phóng thì.
Giải thoát mê trần cam lồ sái,
Ma ha bát nhã mật tâm trì.

(Tám câu Kệ nầy sau được tín đồ đạo Hiếu Nghĩa tạc vào cột gạch trước chùa Tam Bửu Tự).

Lược dịch:

Gắng công trì niệm Bồ Đề,
Hầu gieo quả phúc, tìm về Tây phương.
Nhành dương liễu, rưới tình thương,
Gội ơn giải thoát mọi đường khổ đau.

Phép niệm Bồ Đề là phương cách chung cho người tín đồ, cũng là điều căn bản tu học cho người Cư sĩ tại gia. Trong giảng Ngũ Giáo, Ngài chân thành khuyến niệm như sau:

Khá khuyên lớn bé trẻ già,
Ân cần kinh chuỗi Di Đà hôm mai.
Gắng công niệm Phật đừng sai,
Cầu cho phụ mẫu Như Lai dựa kề…

Phương pháp truyền đạo của Đức Bổn Sư rất giản dị, không mấy khác hơn các vị Tổ của Thiền tông. Ngài khai tâm cho tín đồ cũng bằng cách "*Dĩ tâm truyền tâm*", trì niệm Lục tự Di Đà làm căn bản. Khi truyền giáo cũng dùng lối thuyết pháp như Đức Thích Ca Mâu Ni, chớ không hề chép ra thành kinh điển. Nhưng trong số tín đồ của Ngài có nhiều vị quán thông Phật pháp, am hiểu Văn học, mới ghi những giáo thuyết của Ngài ra thành sấm kệ, mô phỏng theo đường lối giáo hóa của Ngài viết ra thành kinh điển. Khi viết xong quyển kinh, hoặc sấm giảng mới dâng lên Ngài duyệt xét lại. Ngoài những vị cao đồ nầy ra, còn có những vị đạo hữu của Ngài, không biết từ đâu tới giúp cho Ngài về phần kinh điển rất nhiều.

Tương truyền rằng: Có một vị đạo hữu thường đến với Ngài biệt hiệu của ông nầy là Tam Giáo Hỏa Lầu, nhũ danh là Nguyễn Hội Chơn. Ông nầy tánh khí rất cương trực và nóng nảy, nhưng về Phật học ông hiểu rất cao siêu, về Văn học ông rất làu thông uyên bác. Do đó, đại đa số kinh của Hệ phái T. Â. H. N, Đức Bổn Sư đều giao cho ông sáng tác rồi trình cho Ngài xem và chỉnh đốn lại.

3.- DO ĐÂU CÓ DANH XƯNG "TỨ ÂN HIẾU NGHĨA" ?

Theo giáo thuyết căn bản của Ngài có những câu:

…Bây giờ hết nổi nói năng
Ở sao cho đặng lòng bằng như xưa.
Xưng Thầy, xưng Đạo thì chừa
Hôm mai gìn giữ muối dưa cho thường…

Lúc còn tại thế, Đức Bổn Sư thường khuyên răn tín đồ nên giữ đức tính khiêm tốn. Không nên tự cao tự đại trong việc tu thân, xử thế phải thận trọng ngôn ngữ lúc xã giao, khuyến thiện. Mặc dầu Ngài được người đời kính nể, xem Ngài như là vị Hoạt Phật

đương thời, nhưng Ngài rất khiêm nhượng không hề xưng Thầy xưng Đạo với ai, nên tín đồ thảy đều noi theo ý thức đó.

Đối với tín đồ, Ngài cũng rất giữ lễ độ, từ tốn. Trọng người tuổi tác vào hàng chú bác, những người tuổi trẻ Ngài vẫn gọi là anh chị như ngoài thế tục. Tín đồ Ngài gọi là bá gia. Không bao giờ Ngài tỏ ra là một "Bậc Sư" hoặc một vị "Giáo Chủ". Do đó, có lắm người đến quy y và bạch với Ngài xin cho biết danh xưng của mối đạo gọi là gì? Ngài chỉ đáp vắn tắt gọi là "Đạo thờ Ông Bà". Từ đó đồng bào khi nhắc đến nền đạo của Ngài thảy đều gọi chung là Đạo thờ Ông bà. Nhưng do nguyên nhân nào lại có danh xưng là đạo TỨ ÂN HIẾU NGHĨA?

Tuy bề ngoài gọi là Đạo Thờ Ông Bà, nhưng trọng tâm hành đạo vẫn nhắm thẳng vào sự "Học Phật Tu Nhơn" và báo đáp "Tứ Ân Hiếu Nghĩa". Xin trích một đoạn trong giảng Ngũ Giáo:

Ông bà khỏi chốn lao tù
Cũng nhờ con cháu gắng tu Bồ Đề.
Tứ ân cúng kiếng bốn bề,
Sớ tiêu có chữ đệ về phân minh.

Tình trạng đó kéo dài cho đến sau ngày Đức Bổn Su viên tịch. Nhà cầm quyền Pháp đến điều tra và hạch hỏi, bắt buộc người tu theo Đạo thờ Ông bà phải chánh thức khai lý lịch, mục đích của Đạo ra sao? và danh xưng chánh thức của Đạo là gì? để chúng tiện việc lập hồ sơ theo dõi báo cáo hành động của những người theo đạo. Do đó, các vị truyền nhân buộc lòng phải khai danh xưng là TỨ ÂN HIẾU NGHĨA. Và người tu tại gia lấy sự HỌC PHẬT TU NHƠN làm phương châm hành đạo.

III.- SỰ LIÊN HỆ CÁC HỆ PHÁI PHẬT GIÁO BỬU SƠN KỲ HƯƠNG

Người tu theo Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương hoặc tôn kính 4 chữ BSKH thảy đều nhìn nhận rằng: Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa và hệ phái Đức Phật Trùm ở núi Tà Lôn (Tri Tôn) từ một gốc nơi Phật Giáo BSKH của Đức Phật Thầy Tây An mà ra.

Các tu sĩ đó viện cớ rằng: Sự liên hệ của BSKH cũng giống như các phái Thiền Tông của Tàu (như Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Pháp nhãn…) cũng từ giáo hệ ThiềnTông của Sơ Tổ Bồ đề Đạt Ma mà roi truyền hằng bao thế kỷ. Nhưng xét ra, sự roi

truyền của hai giáo hệ (Thiền Tông của Trunh Hoa, BSKH của Việt Nam) có đôi phần khác nhau. Thiền Tông của Trung Hoa dầu có biến dạng thay hình nhiều lần, nhưng sự chân truyền Y bát vẫn liên tục. Dầu cho nội bộ có chia rẽ thành Nam Bắc phái, sự truyền giáo có cải cách thế nào chăng nữa, người tín đồ Thiền phái vẫn tôn thờ Đức Bồ Đề Đạt Ma là Sơ Tổ. Và "Đồ nòi" của Thiền Tông được kế tục truyền bá không hề gián đoạn.

Về Phật giáo BSKH, chưa ai được biết rõ sự liên hệ thực tế giữa Đức Bổn Sư và Đức Phật Thầy như thế nào? Hai vị Hoạt Phật nầy là một? Hay Đức Bổn Sư được truyền thọ Bí pháp? Hoặc Đức Bổn Sư là hóa thân của Phật Thầy? Tại sao đại đa số tu sĩ cho rằng cùng một gốc? Chúng tôi xin đưa ra đây một vài điểm Dị biệt và những điểm tương đồng:

1.-NHỮNG ĐIỂM DỊ BIỆT:

Có những điểm khác biệt (nếu không nói là tương phản) về sự truyền bá giáo lý, nghi thức hành đạo giữa Đức Phật Thầy và Đức Bổn Sư, ví dụ:

-Đức Phật Thầy không chuộng Thinh, Âm, Sắc, Tướng.

-Đức Bổn Sư thì dạy tụng Kinh, cúng duờng (chuông mõ) thờ phượng hình ảnh (thờ tượng Quan Đế) dùng Sớ, điệp, thiêu giấy tiền vàng bạc, niệm pháp, lần chuỗi, phân biệt Cư sĩ, Ông Gánh, Ông Trò.v.v…

-Đức Phật Thầy chỉ trì niệm Di Đà, giản dị kinh chú, giản dị Nghi thức hành lễ v.v…

-Đức Bổn Sư lại dạy niệm nhiều Kinh chú, học Văn tự, lễ bái đa Thần, người tín đồ để tóc dài .v.v…

Bao nhiêu điểm khác biệt đó, cũng đủ làm cho những người mến đạo không khỏi thắc mắc nghi ngờ sự liên hệ giữa BSKH và TÂHN cùng một gốc. Chúng tôi xin đưa ra những điểm mà phần đông người đồng đạo cho cho rằng trùng hợp, nên họ đặt trọn niềm tin là hai hệ phái cùng chung một gốc.

2.-NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ TRÙNG HỢP:

Dầu có những điểm khác biệt rõ ràng qua nghi thức hành đạo, nhưng trọng tâm tu học của TÂHN chẳng những không sai thuyết gốc BSKH mà còn có nhiều điểm bổ khuyết cho Phật giáo BSKH thêm phần phong phú:

- Phát phái thâu nhận tín đồ vào đạo bằng ấn son có 4 chữ BỬU SƠN KỲ HƯƠNG in trên giấy vàng.

- Căn bản truyền đạo vẫn là HỌC PHẬT TU NHƠN và báo đáp TỨ ĐẠI TRỌNG ÂN.

- Chánh điện ngôi thờ chánh (Phi Lai Tự) vẫn thờ Trần điều.

- Thuyết giáo bằng thơ bài, lời lẽ bình dân giản dị nhứt là lối văn vần (thượng lục hạ bát) rất thích hợp với dân tộc tính, ai ai cũng có thể hiểu được.

- Thu phục những người chưa vào đạo bằng công quả xã hội: Trị bịnh cứu người rất linh diệu, và nói lên những sai lầm của đương sự.

- Thuyết phục những người ngang bướng, bất phục tùng lẽ phải, bằng cách tiên tri những việc đã qua và hậu quả mà họ đã gây ra, khiến họ phải phục tùng, quy y hướng thiện.

- Không hề vướng bận lợi danh, hoặc thu nhận sự đền ơn trả nghĩa bằng tiền bạc.

- Đức Phật Thầy đản sanh vào giờ Ngọ ngày rằm tháng10 năm Đinh Mão (1807), Đức Bổn Sư mê man 7 ngày đêm (đi thiếp) cũng vào giờ Ngọ ngày rằm năm Đinh Mão (1867) lúc tỉnh dậy thì Ngài tỏ ngộ, quy y dạy đạo cho tín đồ. Có điều khác nhau là cách một chu kỳ 60 năm.

Căn cứ vào những điểm tương đồng và trùng hợp, chúng ta có thể tin rằng: Hai vị hoạt Phật có sự liên hệ với nhau rất nhiều. Nhưng tại sao nghi thức hành đạo có nhiều điểm khác nhau? Các vị cao đồ trong hệ phái nầy có đưa ra một số dẫn chứng, để chúng ta cùng tìm hiểu nguyên nhân:

3. -DO ĐÂU CÓ NHỮNG ĐIỂM KHÁC NHAU?

Dựa theo tài liệu Phật sử, mỗi khi thay đổi danh xưng hoặc vị Chưởng giáo thì đường lối tu học, thuyết giáo cũng có ít nhiều sửa đổi. Ví như: Thiền phái Thảo Đường của đời Lý, có đôi phần khác hơn Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử của đời Trần. Thiền phái của đời Lê có khác hơn Thiền phái đời Nguyễn v.v… Sự thay đổi có nhiều nguyên nhân, vì hoàn cảnh xã hội, phong tục cũng có. Vì canh tân cho phù hợp hợp với dân sinh cũng có, hoặc bị cường quyền bắt buộc cũng có. Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương cũng không thể thoát ra ngoài những công lệ đó.

Huống chi Đức Bổn Sư truyền bá giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa nhằm vào thời kỳ đen tối nhứt trong lịch sử Việt Nam, từ lúc phôi thai đến trưởng thành thảy đều thường xuyên ngậm đắng nuốt cay dưới gót giày của thực dân Pháp (1867-1890). Vấn đề tụng niệm mõ chuông cúng dường sớ điệp, chắc hẳn là thi hành đúng theo chỉ dụ của Nguyễn triều. Ví như Đức Phật Thầy Tây An, Ngài giản dị hóa Phật giáo BSKH không gõ mõ tụng kinh, chỉ chuyên trì niệm Phật để cho phần đông tín đồ nông thôn kém học dễ tu. Ngài không chuộng Thinh, Âm, Sắc, Tướng nhưng khi Ngài về chùa Tây An (núi Sam) lịnh triều đình bắt buộc phải thờ hình cốt gõ mõ tụng kinh, đúng rập khuôn của phái Thiền Tông Lâm Tế, Ngài vẫn phải tuân. Đức Bổn Sư vẫn giữ đúng như thế, cho tròn ơn Quốc Vương thủy thổ, và tạo ra một hình thức tu học giống Thiền phái. Vì bọn chúng tố cáo Ngài là "Gian đạo sĩ" nên bao giờ chúng cũng hạ lịnh theo dõi để bắt Ngài.

Tuy Ngài chủ trương tụng niệm chuông mõ rình rang, nhưng nội dung Kinh điển không bao giờ sai lạc với thuyết Học Phật Tu Nhơn, cũng như không quá lệ thuộc vào kinh điển của nhà Thiền. Vả lại, nội dung tu học Ngài đã bày bác gắt gao Thinh, Âm, Sắc, Tướng trái lại hình thức hành đạo lại sử dụng Thinh, Âm, Sắc, Tướng, dĩ nhiên trong ấy ắt có nhiều nguyên nhân. Xin trích một đoạn Kệ trong kinh Siêu Thăng:

Xuất thế vi nhơn tu hướng thiện
Phỏng cầu Đại đạo tảo tham thiền
Thinh Âm Sắc Tướng giai phi đạo
Thiết vật tin tà tập ngoại biên

Lược dịch:

Xuất thế tu thân chọn hướng lành
Tham thiền theo Đạo chẳng cầu danh
Thinh Âm Sắc Tướng đều tà thuyết
Hình thức bên ngoài dối chúng sanh.

Nội dung bài Kệ trên đây cũng đủ giải đáp sự mâu thuẫn từ nội dung đến hình thức. Sự mâu thuẫn đó, chắc chắn không ngoài hoàn cảnh xã hội có lắm khó khăn, trong thời kỳ Ngài truyền đạo.

Thứ đến là vấn đề thờ tượng Quan Thánh Đế Quân, có thể nhờ tượng ảnh nầy để giảm bớt hình thức cách mạng tôn giáo hầu tránh giặc nghi ngờ, cũng như để tỏ lòng trung cang bất khuất của Ngài, dầu phải ở dưới sự kiềm chế của giặc nhưng lòng dạ không

bao giờ hàng giặc? Căn cứ theo Đào Viên Minh Thánh kinh diễn tả nỗi lòng trung cang của Quan Thánh, có những đoạn như sau:

Tinh trung xung nhựt nguyệt
Nghĩa khí quân càn khôn
Diện xích tâm vưu xích
Tu trường nghĩa cách trường

Lược dịch:

Lòng trung che lấp ánh Trời
Khí hùng xông suốt trận đời nể oai
Râu dài nghĩa khí cũng dài
Mặt đỏ, lòng đỏ mới trai anh hùng.

Kinh Đào Viên còn có đoạn diễn tả nỗi lòng trung cang bất khuất của Quan Thánh Đế Quân:

Hàng Hớn bất hàng Tào
Trung thần bất sự nhị
Phong Hớn Thọ Đình Hầu
Ấn vô Hớn trùng chú
Phong khố ấn quyền lương
Tước lộc từ bất thọ

Lược dịch:

Thờ Hớn ta chẳng thờ Tào
Tôi trung một chúa lẽ nào thờ hai
Tước phong Hớn Thọ Đình Hầu
Không khắc chữ "Hớn" ta đâu có màng
Treo ấn từ giã giàu sang
Hư danh trả lại, lên đàng tìm anh.

Có lẽ Đức Bổn sư mượn tấm lòng trung cang bất khuất của Quan Đế để nói lên nỗi lòng ái quốc của Ngài, cũng như khuyên răn người tín đồ thấm nhuần vào óc tim những điều thương nhà mến nước? Hơn nữa vấn đề tu học và giáo hóa chúng sanh, còn phải tùy theo căn cơ của từng lớp người mà hướng dẫn.

Đức Thích Ca Mâu Ni xưa kia khi thuyết pháp những giáo lý Thượng thừa như: Kim Cang. Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Lăng Dà Pháp Hoa…là để cho những vị cao đồ của Ngài nghiên cứu và học hỏi. Khi thì Ngài chỉ thuyết những giáo lý phổ thông như Bác Dương Di Đà, Hồng Danh, Vu Lan là để cho Đại đa số tín đồ dễ học và hiểu v.v…

Vì thế, nên việc Đức Bổn Sư sáng tác và giáo hóa nhiều kinh điển cho nhiều lớp tín đồ, cũng không ngoài ý nghĩa đã nêu

trên. Vả lại, tùy từng giai đoạn, theo thời cơ mà quyền biến. Ngài có dạy rằng:

Học thời phải xét cho minh
Phật, Nho cũng cứ thơ kinh mà quyền.

Thời gian Đức Bổn Sư truyền đạo cũng đồng thời với cuộc kháng chiến Cần Vương chống Pháp. Tại chiến khu Bảy Thưa, hàng ngũ của vị anh hùng Trần văn Thành (Đức Cố Quản) vừa tan rã, những liệt sĩ nầy kẻ thì biến dạng với hình thức nông dân, người thì vào thâm sơn cùng cốc mà ẩn lánh. Do đó mà Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa được thâu nhận tín đồ mới quy y nhập đạo rất đông, họ quyết núp dưới bóng từ bi để chờ cơ hội quật khởi chống Pháp.

Một bằng chứng khác, dầu ai có khó tánh cách mấy cũng không thể phủ nhận vấn đề tu Quốc Vương thủy thổ của Đức Bổn Sư. Trong những quyển kinh của người đạo nhựt tụng, thường vô đầu những câu "*Hoàng Đồ củng cố đế đạo hà xương, Phật nhựt tăng huy, Pháp luân thường chuyển*". Có nghĩa là: Nguyện cho non sông bền vững, nước nhà được thạnh trị, bánh xe Phật pháp được chuyển xoay, tạo lại cuộc đời chói ngời sáng lạn cho mọi người cùng hưởng.v.v…Cũng như trong thời kỳ nầy, trật tự xã hội quá đảo điên, làng Tổng hoành hành hiếp đáp dân chúng, khiến cho Ngài phải tỏ ra buồn bực, thống trách:

Làm Tổng chẳng kể trẻ già
Người nào nhiều bạc vậy mà hỏi han
Cò…(?) mấy chú làm Làng
Dân là báu nước, chẳng màng tới dân.

IV.- HỆ PHÁI TỨ ÂN HIẾU NGHĨA VỚI NHỮNG LẦN PHÁP NẠN

Đức Bổn Sư hướng dẫn tín đồ vào núi Tượng thiết lập chùa miếu, phá rừng, khai hoang, thành lập thôn ấp vào năm Bính Tý (1876). Cách 4 năm sau, nhằm năm Tân Tỵ (1881) vào dịp lễ Trung Nguyên (rằm tháng 7) Ngài sửa soạn trần thiết một cuộc Đại lễ, gọi là "Đại Trai đàn" để cầu siêu cho những vong linh Vị quốc Vong thân và các oan hồn thoát khỏi đường Súc sanh, Ngạ

quỷ…Cuộc lễ Đại Trai đàn kéo dài đến ba ngày. Tín đồ bốn phương đến dự lễ đông hàng vạn.

1) - **PHÁP NẠN LẦN THỨ NHỨT:**

Vì sự quá đông đảo đó, nên nhà cầm quyền Pháp sanh nghi, chúng thả bọn mật thám theo dõi từ buổi đầu. Trong số bọn tay sai nầy có tên Ý, với chức vụ là Vệ (theo chức vụ trong đội thân binh của Pháp). Tên Vệ Ý thấy Ngài thiết lập Đại Trai đàn, dân chúng hưởng ứng quá đông, và hết lòng tin tưởng vào Đức Bổn Sư, nên hắn lập tức về báo cáo cho nhà cầm quyền Pháp.

Lúc bấy giờ quân Pháp đóng tại Châu thành An Giang (Châu Đốc) rất ít, nên Vệ Ý phải đáp tàu thẳng về Tân An. Vì nơi đây là Tổng hành dinh của Pháp chỉ huy 6 tỉnh miền Nam nước Việt lúc bấy giờ. Vệ Ý tố cáo Đức Bổn Sư là Gian Đạo sĩ dạy cho dân chúng luyện phép phù để chống Pháp! Trong giảng của Ngài có đoạn nói về hành động của Vệ Ý như sau:

Bẩm cùng quan lớn nhiều lời
Tượng sơn dữ thiệt chẳng chơi đâu là
Quả là tu luyện phép tà
Xin quan tới đó coi mà sẽ hay…

Nghe báo cáo xong, vị quan Pháp (không rõ tên) lập tức tập trung binh lính xuống tàu chạy đi Châu Đốc. Đến nơi, tên quan Pháp nầy thúc hối tên đại diện ở Châu Đốc phải cấp tốc điều tra và cấp thêm binh thuyền. Khi vào tới Tịnh Biên, bọn chúng đổ bộ kéo vào bao vây núi Tượng giữa lúc canh ba. Lúc đó Đại Trai đàn cũng gần xong. Bá tánh, bổn đạo hay tin Pháp bao vây thì hết sức lo sợ !

Khi ấy, Đức Bổn Sư đang đứng trên đàn cao, có rất nhiều đệ tử kế cận. Trong số đó có một người đàn bà còn trẻ, người ta thường gọi là chị Bóng Thị. Người nầy rất giỏi võ và sức mạnh phi thường. Trong cơn nguy cấp, bà nầy nhẩy lên đàn cắp ngang nách Đức Bổn Sư chạy đi tìm đường lánh nạn !

Tất cả bổn đạo kẻ chạy ngược người chạy xuôi tìm phương trốn lánh, không còn thiết chi đến nhà cửa, chùa chiền. Lúc ấy nhiều người mới vỡ lẽ, rõ tên Vệ Ý là Điềm chỉ viên:

Tín đồ xem thấy hãi hùng
Nào hay kẻ ấy đem lòng hại dân
Mã tà, Mã kỵ rần rần
Phá làng phá xóm vang rền tứ vi
Nhớ xưa lời Thánh còn ghi

"Thiệt xà thôn Tượng" đến ni mới tường
Kẻ chạy người ở thêm thương
Cám nỗi đoạn trường chua xót đắng cay…

(Đến đất Miên tại Vườn Dầu kỳ nầy, có 1.800 tín đồ nam, nữ trẻ già theo Đức Bổn Sư tỵ nạn tại đây 3 tháng).

--- o O o ---

2) - **PHÁP NẠN LẦN THỨ HAI:**

Qua pháp nạn lần thứ nhứt, nhà cửa tiêu tan, chùa miếu cháy rụi. Khi quân Pháp rút đi, thì bổn đạo cũng trở về nền xưa, xây cất nhà cửa, tái thiết chùa miếu lại. Tuy gian khổ về vật lực, tốn kém tài sản, nhưng lần nầy lại sung túc hơn, đông đảo hơn lần trước. Như thế đủ thấy lòng người mến đạo, trì chí tu hành, chứng tỏ họ không hề khiếp sợ trước bạo lực của ngoại nhân.

Cách bốn năm sau, vào ngày 16 tháng 4 năm Ất Dậu (1885) quân Pháp lại mở cuộc tấn công vào núi Tượng lần nữa. Mục đích lần nầy chúng quyết bắt cho kỳ được Đức Bổn Sư và giải tán đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Hay tin chẳng lành, Đức Bổn Sư cùng số đông bổn đạo dìu dắt Đức Bà (Thân mẫu Đức Bổn Sư) chạy sang Vườn Dầu thuộc đất Cao Miên mà lánh nạn.

Tuy thời gian Pháp nạn nầy rất dài, Ngài phải ở lại đất Cao Miên, nhưng không bao giờ Ngài lãng xao giáo hóa tín đồ tu hành theo thuyết Tứ Ân Hiếu Nghĩa và thiết lập tại đây một cảnh chùa, để thập phương bá tánh đến chiêm bái. Ba tháng sau, Ngài mới hướng dẫn tín đồ trở về núi Tượng nhằm ngày 14 tháng 7 cùng năm.

Về đây nhìn lại nền xưa, một cảnh tượng điêu tàn thê thảm. Nhà cửa của tín đồ còn toàn là những đống tro than. Bảng tiền bảng phái và những vật dụng quan trọng của Đạo, tất cả đều bị giặc chở đi. Dầu đứng trước cảnh tang thương đó, Ngài vẫn không hề thối chí ngã lòng. Vẫn khuyến khích tín đồ che lại mái lá chòi tranh, tại những nền cũ thờ phượng và tạm ở nhà tu hành.

(Sau khi Pháp tấn công núi Tượng chúng đốt phá nhà cửa chùa, miễu tiêu tan. Nhưng khi chiêu an và hợp thức hóa thôn An Định thì chỉ tạm lập được 3 ngôi chùa và đình An Định của chùa Tam Bửu cũng được tạm che bằng tranh lá để thờ phượng).

3) - **PHÁP NẠN LẦN THỨ BA:**

Đến năm Đinh Hợi (1887) thiện tín khắp nơi về đây theo Ngài rất đông. Dĩ nhiên trong số đông tín đồ nầy, có người quyết tâm trì chí Học Phật Tu Nhơn, có người được Ngài mật truyền Kinh chú, thuốc Nam để trị bịnh cứu đời, cũng có người lợi dụng sự cứu đời để làm sinh kế. Trong số đó có tên Tám Qui.

Tám Qui lợi dụng sự đi cứu đời mà làm sai lạc tôn chỉ của Đức Bổn Sư. Khi ông ta đến Cái Dừng (thuộc xã Long Khánh, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc hiện nay) ghé nhà của ông Ba Lê nghỉ nhờ. Nhơn thấy ông Ba Lê tin tưởng vào Đức Bổn Sư, nên tên Qui kêu gọi ông Ba Lê phải về núi mới đặng toàn thây. Bằng không thì khi đời tới Trời long Đất sụp và tránh không khỏi cảnh hùm tha sấu bắt v.v…

Ngoài ông Ba Lê ra, còn có nhiều người nghe theo Tám Qui bỏ gia đình sự nghiệp mà lên núi để tránh nạn đời tới cũng không ít…

Khi lên núi gặp phải sự sinh hoạt khó khăn, nhà cầm quyền Pháp nghi kị, sơn lam chướng khí gây ra bịnh tật. Lâu dần, người hao của hết mà vẫn chưa thấy đời tới. Phần đông những người nầy họ nghe theo Tám Qui để tránh nạn đời tới, chớ không phải thật tâm đi tầm đạo. Vì thế, có người căm hận Tám Qui, đem câu chuyện tường thuật cho mọi người nghe để hả hơi tức giận Tám Qui. Do đó mới lọt vào tai bọn mật thám Pháp.

Bọn chúng săn được tin nầy, lập tức báo cáo đến viên Đốc phủ người Việt là Trần Bá Lộc. Lộc lập tức hạ lịnh bắt Tám Qui kết tội cho hắn là "Gian Đạo sĩ" và ra lịnh tra tấn thẳng tay. Qui chẳng những không can đảm nhận chịu, mà đổ trút tất cả tội lỗi cho ông Chánh Hưng (một vị cao đồ của Đức Bổn Sư). Khi giải hắn đi giữa đường, hắn lại khai cho Đức Bổn Sư và lãnh hướng đạo Trần bá Lộc về núi Tượng để bắt Ngài!

(Trần bá Lộc thuộc hàng ngũ thân Pháp hạng nặng khi quân Pháp mới đặt chân lên mảnh đất miền Nam nước Việt nầy (Theo Việt Sử tân biên, quyển 5, tập Thượng của Phạm văn Sơn).

Trần bá Lộc cầm đầu một toán thân binh rất đông, kéo đến núi Tượng vào lúc nửa đêm, do Tám Qui hướng dẫn. Trước hết bọn chúng vây nhà bắt ông Chánh Hưng trói lại. Kế đến vây nhà ông Trần Tịnh (cũng là cao đồ của Đức Bổn sư) ở gần bên chùa Tam Bửu để lục xét.

(Ông Trần Tịnh là vị cao đồ của Đức Bổn Sư, là người được Ngài phái vào xem xét địa hình địa vật ở núi Tượng trước

nhứt, khi Đức Bổn Sư còn truyền Đạo ở Cù lao Ba. Lúc đến khai đạo ở vùng Núi Tượng, Ngài cũng thường cư trú tại nhà ông Trần Tịnh).

Nửa đêm quân đến rần rần
Chánh Hưng bị bắt trói khiêng vào chùa
Ấp Triêu, Hương Tịnh bắt đùa
Khảo tra tấn vấn, hơn thua khá bày ?

Lúc ấy Đức Bổn Sư đang ngồi trì niệm trong chùa Tam Bửu tín đồ vào báo hung tin nhưng Ngài vẫn điềm nhiên không chút nao lòng. Trần bá Lộc chỉ huy bao vây chặt chẽ chùa Tam Bửu nhưng chưa hạ lịnh lục xét.

Các đệ tử thấy Ngài ngồi thản nhiên như không chuyện gì xảy ra, ai nấy đều lo sợ cho Ngài sẽ bị bắt. Khi trời sáng trông rõ mặt quan quân, Đức Bổn Su bình tĩnh, tay cầm cây mác vót (Ngài dùng để vạt thuốc Nam hằng ngày) đi thẳng ra cửa giữa. Nhưng lúc ấy không phải là hình dáng của Ngài, mà là một cụ già râu tóc bạc phơ, cầm cây mác từ trong chùa đi ra rất tự nhiên như không hay biết chuyện gì. Bọn thân binh lên cò súng nạt vang: Ông già, đi mau chỗ khác. Lảng vảng đó, ông lớn đập chết bây giờ! Đức Bổn Sư lặng lẽ đi về hướng Bắc rồi thẳng đường lên núi.

Trần bá Lộc hạ lịnh trói tất cả những vị cao đồ, dẫn vào chùa tra tấn buộc phải kiếm Thầy cho được:

Trói ké tất cả đôi tay
Buộc phải kiếm Thầy cho được mới nghe

Chúng lục xét trong chùa kiếm không được Đúc Bổn Sư, bèn bắt tín đồ lên núi lục xét tất cả các điện các hang cũng không ra tông tích của Ngài. Chúng bèn trở về chùa tịch thu tất cả những vật dụng cần thiết của Ngài truyền đạo. Và bắt những người có tên tuổi trong đạo mà giải về Sai Gon.

(Lần pháp nạn nầy một trong số lớn những vị cao đồ bị bắt giam ở khám lớn Saigon, hoặc bị đày đi Côn nôn, trong đó có ông Trần Tịnh).

4) - PHÁP NẠN LẦN THỨ TƯ:

Khi pháp nạn lần thứ nhứt xảy ra Đức Bổn Sư có hướng dẫn số đông tín đồ lánh nạn ở Vườn Dầu (Cao Miên). Đến lúc ở núi Tượng an ninh được vãn hồi Ngài trở về xây dựng cơ sở lại, có số người vì sinh kế, hoặc hoàn cảnh nên xin ở lại đất Cao Miên, trong số đó có tên Thập. Thập ở lại, được quan Miên phong cho

làm trưởng toán một đội quân Miên có võ trang. Ngày qua, lúc ấy quân Pháp đã chiếm trọn đất Cao Miên. Mẹ của Thập sợ rằng Miên đầu Pháp sẽ giết mẹ con bà. Bà khuyên Thập nên trở về Nam. Và chọn một nơi hiểm yếu của vùng Bảy núi chiếm làm căn cứ mà đợi thời cơ. Thập vâng theo lời mẹ hắn, đồng thời cũng xin phép quan Cao Miên cho về xứ sở.

Vào khoảng tháng 5 năm Đinh Hợi (1887) toán quân Miên đưa Thập đến bờ kinh Vĩnh Tế. Một số trở lại đất Miên, một số tình nguyện theo Thập chiếm cứ vùng Xuân Tô quận Tịnh Biên làm căn cứ. Số quân nầy vì thiếu người chỉ huy tốt có tài, thiếu sự huấn luyện tranh đấu chống Pháp, nên trở thành toán quân ô hợp, phá xóm phá làng, gây cho lòng người thán oán. Lúc Thập về đến Xuân Tô cũng liên lạc vào núi Tượng, nhận mình là tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa của Đức Bổn Sư, nhưng không mấy ai tin Thập, nên không dám liên lạc với hắn.

Vì hành động của tên Thập quá thất nhơn tâm, làng xã ở đây sợ họa lây, nên báo với nhà cầm quyền Pháp ở Châu Đốc. Quân Pháp kéo vào vây chặt và bắn giết vô số kể. Chúng còn bắt sống một số tù binh, trong đó có tên Phú, người ta thường gọi hắn là lão Trùm Phú. Trùm Phú khai y có liên lạc với đạo Hiếu Nghĩa ở núi Tượng và đồng đảng của hắn cũng có ở đây. Quân Pháp lập tức kéo vào núi Tượng:

Quan quân kéo đến Tịnh Biên
Trùm là tên Phú đem liền Vĩnh Thông
Quan quân binh mã đùng đùng
Trát đòi An Định, kiết hung không tường…

Pháp kéo binh đến núi Tượng, truyền tập trung dân đến tại nhà làng. Nhìn kỷ tất cả mặt dân làng, Trùm Phú chỉ ngay mặt một người tên Bường, y gọi là người đồng đảng (có lẻ Trùm Phú cũng được ít nhiều đạo căn nên Pháp ép buộc y nhiều lần mà y không chỉ thêm ai nữa). Người Pháp không mấy hài lòng với cuộc hành quân tốn kém, công phu như vầy mà bắt đặng có một tên, chúng quay sang hỏi làng những nhà bỏ trống không người ở:

Gọi làng lớn nhỏ dường bao
Mấy nhà dân trốn đường nào biết chăng ?
Làng thưa ông lớn hay rằng:
Nó nghèo, nó trốn làm ăn xứ người
Quan truyền tỏ nỗi âm hao
Dẫn cho quan đốt nhà nào dân đi !

Truyền cho dân chúng tức thì
Ở đâu về đó kịp thì làm ăn
Đừng theo những đảng lăng loàn
Ở ăn ngay thẳng chớ mang việc đời...

5) - **PHÁP NẠN LẦN THỨ NĂM:**

Cuối năm Đinh Hợi (1887) có một người Miên thân Pháp, mạnh thế lực, người ta gọi y là Phủ Miên, gốc ở Tri Tôn, thường lui tới cờ bạc với bọn người du thủ du thực người Việt ở vùng núi Tượng. Một hôm Phủ Miên cờ bạc gian lận sao đó, nên bị bọn kia đánh cho một trận nên thân. Từ đó phủ Miên thù hận, quyết tìm cách phao vu để trả oán hắn mướn người làm sắc bằng giả của đảng Cần Vương, trong sắc bằng giả có danh sách 8 người, hắn đến tố cáo với nhà cầm quyền Pháp là 8 nhơn vật hiếp đáp người Miên và âm thầm chống lại Chánh phủ Pháp

Quan Pháp ở Tri Tôn kéo binh lên, bảo làng tập trung dân lại cho chúng điểm danh. Dân chúng ở núi Tượng nào hay biết chuyện gì sắp xảy ra, nên tề tụ đủ mặt. Chúng bắt tất cả 13 người, nhưng các gia đình nạn nhân hết sức van xin, nên chúng kiểm điểm còn đủ 8 tên trong sắc bằng giả đem ra xử bắn và chôn chung một hầm, còn bao nhiêu được thả ra!

Thân nhơn của 8 nạn nhơn nầy đầu đơn kêu oan đến Tòa án tối cao ở SaiGon, người Pháp hứa sẽ minh oan vụ án. Nhưng…kết quả ngược lại, chúng tập trung thuyền tàu vào núi Tượng giải tán đạo Hiếu Nghĩa, và ra lịnh chở tất cả tín đồ, ai ở xứ nào chúng chở đưa về xứ nấy ! Trong giảng có đoạn diễn tả như sau:

Ba ngày giấy lại cảm thương
Ngoài ghe Tham biện ghe thuyền thẳng vô
Truyền rao dân chúng soạn đồ
Xứ nào ghe nấy đừng cho lộn vào
Tham biện viết giấy trao tay
Người ở vùng nào đường ấy ra đi
Ghe, tiền quan trả một khi
Người đưa, tiền của quan thì trả cho
Ra đi biết mấy chiếc đò
Kẻ than người khóc reo hò như mưa
Quan trên kêu mắng ghe đưa
Mỗi người một gánh cho vừa mà thôi
Ô hô sự nghiệp đã rồi

Kêu Trời soi xét, thương người thẳng ngay
Ai xui trò lại gặp Thầy
Tiếc công dựng nghiệp ngày nay rã rời…

Lần pháp nạn nầy, không phải riêng một vụ tên Miên vu oan mà hậu quả tai hại nhứt là do phòng Nhì Pháp nhiều lần báo cáo, vì như dân chúng nô nức tín ngưỡng đạo Hiếu Nghĩa, sự linh diệu của Đức Bổn Sư, đã nhiều lần vây bắt không được Ngài ..v.v…Do đó, chúng đâm ra sợ sệt, không muốn cho đạo Hiếu Nghĩa trưởng thành và hợp pháp. Chúng đã thả Mật thám trà trộn vào đạo rất đông, trong đó có ông Nguyễn thanh Liễu (có biệt hiệu Năm Củi) là một.

Năm Củi là một nhơn viên Mật thám đắc lực nhứt của Pháp, ông ta lãnh lịnh của Quan Thầy vào núi Tượng xin gia nhập đạo Hiếu Nghĩa để theo dõi hành động của Đức Bổn Sư, khi tìm đầy đủ bằng cớ Ngài là "Gian Đạo sĩ" thì ông ta trọn quyền bắt Ngài. Nhưng…khi đi sâu vào giáo lý Học Phật Tu Nhơn, và những lời truyền đạo của Đức Bổn Sư, ông Năm Củi lần lần giác ngộ về lẽ đạo. Ông nhìn nhận thuyết Tứ Ân Hiếu Nghĩa chẳng những là cứu cánh cho cuộc đời ông mà luôn cho cả mọi người. Từ đó ông khinh thường danh lợi phù du của thực dân đã ban cho ông. Trái lại, ông còn xem nó là kẻ thù chẳng chung đội Trời, cũng vì nó mà ông và một số người khác đã giày đạp lên sự đau khổ của đồng bào ruột thịt. Do đó ông Năm Củi thú thật việc làm tàn nhẫn của ông, và việc lãnh lịnh của Pháp để theo dõi Ngài, nhứt nhứt ông trình bày hết với Đức Bổn Sư. Từ đây ông xin tự nguyện hết lòng vì đạo pháp, vì đồng bào để đền trả lại những tội lỗi ông đã lỡ lầm trong thời gian qua.

Những người có tánh hăng say và cương ngạnh như ông Năm Củi, khi làm tay sai cho giặc là một nhân viên đắc lực nhứt, đến khi ông tin tưởng vào sự nhiệm mầu, say sưa với lẽ Đạo thì ông là người tích cực bảo vệ Đạo pháp đi đến sự cuồng tín, quá khích cũng chẳng bao xa. Từ ngày ông thấy thái độ vô nhân đạo của Đốc phủ Lộc, với việc ruồng bố tàn sát người đạo Hiếu Nghĩa, ông hết sức căm giận, nên bạch cùng Đức Bổn Sư cho phép ông tổ chức giết Đốc phủ Lộc để cứu họa cho đồng bào và đồng đạo.

Đức Bổn Sư trầm ngâm giây lâu bèn dạy rằng:

- Không nên đâu, tôi khuyên các anh, mình là người thụ giới thì không nên sát giới. Người tu thì phải trải qua nhiều gian truân cay đắng. Sự cay đắng ngày hôm nay chỉ nhỏ nhặt, tầm

thường thôi, sau nầy anh chị còn phải gánh chịu nhiều khó khăn hơn nữa ! Bởi vậy, tôi khuyên anh chị cố chịu đựng và nhịn nhục cho tròn bổn phận người tu hành, để khỏi phạm giới.

Dầu cho Đức Bổn Sư cố giảng giải, dạy răn như vậy, nhưng lòng hăng say diệt bạo của ông Năm Củi đã đến lúc dừng chẳng đặng, nên ông lén Đức Bổn Sư và bá gia bổn đạo, mướn một người Miên gan dạ phục kích khoảng giữa lộ Lạc Quới - Tịnh Biên để ám sát Đốc phủ Trần Bá Lộc. Một mặt ông báo cáo về cho Đốc phủ Lộc hẹn ngày vô núi Tượng để sắp đặt việc bắt Đức Bổn Sư! Nhưng ông cũng không quên căn dặn Lộc nên hóa trang thường nhơn hẹn gặp nhau nơi trạm Lạc Quới.

Đúng ngày giờ hẹn, tên Miên thấy hai người mặc đồ nhà binh Pháp từ Tịnh Biên đi vô Lạc Quới, hắn xả súng bắn chết cả hai. Thi hành xong nhiệm vụ, hắn trở về trả súng và lãnh tiền thưởng của ông Năm Củi. Không ngờ vì bận việc, nên Trần bá Lộc đi vô trễ sau giờ hẹn, khi đến Tịnh Biên ông ta nghe tin có hai xác người bị bắn chết, còn bỏ nằm bên lộ, ông ta lập tức trở về Châu Đốc. Vỡ lẽ ra, hai người nầy là Lục Lộ đi coi làm đường cho sở kiều lộ của Pháp ! Tên Miên không biết nên bắn lầm.

Vì những lẽ nêu trên, nhà cầm quyền Pháp mới hạ lịnh giải tán đạo Hiếu Nghĩa, và đem ghe thuyền đến tận nơi, chở đưa người tín đồ, ai ở tỉnh nào đưa về tỉnh nấy. Sự kiện nầy xảy ra tại thôn An Định (núi Tượng). Lúc bấy giờ Đức Bổn Sư đang mở Làng mới và truyền đạo tại thôn An Thành (nay thuộc xã Lương Phi, quận Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc).

6) - **PHÁP NẠN LẦN THỨ SÁU:**

Mặc dầu nhà cầm quyền Pháp giải tán đạo Hiếu Nghĩa và cho đưa tất cả những người theo đạo về quê. Nhưng có nhiều người trốn ở lại theo Thầy, cũng có người được Pháp đưa về quê, rồi tìm cách trở lại núi. Thành ra sự bạo hành của Pháp không đem lại kết quả theo chúng mong muốn.

Tại thôn An Thành, Đức Bổn Sư nghe tin chẳng lành xảy ra nơi thôn An Định, tín đồ xôn xao lo sợ tai họa ấy sớm muộn sẽ đến cho thôn An Thành. Trong số đó, có hai anh em người hầu cận bên Ngài: Người anh tên Năm Đồn, người em tên Sáu Lũy. Hai anh em sợ quân Pháp đến bắt Ngài, nên khuyên Ngài lánh mình một thời gian. Nhưng Đức Bổn Sư vẫn điềm nhiên khuyên mọi người nên yên lòng. Bởi quá sợ chuyện xảy ra, nên hai ông Đồn và Lũy

khiêng Thầy xuống xuồng chở đi lánh nạn ! Trong lúc quá gấp rút quên đem cơm gạo theo, đến lúc xuồng chống ra không quá 7 cây số vừa mệt lại vừa đói, mới sực nhớ đến việc quên đem cơm gạo theo. Hai anh em đành ghé lại Sóc người Miên nói dối rằng đi lỡ đường, xin cơm ăn đỡ.

Hai anh em ăn hấp tấp cho đỡ đói rồi vội vã ra đi, do đó mà gây nghi ngờ cho Sóc Miên nầy, họ cho rằng hai người là kẻ cướp bắt người cho chuộc, nên họ hùng hổ đuổi theo. Trong tình thế cấp bách, hai ông Đồn và Lũy bèn lấy chiếc mền gói kỹ chiếc ấn Bửu Sơn Kỳ Hương lại đem giấu dưới trấp. (Đến nay chỗ ấy còn có tên kỷ niệm gọi là bưng ông Bửu, cách núi Dài khoảng 8 cây số). Khi dấu xong cái ấn, hai anh em chống đi chẳng bao xa, bị bọn người Miên theo kịp bắt lại:

Mắt xem còn cũng chẳng xa
Bửu Sơn mền gấm đạp ngay xuống sình
Cao Miên theo dõi bắt mình
Dẫn người đem lại về trình Huyện quan.

Khi ba thôn (An Định, An Hoà, An Thành) hay tin Thầy bị bắt, đều xôn xao than khóc. Những người bình tỉnh thì hội hợp lại để bàn thảo kế hoạch giải cứu. Trong số đó có ông Hương Đẹt là người có nhiều mưu trí, ông kêu gọi những nhà khá giả chung đậu một số tiền để hối lộ quan Huyện người Miên. Kết quả lời kêu gọi của ông, được số tiền là 50 đồng, người trong đạo giao quyền cho ông Hương Đẹt đi lo lót cho Huyện quan. Ông Hương Đẹt đến nơi cũng nói khéo rằng mấy ông già nầy là người làm ăn đi lạc đường, xin cho ông lãnh ra, với số tiền trà nước cho quan Huyện. Quan Miên ưng thuận không giải người đi, nhưng phải chờ chạy tờ ra quan Tham biện Châu Đốc coi dạy lẽ nào, chừng ấy sẽ cho lãnh ra.

Không ngờ Tham biện khi được tin liền tập trung binh lính kéo vô Tri Tôn, để xem mặt người bị bắt cho tường tận, chừng đó quan Miên mới được phép thả ! Đến Tri Tôn, Tham Biên truyền dẫn mấy người bị bắt ra cho hắn nhìn mặt. Nào ngờ trong số người bị bắt đó có một ông già khoảng chín mươi tuổi, mặt mày tái mét, mũi dãi lào thào, trông như người mắc bịnh hủi. (Lúc nầy Đức Bổn Sư vận dụng thần lực hóa mình thành 1 ông già mang bịnh cùi hủi). Người Pháp họ rất sợ truyền nhiễm, khi thấy ông già mang chứng bịnh hiểm nghèo ấy, liền khoác tay bảo hương chức thả ngay.

Quan xem thương tiếc ông già

Một hai chờ chết, sống mà được đâu
Hối làng gấp gấp mau mau
Đem về thang thuốc may hầu sống chăng !

Được tin Đức Bổn Sư được người Pháp trả tự do, tất cả tín đồ đều vui mừng không kể xiết, đai cơm bầu nước đến Tri Tôn rước Ngài về An Thành. Khi Ngài về đến chùa Châu Kinh (An Thành) Xã Đẹt vào lạy Phật xong bèn trở ra bàn cùng những vị cao đồ của Đạo đóng một cái hòm, giả trá ra một cuộc tang chế, và công bố rằng: Ông già bịnh hôm qua đã chết để che mắt người Miên. Cổ quan tài nầy cũng khiêng đi chôn như thật và vô bộ khai tử đàng hoàng:

Áo quan ai dễ biết chi
Đải đằng Làng Xã ra đi táng hàng
Kim Lăng mộ táng An Thành
Mai danh ẩn tích lánh mình núi non.

(Ngôi mộ giả chôn Đức Bổn Sư tại doi Hai Ký (núi Dài) thuộc thôn An Thành, nay là Xã Lương Phi. Hằng năm đến Xuân sang tín đồ H.N. vẫn đến làm lễ Tảo mộ).

Từ đó, các đệ tử đưa Đức Bổn Sư lên núi Dài mà ẩn náo, không ai được đến gặp Ngài kể cả sự viếng thăm. Chỉ trừ một số ít người thân tín chăm sóc Ngài mà thôi.

7) - **PHÁP NẠN LẦN THỨ BẢY:**

Sau khi Pháp giải tán đạo Hiếu Nghĩa và chở tín đồ đưa về nguyên quán. Chúng còn sợ những người trốn ở lại sẽ theo Đức Bổn Sư mà xây dựng lại cơ sở chùa chiền, nên chúng quyết định "trảm thảo trừ căn" làm cho Ngài không còn nơi nương tựa mà qui tụ tín đồ nữa.

Bởi thế, cách đó không bao lâu, một hôm Pháp tập trung binh lực, bất thần kéo vào núi Tượng, triệt hạ tất cả chùa chiền đốt phá hết nhà cửa của tín đồ thu thập tất cả những vật cần thiết cho đời sống, và chở những vật thiêng liêng của đạo mà tín đồ hết lòng sùng bái và tín ngưỡng.

(Trong cuộc càn quét nầy, người Pháp có chở đi một cái khanh vị (Hương án) và cặp Long trụ chạm trổ rất tốt để thờ tại chùa Tam Bửu. Chúng chở đem về Saigon hiện còn một ít di tích tại Bảo tàng viện Saigon).

Quan quân xem thấy kinh hồn
Chùa cao cột lớn mới ôm đặng nào ?

Quan rằng liệu tính làm sao
Dùng dây mà buộc giựt nhào ngã lăn
Tràng phang, cột phướng nhổ quăng
Còn bàn hương án bắt dân khiêng rày
Kìa là Long trụ hai cây
Truyền dân khiêng vác xe ngay xuống tàu…

Trong cuộc càn quét chùa chiền, đốt phá nhà cửa của Đạo Hiếu Nghĩa lần nầy, chúng đốt phá tất cả, chỉ còn sót lại ngôi miễu Bồng Lai (không biết dụng ý của chúng hay vì quá mệt mỏi mà bỏ sót ?)

Lần pháp nạn nầy, có thêm một kỷ niệm chua xót đáng buồn cho người đạo, vì lần nầy Pháp có qui tụ theo một số đông đảo bọn du thủ du thực ở các Làng khác và bọn người Miên vào đây vơ vét những vật dụng cần thiết:

Các làng mừng chạy bôn chôn
Kéo vô An Định coi còn vật chi
Kẻ thời chở ghế lấy nghi
Dỡ nhà vác cột một khi đem về
Bạc tiền lấy hết bộn bề
Bắt bò, xúc lúa đem về rất đông.

Quân lính của Pháp lo triệt hạ chùa miễu, đốt phá nhà cửa của đồng bào, còn bọn người "con hôi" thì vơ vét của cải, lùa bò, bắt heo không một món nào mà chúng chừa. Khi vơ vét hết những món cần thiết, họ lại bứng luôn các thứ cây ăn trái mà chở về !

Tóm lại người Pháp quyết "dọn láng" cơ sở đạo, nên sau khi bọn chúng rút lui, thôn An Định trở thành một cảnh tượng tiêu điều, nhà tan cửa mất ! Nhà cầm quyền Pháp chở những vật dụng quan trọng của đạo đem về Châu Đốc đồng thời phúc báo cho dinh Toàn Quyền ở SaiGon hay:

Tham Biện chạy giấy liền tay
Tòa trên nghị luận việc nay thế nào ?
Giấy tờ chạy xuống rất mau
Tàu đò một chiếc chở về Thủ đô
Long trụ, Hương án hai đồ
Chở đi cho khéo để vô Bảo Tàng…

---o O o---

8.-TÁI THIẾT CHÙA MIỄU:

Từ năm Bính Tý (1876) Đức Bổn Sư dìu dắt tín đồ vào núi Tượng mở mang thôn ấp, truyền bá giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến năm Mậu Tý (1888) tất cả là 12 năm. Trong 12 năm đó có đến 7 lần pháp nạn, 3 lần bị triệt hạ chùa miễu, nhà cửa bị đốt phá, nền đạo bị giải tán. *(Sấm Ngũ Giáo có đoạn Đức Bổn Sư than về trường pháp nạn:*

Bây giờ mới hết trường nhì
Niệm trời lạy Phật mấy khi cho tường,
Lời thầy nói gẫm thêm thương !
Nào ai có biết mấy trường mà lo !...)

Những lần pháp nạn nầy đều do giặc Pháp và bọn thân Pháp chủ mưu còn nạn người Miên hiếp đáp, giết người cướp của không sao kể xiết! Dầu bị nhiều tai kiếp gian khổ, Đức Bổn Sư vẫn đi thẳng một đường giáo hóa chúng sanh, canh tân Phật pháp, trước nạn bạo hành của người dị chủng.

Chịu đựng mãi như thế đó, cho đến ngày rằm tháng 2 năm Mậu Tý (1888), nhà cầm quyền Pháp thấy rằng chánh sách bạo tàn máu lửa không đàn áp được lòng tín ngưỡng cao độ của tín đồ Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa nên chúng cho phép Ngài trở về núi Tượng tái thiết chùa chiền, giáo hóa tín đồ hành đạo. Nhưng phải chịu kỷ luật chúng kiểm soát, những thôn ấp của Ngài mới mở do chúng sắp đặt và tổ chức Hội Tề. Do đó, kể từ nầy thôn An Định chịu sát nhập vào xã Ba Chúc của người Miên. Thôn An Thàng sát nhập vào xã Lương Phi, trở thành ấp An Thành.v.v…

Sự dễ dãi của Pháp đối với đạo TÂHN đều nằm trong một chương trình chung rất thuận lợi cho họ. Vì tình thế nước Việt Nam lúc bấy giờ đã gần như xuôi thuận một chiều, trọn miền Nam nước Việt đã nằm gọn trong bàn tay thực dân Pháp. Vua Hàm Nghi vừa bị bắt (ngày 26-9-1888, theo Việt Nam Sử lược của Trần trọng Kim). Đảng Cần Vương và Văn Thân cũng dần mòn, không còn cuộc chống đối nào đáng kể đối với họ. Nên người Pháp lần lần thay đổi đường lối bạo hành bằng lối chánh trị mị dân để tiện việc đặt nền móng đô hộ. (Ngày 15-11-1887, Pháp đặt Phủ Tổng Đốc toàn quyền tại Saigon. Vị toàn quyền Pháp đầu tiên tại Saigon tên là Constant, theo Việt Nam Sử lược của Trần trọng Kim).

Mặc dầu bị Pháp đuổi đi, đốt chùa phá nhà nhiều lần, nhưng những người trung kiên với Đạo vẫn lén lút về đây, che tạm những chiếc chòi tranh nho nhỏ mà thờ phượng và đùm bọc nắng mưa. Khi hay tin nhà cầm quyền Pháp cho trở về, thì:

Bổn đạo các xứ hay liền
Kẻ ghe người bộ đồng thuyền thẳng lên
Kẻ thời phát cỏ dọn nền
Đốn cây tranh lá đôi bên soạn làm…

Kẻ đến trước thì dọn nền, cắt tranh đốn cột để tạo lại nhà cửa; thương hại cho người đến sau, khi ghe vừa đến vàm kinh Vĩnh Tế thì lính Mã Tà ở đây xét hỏi và mắng chửi không cho vào núi Tượng:

Vĩnh Ngươn đồn đóng ngoài vàm
Mã Tà canh thủ, ai toan lẽ nào ?
Ghe thuyền tra giấy gắt gao
Ai về núi Tượng ào ào đuổi ra…

Mặc dầu chúng đàn áp, cấm không cho vào núi Tượng. Nhưng vì thương Thầy mến Đạo, bằng cách nầy hay cách khác, cũng có một số người thoát khỏi màn lưới canh phòng mà đi vào núi an toàn. Kẹt lại một số đông thiếu phương tiện đành đậu lại vàm kinh mà chờ cơ hội.

Đến tháng ba cùng năm, bịnh thời khí nổi lên hoành hành khắp vùng An Giang, Châu Đốc, người và vật hao hớt rất nhiều. Đức Bổn Sư hay tin chẳng lành nầy, bèn cấp cho mỗi tín đồ một đạo bùa, nên ác bịnh không hề xâm phạm đến.

Ác bịnh càng hoành hành, bọn lính gát ở đồn Vĩnh Ngươn càng sợ hãi, không màng đến việc cản trở ghe thuyền lui tới. Nhờ đó mà những người bị kẹt tại đây được đi vào núi Tượng thong thả. Đức Bổn Sư động mối từ tâm, Ngài bèn cấp linh phù, dạy thuốc điều trị và phân công cho các vị cao đồ về những vùng có xảy ra ác bịnh mà cứu thế độ nhơn. Đến tháng 6 cùng năm, các vị cao đồ mới chận đứng được chứng bịnh Thiên thời truyền nhiễm:

Tháng năm, tháng sáu mới bình
Nhơn dân khỏe mạnh giữ gìn làm ăn…

---o O o---

V- NHỮNG ĐIỀU LINH ỨNG VÀ HUYỀN DIỆU

Mỗi vị Hoạt Phật trong Giáo hệ Phật giáo BSKH khi chứng đắc Đạo quả, thường tiên tri những việc vị lai, nhắc lại quá khứ và

chữa trị cho người đời những chứng ác bịnh nan y. Đức Bổn Sư là một vị đã chứng tỏ điều đó.

Chúng tôi xin ghi lại những mẩu chuyện ứng nghiệm đã xảy ra khi Đức Bổn Sư còn tại thế và sau khi Ngài viên tịch. Thêm vào đó còn có những Sấm ngữ chưa xảy ra, để cho môn đệ nhìn vào đó mà răn mình, hoặc theo dõi những biến chuyển của thế cuộc và tương lai trong nền Đạo .v.v…Góp nhặt những mẩu chuyện sau đây căn cứ đủ mọi hình thức : Truyền khẩu cũng có, ghi vào Lịch sử truyền Đạo của Ngài cũng có, chép ra thành Kinh giảng cũng có. Chúng tôi cố gắng ghi trung thực ra đây không hề thêm bớt:

1.-TIÊN TRI VIỆC DỜI SAI NỀN CHÙA:

Vào năm NHâm Ngũ (1882) Đức Bổn Sư hướng dẫn đệ tử đến triền núi Dài, Ngài xem địa hình, địa vật để mở thôn An Hoà. Trước khi phá rừng mở đường sá để dời tín đồ về đây, Ngài xem phong thổ để chọn một địa điểm cất chùa làm Trung tâm truyền bá giáo pháp cho thôn mới.

Khi cấm Trung tâm nền chùa xong, Ngài chỉ phương hướng cho các đệ tử đến đó làm lễ trảm thảo, đắp nền. Nền đắp xong, Ngài đến xem xét lại. Khi Ngài xem hết chu vi nền chùa, Ngài bèn than rằng : Anh chị đắp nền nầy đã sai Trung tâm của tôi cắm rồi. Thôi lỡ rồi, số phận định sao hay vậy. Sau nầy họ "Mao" nó ở chớ không sao !

Tuy Ngài nói vậy, nhưng vẫn đốc thúc tín đồ dựng xong ngôi chùa. Ngài đạt tên là "Phổ Đà Tự". Ngôi chùa nầy là Trung tâm của thôn An Hòa. Còn họ "Mao" ? Tín đồ vẫn không biết Ngài ám chỉ vào người hay vật gì ? Nhưng sau khi Ngài viên tịch một thời gian, quân Pháp kéo vào chùa Phổ Đà mà đóng đồn, và chuyền qua tay quân đội khác đóng đồn mãi cho đến ngày nay…

---o O o—

2.-TIÊN TRI VIỆC PHÁP KHỦNG BỐ - CHẠY LOẠN VƯỜN DẦU:

Người Pháp đã nhiều phen tổ chức bắt Đức Bổn Sư, để dân chúng không còn tụ tập vào nơi chúng khó kiểm soát nữa. Chúng thường sai những người trung thành với Thực dân, len lỏi vào hàng ngũ của Đạo mà thi hành việc nầy, trái lại, những người lãnh lịnh

bắt Ngài lại là người quy y theo Đạo rất trung kiên, như trường hợp ông Nguyễn thanh Liễu tức Năm Củi là một. Do đó, chúng càng khó chịu và lưu tâm đến đạo Hiếu Nghĩa càng nhiều hơn.

Tháng giêng năm Ất Dậu (1885) Ngài truyền cho tín đồ lập Trường gà để đá gà. Nhưng gà không được thiến tích, không được phép nói tiếng ăn thua. Lớn nhỏ cũng đá, không cần vai chạn chi cả, chỉ để đá chơi mà thôi. Ngài còn dạy để tử sửa soạn để đi du hồ

...Thầy rằng truyền dạy vậy thì
Mai chiều nam nữ phải đi du hồ
Phong trần đều đủ phải cho
Suối Tiên tắm mát gậy dò thuốc linh.

Tuy Ngài bảo làm như vậy, nhưng tín đồ vẫn ngơ ngác không hiểu việc lập Trường đá gà và sửa soạn đi du hồ ý nghĩa ra làm sao ? Ngài còn cho biết thêm : Hôm nay có đủ mặt anh chị ở đây, tôi sẽ cho anh chị một bài Kệ để đời. Kệ rằng:

Cửa Thiền rày đã bặt hơi bon
Huê hạc hương bay cảnh vẫn còn
Trống sấm năm canh nghe lặng lẽ
Kèn kêu muôn dặm hỡi còn non
Dưới hồ mưa lấp sen tơi tả
Trên đỉnh sương sa đá chẳng mòn
Nghìn thuở gìn vàng ghi dạ ngọc
Chín trùng non nước biệt tôi con.

(Người tín đồ Hiếu Nghĩa sau lấy 8 câu thi nầy tạc vào cột gạch trước chùa Phổ Đà thuộc thôn An Hoà).

Các Đại đệ tử của Ngài chép bài Kệ nầy, mỗi người bàn một ý. Không ai dám quả quyết Ngài muốn cho tín đồ biết việc gì sắp xảy ra ?

Tương truyền rằng : Lúc Đức Bổn sư đang chứng một Lễ cúng, bỗng có tín đồ của Đức Phật Trùm từ núi Tà Lôn đến, Ngài cho mời người ấy vào. Người ấy vào xá Đức Bổn sư và dâng lên cho Ngài 4 đòn bánh tét và nói rằng : "Thầy tôi sai đem 4 đòn bánh tét nầy cho ông Đạo ở núi Tượng". Các đệ tử hỏi Ngài, Đức Phật Trùm cho bánh tét với ý nghĩa gì ? Ngài đáp : "Ấy là Ngài Trùm ngạo ta rằng đến tháng 4 thì chạy tét !". Ngài nói sao hay vậy, chớ tín đồ cũng không hiểu ra làm sao ?

Đức Bổn Sư bèn gởi trả lễ cho Đức Phật Trùm 3 trái thơm. Các đệ tử cũng hỏi về ý nghĩa 3 trái thơm ? Đức Phật Trùm đáp:

"Ông Đạo trả lời rằng: Tuy phải chạy tét vào tháng Tư, nhưng thời gian ba tháng sẽ trở lại và được danh thơm".

Quả nhiên đến tháng 4 giặc Pháp khủng bố tàn nhẫn, Ngài phải dìu dắt tín đồ chạy loạn đến vườn Dầu (Cao Miên). Chừng ấy tín đồ mới vỡ lẽ cuộc đối thoại đã nêu trên. Và tháng Tư là tháng Dậu cùng năm Dậu (chỉ Dậu là gà) một đôi gà cùng đá.v.v…

---o O o---

3.- CHUYỆN ÔNG CỬ ĐA:

Lúc bấy giờ vùng Bảy Núi là nơi hoang vu, nhiều hổ lang ác thú. Đức Bổn Sư vào khai hoang mở Đạo tại đây cùng với lúc Đảng Cần Vương tan rã. Quân Pháp đã chiếm trọn miền Nam nước Việt. Do đó mà cơ sở Đạo Hiếu Nghĩa như một tàng cây cổ thụ, dùng để cho các cánh chim giang hồ về đây đụt nắng mưa. Hay nói rõ hơn, cảnh rừng núi Thất sơn dễ làm nơi ẩn lánh và qui tụ của những nhà chí sĩ Cần Vương, khi chống Pháp sa cơ thất thế, trở về đây núp bóng chờ đợi thời cơ. Trong số đó có ông Cử Đa là một.

Tương truyền rằng: Ông Nguyễn văn Đa, người đời gọi là Cử Đa (Chưa rõ "Cử" là ông Tú ông Cử hay là một biệt hiệu ?) cùng với ông Trần văn Thành mở chiến khu Bảy Thưa (Nhà Láng) để chống Pháp. Khi thất bại, ông Cử chạy về đây thụ giáo với Đức Bổn Sư. Ngài đổi danh hiệu cho ông Cử là Thủ Tọa Trực.

Sau một thời gian, ông Cử ẩn mình trong lớp áo người Cư sĩ của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ông nghe tin giặc Pháp khủng bố nơi nầy, cường hào ác bá hoành hành nơi khác, máu anh hùng của ông bùng sôi trong huyết quản, mối hờn vong quốc sống dậy trong lòng ông. Lúc ấy cũng có những vị Đạo sĩ ở núi Tà Lơn luyện bùa phép, biết phi kiếm, phi đao cũng về ở vùng Bảy Núi để chờ cơ hội đánh Pháp. Các vị Đạo sĩ nầy hằng ngày khêu gợi lòng yêu nước của ông Cử và rủ ông cùng lên đường chống giặc.

Hoàn cảnh cũng như thân thế của ông nó không cho phép dừng một nơi, miệng niệm Di Đà, tay lần tràng hạt, nên ông vào bạch với Đức Bổn Sư cho ông lên đường chống giặc. Đức Bổn Sư bảo rằng: "Lòng yêu nước của ông Cử tôi đâu dám cản, nhưng thời cơ chưa đến, khí số Pháp còn dài. Đến chừng Trời định thì đàn bà gõ đũa bếp lên đầu nó cũng không nói". (Việc nầy ứng nghiệm vào năm1945 Pháp bị Nhựt rượt chạy vào thôn quê đói khát vào nhà dân xin cơm, đàn bà Việt Nam không cho mà còn đuổi đi). Ngài

nói tiếp: "Anh hãy về đóng một cái cối xay lúa đem lại đây, nếu tôi gõ ba tiếng chuông mà cối không bể, thì cuộc chiến chống Pháp của anh sẽ thành công".

Ông Cử nghe lời về đóng cái cối xay với ba niềng sắt. Đóng xong, ông bèn đem đến trình với Đức Bổn Sư. Không cần xem xét, Ngài liền đi thẳng đến bàn Kinh đánh lên ba tiếng chuông, tức thì cái cối của ông Cử Đa liền rã ra làm bốn mảnh !

Mặc dầu thất vọng, nhưng ông cử Đa cương quyết chống Pháp cho đến kỳ cùng. Ông âm thầm kết hợp những đồng chí cũ và các vị Đạo sĩ ở núi Tà Lơn kéo binh ra đột kích đồn Cây Mít của Pháp (ở mé kinh Vĩnh Tế). Vì binh ít, võ khí thô sơ nên đành thất bại, hàng ngũ lớp chết, lớp rã tan. Ông Cử không trở về núi Tượng nữa, nhờ những vị Đạo sĩ hướng dẫn ông và một số thủ hạ thẳng đường về núi Tà Lơn. Nghe đâu sau nầy ông chứng đắc đạo quả.

---o O o---

4.-CHỨNG QUẢ NGƯỜI TỰ THIÊU:

Nhiều cuộc chống Pháp xảy ra dồn dập, như vấn đề ông Cử Đa, tên Thập, ông Nguyễn thanh Liễu v.v…những người nầy họ võ trang bạo động, riêng đại đa số tín đồ Hiếu Nghĩa thì "Bất bạo động, bất hợp tác". Do đó, người Pháp mới đi đến quyết định giải tán Đạo và triệt hạ chùa miễu để tránh những hậu quả sâu xa về sau.

Ngày 15 tháng tư năm Ất Dậu (1885) quân Pháp tấn công vào càn quét núi Tượng. Trong chuyến đại bố nầy có rất nhiều người Miên. Miên thân binh cũng có, Miên "con hôi" cũng có. Khi hay tin chúng kéo đến Vĩnh Thông (cách núi Tượng khoảng 4 cây số) tất cả tín đồ đều xôn xao không biết chạy đi đâu. Họ bèn bao quanh theo Đức Bổn Sư:

Thôi thôi chẳng biết chạy đâu
Tựu ra Tam Bửu mà cầu Phật Tiên
Đua nhau lớn nhỏ đi liền
Trẻ già tựu hết gần miền canh hai
Mảng còn than vắn thở dài
Người đều tha thiết ai hoài thảm thương
Gẫm trong sanh tử lẽ thường
Nội làng Đại tiểu náo nương trong chùa…

Trong lúc tín đồ tựu đến chùa đông nức, kẻ khóc người than, thì quân Pháp kéo đến bao vây chùa. Đức Bổn Sư rất bình tĩnh như không việc gì xảy ra. Ngài họp tất cả tín đồ lại mà nói rằng : Việc đã đến thế nầy, anh chị hãy gom hết vào chùa để cùng tôi nổi lửa đốt chùa hầu đi theo Phật, còn hơn là để cho bị giặc bắt ! Mọi người nghe Ngài nói vậy, không ai dám tự thiêu, chỉ yêu cầu Ngài dắt dẫn cho đi trốn giặc mà thôi.

Tuy nói vậy, nhưng Ngài đi thắp hương và van vái đều đủ các bàn Phật đoạn Ngài trở ra dắt tín đồ đi về hướng Tây Bắc núi Tượng. Tất cả già trẻ bé lớn là 1.800 người vẫn đi công khai ra cửa , quân Pháp và Miên không ngăn cản hay xét hỏi điều chi ! Ngài hướng dẫn tín đồ qua kinh Vĩnh Tế, lội băng đồng, nhắm thẳng địa điểm Vườn Dầu (Cao Miên) mà đi.

Không ai đoán việc Ngài dắt tín đồ đi tị nạn trên đất Miên có tác dụng gì ? Tại sao Ngài không dắt đến núi Dài mà ẩn náu ? Vì hiện giờ Ngài đã mở ra hai thôn An Hòa và An Thành. Thôn An Thành cách nơi xảy ra ngót 8 cây số, rừng núi trập trùng có thể chứa hàng trăm ngàn người, Pháp cũng không làm sao tìm ra tông tích. Tại sao Ngài phải khổ sở đến tá ngụ trên đất Cao Miên ? Chuyện ấy thuộc về huyền vi, đời sau nầy ai muốn bàn thế nào cũng được.

Khi đi giữa đường, Ngài bảo tín đồ dừng lại để cầu kinh siêu độ cho hai người tự thiêu vì Đạo pháp ! Toàn thể tín đồ cũng tuân theo lịnh Ngài, chớ không hiểu ra làm sao. Đến sau mới biết ra, trong ngày giờ đó có hai vợ chồng người tín đồ già vừa liễu đạo tại núi Tượng.

Nguyên có hai vợ chồng người tín đồ già, nhà ở cách chùa khoảng 500 thước, khi hay tin giặc Pháp vào đốt chùa miễu và giải tán Đạo, Đức Bổn Sư đã nói những lời lẽ thống thiết với tín đồ. Khi Ngài hướng dẫn họ ra đi, vợ chồng ông Lão tự nguyện ở lại để làm đúng theo lời Ngài đã nói "Tự thiêu để về với Phật, không thể để cho giặc bắt". Do đó, ông chờ Ngài đi xa, mới bàn với bà nên tự thiêu để không còn nhìn cảnh thống khổ trước mắt. Đồng thời cũng tỏ thái độ phản đối sự vô nhân đạo của giặc Pháp ! Bà đồng ý, nên hai ông bà bèn bế cửa mà tự thiêu ! Khi ngọn lửa tàn, thân xác của hai ông bà cũng cháy tiêu theo sự nghiệp. Có lẽ, hai vợ chồng người tín đồ Hiếu Nghĩa nầy, đã mở kỷ nguyên vấn đề tự thiêu vì Đạo pháp tại Việt Nam ?

---o O o---

5.-TIÊN TRI CUỘC PHẢN THANH PHỤC MINH CỦA NƯỚC TÀU:

Như chúng tôi đã nói ở những chương trước, người vào đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa thờ tượng Quan Thánh và cúng dường bằng chuông mõ, nên người Trung Hoa họ thừa cơ hội đó mà bán những vật đạo cần thiết rất đắc giá, như: Kinh điển, tượng Quan Đế, chuỗi Bồ Đề, chuông mõ.v.v…thay vì lúc đầu họ cho thỉnh không.

Từ việc cho thỉnh không để quảng cáo, đến biến thành khách hàng để thương mãi là việc chuyên nghiệp của người Tàu. Các tín đồ vào bạch với Đức Bổn Sư về việc thương mãi của họ. Lúc ấy Ngài đang tham thiền tĩnh tọa, bỗng nhiên Ngài ứng khẩu: "Trước ngày đi tôi đã dặn dò, Bồ Đề Chuông Mõ thì phải ấn tống không, bây giờ nó cải lời tôi mà bán, tôi sẽ trở về bứt chóp nó".

Sau khi Ngài viên tịch một thời gian, cuộc Cách mạng phản đế của Trung Hoa thành công (Tân Hợi – 1911). Chánh phủ Lâm thời của họ ra lịnh "Cắt Đuôi Chệc" của người Mãn Thanh. Chừng đó tín đồ Đạo Hiếu Nghĩa mới biết sự ứng nghiệm theo lời tiên tri của Ngài.

---o O o---

6.- CUỘC MỞ ẤM Ở THỦY ĐÀI SƠN:

Khi Đức Bổn Sư hướng dẫn tín đồ từ Cù Lao Ba vào núi Tượng lúc đến Vĩnh Thông (cách núi Tượng 4 cây số) Ngài truyền cho tín đồ dừng lại, tạm trú nơi bờ kinh.

Một hôm, Ngài cùng một số Đại đệ tử lên núi Tượng để xem phong thủy, và chọn căn cứ làm Trung tâm truyền Đạo. Khi Ngài đến hòn Thủy Đài Sơn (tục gọi là núi Nước) Ngài bèn cản các đệ tử lại không cho đi tới nữa. Ngài cho biết, nơi đây có làn độc khí và 5 vị hung thần. Vì độc khí phát hiện từ hang Thuồng Luồng nơi trủng phía Tây, còn năm vị hung Thần ở 5 gốc bộng cây Da to, do người Tàu sai khiến giữ năm cây ếm của họ.

Ngài còn cho biết thêm: Người Tàu họ có một phái Phù Thủy rất lợi hại, bọn nầy chuyên đi ếm khắp xứ, nhứt lá các nước láng diềng. Khi họ thấy có xứ nào phong thủy đẹp, có thể xuất Thánh, hoặc hào Vương Tướng có lợi cho kẻ khác, nếu họ chiếm làm chủ không được, thì họ cũng ếm trù cho lụn bại !

Giải thích xong, Ngài dắt đệ tử trở về. Hôm sau Ngài ra một kiểu khăn bùa màu vàng, vẽ trên nhiễu điều. Và một kiểu khăn

khác để bịt đầu rìu cho thợ mộc. Ngài cùng chư đệ tử trở lại Thủy Đài Sơn để lấp hang Thuồng Luồng, hạ cây Da và đào lấy ếm của người Tàu. Công việc xong đâu đó, các đệ tử vẫn bình yên mà trở về.

Những kiểu khăn nầy, Ngài truyền lại cho vị Đại đệ tử là ông Trần Tịnh, pháp danh là Ngô Thiện Căng, hiện nay con cháu của ông Trần Tịnh vẫn còn cất giữ. Ngoài những kiểu khăn kể trên, Ngài còn cho ông Trần Tịnh một đồng xu bằng vàng, công dụng của đồng xu nầy là dành để khi hạ những cây cổ thụ nào nghi có tinh quái, lập tức tung đồng xu nầy lên thì hạ cây rất dễ dàng.

Người Trung Hoa kiều ngụ ở Hà Tiên, hay tin Ngài đã lấp hang Thuồng Luồng và mở ếm, họ bèn báo cáo với Pháp rằng : "Tại kinh Vĩnh Tế có một người Cách mạng, đang chiêu tập đồ chúng để chuẩn bị chống Pháp", từ đó nhà cầm quyền Pháp hết sức lưu ý đến những hành động của Ngài. Điều nầy cũng là một trong những vấn đề khởi nguồn cho việc khủng bố đạo Hiếu Nghĩa. Tuy biết vậy, nhưng Ngài vẫn không lùi bước trước bạo lực, Ngài vẫn hướng dẫn tín đồ đến phía Đông núi Tượng khai hoang mở Đạo, lập thôn ấp, cất chùa miễu lưu truyền cho đến ngày nay.

---o O o---

7.- HỔ CỬ SÁT SANH:

Theo lời lưu ngôn của các vị tiền bối: Khi ông Nguyễn văn Thoại phụng chiếu chỉ đến đốc suất đào kinh Vĩnh Tế, từ Châu Đốc xuyên Hà Tiên. Cuộc làm xâu nầy, dân chúng vô cùng khốn khổ, kẻ thì trốn về xứ phải lội ngang sông Hậu Giang, nhứt là khoảng Vàm Nao, bị cá mập ăn không biết bao nhiêu người. Phần lớn bị sơn lam chướng khí đau ốm nằm dựa bờ kinh, ban đêm bị Cọp, Beo từ Bảy Núi xuống đây hạ sát vô số kể !

Người lúc bấy giờ thường nói: Đức Bổn Sư dắt tín đồ vào đây mở rừng, lập Làng mới, không khác nào dắt dẫn người vào đây để hiến cho Cọp, Beo ! Nhưng trái lại, từ khi Ngài vào đây mở rừng, lập giáo cho đến ngày nay, không hề xảy ra nạn tai về Hổ lang ác thú. Trong ấy có những điều ứng nghiệm khiến cho người đời lưu ý.

Khởi đầu cho cuộc khai mở thành lập thôn An Định, khi đến phía Nam ngọn đồi lớn của núi Tượng, bỗng gặp một đống xương cao nghệu, xương người có, xương thú có. Mọi người trông

thấy thảy đều hãi hùng ! Đức Bổn Sư bèn truyền bổn đạo đào huyệt mà chôn đống xương ấy, đồng thời Ngài truyền dọn nền tại đây mà thiết lập một ngôi miễu, tên là Mã Châu Miếu.

Một hôm, có ông Lão từ núi Dài đến núi Tượng, xin ngủ nhờ nhà một người ở xóm núi Nước. Ông nói là đợi khuya đón người đi chợ Lạc Quới để gởi mua thịt heo dùm. Liên tiếp hai đêm, ông Lão đều đến xin ngủ nhờ và làm y như vậy. Chủ nhà sanh nghi nên dò xét chỗ ông Lão ngủ, xem có gì lạ không ? Bỗng người chủ nhà kinh ngạc, khi biết ông già ngủ chỗ nào là đái dầm chỗ đó ! Qua đêm thứ ba, chủ nhà cố thức rình xem kỹ hành động của ông già quái lạ nầy.

Đến khuya, ông già ngủ say, bỗng hiện hiện nguyên hình là một lão cọp bạch nằm ngủ ngáy vang như sấm ! Chủ nhà không dám ngủ, thức trắng đêm tâm niệm thần chú: "Giáng Long phục Hổ" của Đức Bổn Sư truyền thọ, và cố cắn răng lẳng lặng mà chờ sáng. Mặc dầu ông chủ nhà thường nghe Đức Bổn Sư giảng giải: " Những loài ác thú ở đây đều có quy y với tôi cả. Nếu anh chị có đi rừng núi, rủi gặp họ thì cứ xem như là đồng đạo và niệm chú "Giáng Long phục Hổ" thì không có chuyện gì xảy ra. Tuy biết vậy, nhưng ông cũng không dám tin tưởng trọn vẹn, vẫn phập phồng lo sợ từng chập, đôi mắt không rời chỗ "ông già cọp Bạch" đang ngủ !

Trời vừa mờ đất, ông phóng nước đại đến chùa Tam Bửu, vừa gặp Đức Bổn Sư, Ngài liền mỉm cười hỏi:

-Chắc đêm nay anh ngủ không được ?

Ông chủ nhà vừa run rẩy vừa trả lời :

-Bạch sư, có ông Cọp Bạch đến ngủ nhờ nhà đệ tử trong ba đêm liền, để gởi mua thịt heo.

-Vậy anh không thấy đống xương to lớn ở miễu Mã Châu sao ? Ngài lại nói tiếp: Lão Bạch Hổ đó là Chúa sơn lâm ở đây, đã quy y Phật pháp rồi, nên ông ta phải đích thân đi mua thịt cho đồng loại ăn để khỏi phạm sát giới. Đồng đạo mà anh sợ nỗi gì !

---o O o---

8.- CHỨNG ĐẠI TRAI ĐÀN:

Người tu theo Tứ Ân Hiếu Nghĩa mỗi khi cúng kiếng cầu siêu phải sắm đủ hai phần: Phẩm vật và Kinh pháp. Ngoài hương

đăng trà quả ra, các phẩm vật khác có chi cúng nấy. Kinh pháp mới là phần chánh, phải tụng niệm đầy đủ đúng theo nghi thức của Đạo

Có một hôm, Đức Bổn Sư ra đứng nhìn Trời giây lát Ngài bèn trở vào chùa, hối đệ tử làm Sớ điệp gấp để đi chứng một đám Đại trai đàn. Các đệ tử của Ngài lấy làm lạ, nhưng vẫn tuân theo lịnh của Ngài chớ không dám hỏi. Thông thường theo sự cúng kiếng trong Đạo, bá gia phải trình giấy trước, trễ lắm cũng ba ngày, nay Đức Bổn Sư bảo phải làm một hai giờ cho xong phần Sớ điệp, chuyện ấy chưa từng xảy ra. Mặc dầu biết quá gấp, nhưng anh em Cư sĩ cũng hợp lại để làm theo ý Ngài.

Giấy điệp xong, Ngài gọi các đệ tử theo Ngài đi cầu siêu lễ Đại cúng. Lúc ấy vào khoảng nửa đêm, ai nấy chỉnh tề khăn áo cùng đi theo Ngài, chớ chưa biết lễ Đại cúng ở đâu ? Khi đến một túp lều tranh, Ngài liền dừng lại và cho biết: Nhà nầy sắp làm Đại Trai đàn. Các đệ tử thấy nhà quá nghèo, nhưng trần thiết lễ cúng rất trang nghiêm và sạch sẽ, bốn bên nhà đều có trồng hoa hương thơm bát ngát. Cửa tuy đóng, nhưng từ đàng trước có thể nhìn suốt tới sau bếp. Bàn thờ lót vạt tre, kê trên những gốc cây làm chưn. Trên bàn đã đặt sẵn những phẩm vật cần thiết, khói hương bay nghi ngút.

Người Cư sĩ vào gõ cửa và gọi nhỏ:

-Bà Hai, Bà Hai ra mở cửa, có Thầy đến.

Người đàn bà chạy ra mở cửa và rất kinh ngạc, khi nhìn thấy Đức Bổn Sư. Ngài ung dung bước vào nói:

-Tôi nghe Chư Vị nói lại, đêm nay chị cử đàn Đại cúng nên tôi và các anh chị đây, đến chứng lễ và cầu siêu.

Người đàn bà quì xuống thưa:

-Bạch Thầy, gia đình đệ tử quá thiếu kém, không lo đủ phẩm vật, nên đệ tử không dám trình đến Thầy. Ngày qua, đệ tử có đi ra đồng bắt được một mớ cua, đợi đến tối mới nướng mà dâng cúng. Chỉ có phần kinh pháp là đệ tử lo đủ.

Đức Bổn Sư dùng lời lẽ đạo đức mà an ủi, đồng thời Ngài cho bà biết tiếp:

-Lễ cúng của chị có ba điều mà người đời khó làm đủ được: Thứ nhứt là niệm Kinh pháp chính chắn. Thứ nhì là lòng thành. Thứ ba là cảm động đến mười phương chư Phật.

---o O o---

9.- QUÀY CHUỐI CƠM NON:

Ngoài sự cúng kiếng Tam ngươn Tứ quí ra, Đức Bổn Sư còn dạy tín đồ luân phiên nhau mà tụng niệm tại chùa mỗi tháng ba lần (mùng Chín, 19 và 29) gọi là phiên vọng U minh. Lúc ấy Ngài còn cư ngụ tại nhà ông Trần Tịnh. Nhà nầy cũng thực hiện đúng theo quy tắc của chùa.

Một buổi sáng ngày 29, chị hai Đượm (dâu của ông Trần Tịnh) đi chợ về quên mua phẩm vật để dâng cúng, chị Hai sợ cha mẹ chồng quở trách, nhưng vì chợ thì xa, đường thì vắng vẻ không dám đi một mình, để mua phẩm vật đã quên.

Bỗng chị nhớ ra, ngoài vườn có trồng một ít chuối cơm. Chị bèn cầm dao ra vườn, miệng van vái lâm râm, cầu cho gặp được một quày chuối già để thay vào việc thiếu sót của mình. Nhưng không được toại nguyện, vì trọn vườn chuối chỉ có một quày chuối cơm non. Rốt cuộc, chị phải đốn và không quên khấn vái cho quày chuối trở nên già, chín để khỏi bị quở trách.

Đốn xong, chị chặt ra từng nải, rửa sạch đem sắp lên bàn theo nghi thức đã có từ trước, nhưng vẫn hồi hộp lo sợ không yên. Đêm ấy, chị không hề chớp mắt. Đến khuya chị thức dậy để lo đi chợ mua bán. Trước nhứt, chị ra xem những nải chuối mà chị hằng lưu tâm cầu nguyện thâu đêm. Bỗng chị hết sức vui mừng, vì những nải chuối cơm non ấy nó đã chín đỏ gay !

Sáng ngày cúng kiếng xong, bà Trần Tịnh bưng chuối cho Đức Bổn Sư dùng. Ngài vừa lột chuối ăn, vừa nói:

-Chị hãy đem ba trái chuối nầy cho con Đượm nó ăn để được sống bá niên trường thọ !

Bà Trần Tịnh không biết Ất Giáp gì, nhưng cũng tuân theo lịnh Ngài, đem cất ba trái chuối của Ngài cho để dành cho nàng dâu.

Khi chị hai Đượm đi chợ về, nghe mẹ chồng thuật lại như vậy, bèn quì xuống mà kể rõ sự thiếu sót của mình. Cả nhà nghe qua không khỏi lấy làm lạ.

---o O o---

10.-GIỚI TỬU – RĂN UỐNG RƯỢU:

Người vào đạo Hiếu Nghĩa cũng kiêng cử Ngũ giới cấm, nghĩa là: Cấm sát sanh, cấm trộm cướp, cấm tà dâm, cấm nói dối, cấm uống rượu như giáo điều của Thiền Tông. Riêng phần giới tửu, Đức Bổn Sư vẫn tùy theo cơ duyên của người tín đồ chớ

không tuyệt đối cấm hẳn. Ngài thường khuyên răn tín đồ nên lánh xa rượu chè, nhưng rủi lỡ chén khi tiệc tùng thì phải nghỉ ba ngày không nên tụng niệm Kinh chú và trị bịnh. *(Đây cũng là một phương pháp giảm thiểu tửu giới cho người tu Hiếu Nghĩa tại gia. Như thường hành công phu tụng niệm mà nghỉ đi 1 ngày là đường công phu bị thối chuyển. Nên không thể nghỉ công phu ngày giờ nào. Muốn công phu trì tụng liên tục thì không thể uống rượu).* Trong số Đại đệ tử của Ngài có ông Sáu Đồn rất trung thành với Đạo và giỏi tài trị bịnh tà cho bá tánh, nhưng ông mắc phải chứng nghiện rượu rất nặng, không thể bỏ được.

Một hôm, có người nhà của ông Bảy (bá gia của đạo H.N.) đến bạch với Đức Bổn Sư rằng: ông Bảy thọ bịnh rất lâu uống thuốc chi cũng không lành. Căn bịnh ông nay đến hồi nguy kịch, chỉ còn thiêm thiếp trên giường mà chờ chết. Đức Bổn Sư bảo: Về thỉnh anh Sáu Đồn trị cho thì mạnh chớ chết cái gì.

Người nhà của bịnh nhơn đến thỉnh ông Sáu Đồn. Ông đến xem bịnh xong, bèn lấy thanh sắt trong túi ra (thanh sắt nầy là đồ nghề trị bịnh của ông), bắt từ đầu của bịnh nhơn mà gõ dài xuống. Khi gõ đến bụng, bịnh nhơn bỗng la lên: Chết tôi đi !

Ông Sáu hỏi: Mi là giống gì mà dám phá khuấy bịnh nhơn? Hãy nói mau.

- Bạch Thầy, tôi gốc là con chó Mực, trước kia oan gia nầy giết tôi mà ăn thịt, nên bây giờ tôi đến mà đòi mạng !

- Thôi, nhà ngươi cho ta in đi. Hồi trước người nầy khác, hôm nay đã tu hành rồi, hãy tha cho người ta. Muốn gì ta bảo gia chủ trả lễ cho.

- Tôi chỉ cần Thầy tụng cho ba đêm Kinh siêu độ để được hóa kiếp.

- Tha cho người khỏi bịnh. Ta hứa giữ lời mi đòi hỏi.

Ông Sáu vẫn giữ lời hứa, tụng cho oan hồn ba đêm Kinh siêu độ. Quả nhiên bịnh nhơn giảm hết chín phần mười. Qua đêm thứ ba, ông Sáu dùng rượu phun vào bịnh nhơn để khử tà, không ngờ, sau khi ông Sáu phun rượu xong, bịnh nhơn trở chứng gấp đôi khi trước. Ông Sáu bèn lấy thanh sắt mà làm y như trước, bịnh nhơn vẫn la lên. Ông Sáu bèn hỏi:

- Tại sao mi dối gạt ta ? Còn ở lại giễu hại bịnh nhơn ?

- Vì Kinh ông tụng cầu siêu cho tôi đã cháy hết rồi.

- Mi nói dối, lý do nào mà Kinh cháy ?

- Tại ông uống rượu nên Kinh cháy hết !

- Ta uống rượu hồi nào ?

- Hồi ông phun rượu chưa hết, lại nuốt vào bụng nên cháy Kinh ông đã tụng.

Nguyên ông Sáu Đồn vẫn tuân theo lời Đức Bổn Sư mà cử rượu trong thời gian đi trị bịnh, không ngờ đã đến lúc ông quá ghiền, nên khi ngậm vào là "con sâu rượu" nó bò thẳng vào bụng ông hết phân nửa ly ! Báo hại ông Sáu phải giới tửu luôn ba hôm nữa để tụng Kinh siêu độ cho hồn ma chó, thì bịnh nhơn mới bình phục hẳn.

---o O o---

11.- THỬ THẦY TRỞ THÀNH ĐỆ TỬ:

Đức Bổn Sư lập thôn ấp, giáo hóa người đời tu học tại nơi thâm u vắng vẻ, không cạnh tranh và đụng chạm đến quyền lợi của người khác. Tuy mối đạo bị người Pháp nghi kỵ và khủng bố, người Miên ganh ghét, nhưng chẳng bao lâu tiếng Ngài đồn vang dội khắp nơi, nhứt là về phương diện trị bịnh cứu đời.

Lúc bấy giờ có ông Đội Đồn Điền ở Cái Tàu Thượng, tánh tình rất ngang bướng, ngạo mạn. Ông nghe người ta đồn về sự linh ứng của Đức Bổn Sư, chẳng những ông không tin, mà còn cười mấy người đồn đãi là mê tín dị đoan, ông hứa sẽ đi thử ông đạo ấy một bữa cho biết chánh tà.

Ông Đội nói là làm. Cách mấy hôm sau ông Đội đích thân vào núi Tượng để thử Đức Bổn Sư. Khi ông vừa bước chơn vào cửa chùa Tam Bửu, Đức Bổn Sư bước ra tiếp kiến ông Đội, và Ngài mỉm cười:

-Ông được mạnh giỏi chớ ? Muốn thử tôi bằng cách nào đây ?

Ông Đội nghe qua thất kinh, nghẹn lời không biết phải nói sao. Đức Bổn Sư bèn nói tiếp:

-Thôi để tôi cho ông một nghề, về nhà nằm ngửa mà ăn tới già cũng không hết, khỏi phải đi tới lui mà thử người ta làm chi cho thất công !

Ông Đội Đồn Điền trở về nhà, từ đó nổi lên nghề coi bói rất giỏi. Đặc biệt là khi có thân chủ đến coi bói, ông liền quay mặt vào vách mà nói mười chuyện không sai một. Từ đó tiếng đồn vang dội, ai có việc gì cũng đến coi bói với ông. Ông không hề ăn tiền ai, chỉ bán món thuốc Lục Nhứt hoàn kiếm chút ít lời để nuôi sống qua ngày.

---o O o---

12.- GIỚI THAM – RĂN LÒNG THAM:

Lúc khởi công dựng ngôi chùa Phi Lai (ngôi chùa chánh của Đạo). Tín đồ tựu đến làm công quả rất đông. Đức Bổn Sư bèn kêu một anh thợ rừng (người chuyên sống bằng nghề đốn cây trên rừng) đến mà bảo rằng: Anh hãy đi lên núi Dài mà hạ cây Cam Đàn nơi tôi chỉ đây, đem về có nhiều việc xài cho chùa. Ngài vừa nói vừa phác họa sơ đồ đi đến cây Cam ấy, mặc dầu Ngài chưa đi đến đấy một lần nào.

Khi ông thợ đi đến vị trí cây Cam ấy thì không khỏi kinh ngạc, thấy một cây Cam Đàn quá lớn, không biết mọc từ bao giờ. Bỗng ông ta khởi động lòng tham, bèn suy nghĩ nếu cây nầy cưa ra mà làm riêng cho gia đình thì tiền bạc rất dồi dào, nghĩ như vậy, ông thợ bèn trở về mà bạch với Đức Bổn Sư rằng: Cây ấy có, nhưng bị người khác hạ đã từ lâu rồi. Nghe ông ta nói như vậy Ngài vẫn thản nhiên không nói gì.

Ông thợ trở về nhà rủ thêm đồng nghiệp đi hạ cây ấy để chia nhau đóng ghế tủ mà bán riêng. Đến nơi, họ hè nhau mà hạ cây Cam Đàn ấy, rủi cho ông thợ bị sợi dây chằng giựt vào cây, nên bị cây đập vào mình dập xương chết tốt !

Các đồng nghiệp khiêng xác ông thợ về nhà, vợ con ông ta khóc kể lỡ vỡ xóm làng. Có người vào bạch với Đức Bổn Sư tự sự, Ngài bảo: Hãy khiêng xác nó vào đây, tôi cứu cho. Mọi người nghe qua không khỏi lấy làm lạ, người đã chết nát thây rồi làm thế nào mà cứu được ? Tuy vậy cũng không dám cãi.

Khi khiêng thây ông thợ vào đến chùa, Ngài liền bảo tín đồ đi hái lá cây Cù Dầu (một thứ cây có rất nhiều ở miền núi) về đâm dập nát ra, đoạn khiêng xác ông thợ để vào một chiếc xuồng lấy lá Cù Dầu phủ lên và đổ nước ngập xác nạn nhơn. Ngài mới nói trỏng một mình: Thôi, chư vị cho tôi xin, răn nó bằng một vết thẹo cũng đủ rồi. Giây lát, ông thợ rừng liền sống lại, nhưng ông ta tê liệt nửa thân mình, không cử động được. Từ đó ông chỉ lê la kiếp sống thừa để báo vợ con.

---o O O---

13.- LÀM THẦY ĂN THỊT TƯỚNG:

Ông bảy Dươn là một vị cao đồ của Đức Bổn Sư, ông được Thầy truyền phép cho đi chu du khắp nơi mà trị bịnh cứu đời. Một

hôm, ông Bảy vào bạch với Ngài cho về tỉnh Định Tường để điều trị một bịnh điên, vì ở vùng nầy có một bịnh điên, các Thầy phù, Thầy pháp đều thúc thủ.

Khi gia chủ rước ông Bảy đến, ông tụng một thời kinh trừ tà xong, bèn bảo gia chủ kiếm một mụt măng tre, ông Bảy dùng làm cốt tướng khiển lên mà trị bịnh. Ba hôm sau, bịnh lành. Ông Bảy cho cúng trả lễ bằng một con gà. Sẵn mụt măng (cốt tướng) ông biểu gia chủ hầm luôn với con gà !

Ăn uống xong, ông Bảy giã từ gia chủ để trở về núi, dọc đường không xảy ra việc chi. Khi về đến đầu lộ Vĩnh Thông (cách núi Tượng khoảng 4 cây số). Ông Bảy phát lên đau bụng dữ dội, không thể đi được nữa, người nhà của ông phải khiêng ông Bảy về chùa. Đức Bổn Sư bước ra nhìn ông Bảy với vẻ phiền trách:

- Cơ khổ không, anh Bảy trị bịnh giỏi quá, dám ăn tới thịt tướng. Tại sao không trị bịnh cho mình ?

Tuy Ngài nói vậy, nhưng cũng cầm tay ông Bảy Dươn mà nói thinh không rằng: Thôi chư vị cho tôi xin một lần, vì anh Bảy chưa biết nên phạm giới sát. Ngài nói xong, ông Bảy liền hết chứng đau bụng ngay. Ông ngồi dậy lạy tạ ơn Ngài cứu mạng, và cam kết tự hậu không dám tái phạm.

---O o O---

14.- MỘT BÀI THƠ NHIỀU CHỮ "BẤT":

Có một năm vào khoảng tháng 9 âm lịch, nước ngập đến chơn núi. Thập phương thiện tín đi chùa quy y thọ giáo, được lưu thong bằng ghe thuyền đến tận chơn núi dễ dàng.

Trong số nầy có vị Hương cả quê ở Cần Thơ, nghe đồn ở núi Tượng có ông Sư đang truyền bá một giáo thuyết rất hợp với căn cơ của chúng sinh và chữa khỏi nhiều bịnh nan y. Ông Cả rất mộ đạo, nhưng cũng không dễ tin, ông sắp đặt đến thử một lần cho biết.

Khi thuyền ông đến núi, ông bèn sửa soạn khăn áo chỉnh tề đi đến chùa lạy Phật và có mang theo một chiếc hộp 3 lớp mở đến lớp trong cùng mới đến vật ông thử Đức Bổn Sư. Trước khi đi, ông xem xét kỹ chiếc hộp lại lần chót, mới đến chùa ra mắt Ngài. Khi chủ khách chào hỏi xong. Đức Bổn Sư liền ứng khẩu ngâm:

Bất Trường an bất cố hương
Bất Sĩ bất nông bất công thương

Phú quí hữu tình giai bất bất
Bất cầu danh lợi bất cầu thương.

Sau khi Ngài ngâm xong bài thơ bèn mỉm cười nói với ông Cả: "Tôi có sẵn bao nhiêu chữ "Bất" còn ông có một chữ Bất mà thử tôi làm chi ?"

Ông Cả nghe Ngài nói xong, bèn sụp xuống lạy Ngài mà quy y thọ giáo. Chừng ấy mới biết trong ngăn hộp thứ ba của ông Cả có một chữ "Bất" chính tay ông vẽ và tạo ra cái hộp để thử Đức Bổn Sư.

---o O o---

15.- CHUYỆN ĐI ĐẦU THAI:

Ngoài giờ giáo hóa đệ tử, chứng những Lễ cúng ra, Đức Bổn Sư thường ngồi Thiền định. Mỗi khi Ngài ngồi Thiền định thì chỉ còn một thể xác cứng đờ, hơi thở rất nhỏ. Sau khi Ngài tỉnh lại thì có nhiều điều khác lạ để giáo hoá tín đồ. Do đó mà người đời thường gọi Ngài là "Ông Năm Thiếp".

Một hôm, có người tín đồ xin dắt dẫn cho cùng Ngài đi thiếp. Ngài dắt hồn người ấy lìa khỏi xác đi đến một ngã ba. Ngài bảo hồn người ấy đứng tại đây chờ Ngài tiếp chuyện với Diêm Vương. Người tín đồ vâng lịnh, đứng tại ngã ba chờ Ngài. Bỗng ông ta thấy 5 thiếu nữ rất xinh đẹp đi qua mặt ông ta, liền chạy theo trêu ghẹo, năm cô gái bèn rủ ông ta theo chơi cho vui. Đi đến một nơi, năm nàng vừa dừng lại thì ông ta cũng vừa đi tới. Bỗng từ phía sau như có người xô nhập ông ta vào mình năm thiếu nữ.

Khi Đức Bổn Sư xuất tỉnh, mà người tín đồ nọ vẫn còn nằm thiêm thiếp như một xác chết. Trái tim đã ngưng đập, ngực chỉ còn nóng đôi chút. Người nhà của ông ta khóc lóc đền mạng với Đức Bổn Sư. Ngài vẫn thản nhiên mà rằng: "Ở xóm trên có con heo nái mới sanh ra một bầy heo con, trong ấy chỉ có một con đực. Vậy anh chị hãy đến đó nài mua cho được con heo đực ấy, bất cứ giá nào cũng phải mua".

Người nhà của ông ta vâng lời đi thẳng đến xóm trên, quả đúng theo lời Ngài nói. Ông chủ nhà đó có nuôi một con heo nái vừa đẻ một bầy heo con, năm con cái, chỉ có một con đực. Người chủ heo tính để giống, nên không bán. Người nhà của nạn nhơn năn nỉ hết lời và thuật rõ chuyện nhà, thêm vào lời Đức Bổn Sư chỉ dạy, nên ông chủ heo buộc lòng phải bán con heo đực.

Khi đem con heo về, Ngài bảo đem con heo đến bên xác nạn nhơn vật heo cho chết đi. Giây lát, người đi thiếp tỉnh lại. Anh ta bỗng nói lớn rằng:

- Người ta đang đi chơi vui quá, tại sao kêu triệt về đây chi mà gấp vậy ?

Người nhà chỉ xác con heo và kể rõ đầu đuôi, anh ta mới vỡ lẽ ra và thuật chuyện đi chơi cùng 5 thiếu nữ, cho đến lúc anh ta được người nhà gọi tỉnh dậy. Anh ta bèn vào chùa lạy Đức Bổn Sư mà tạ ơn cứu mạng.

---o O o—

16.- Ý NGHĨA CHUYỆN ĐỜI TỚI:

Một hôm Đức Bổn Sư gọi vị đệ tử của Ngài tên là Hai Lộc đến mà bảo rằng: Anh nhớ khi nào con đường chung quanh núi Tượng làm xong, xe cộ được chạy thông thương thì chừng đó đời tới !

Sau khi Đức Bổn Sư viên tịch, đến năm Tân Mão (1891) nhà cầm quyền Pháp vào đây làm đường chung quanh núi Tượng vừa xong. Ông Hai Lộc chống gậy ra ngã ba đường nhìn xe cộ qua lại, đoạn ông Hai chấp tay niệm ba tiếng Phật hiệu và nói với người chung quanh rằng: Hồi chị Năm (gọi Đức Bổn Sư) còn tại thế có dặn tôi, khi nào đường chung quanh núi làm xong thì đời tới. Trở về nhà, trong đêm đó ông Hai ngủ luôn một giấc ngàn thu!

---o O o---

Lại một chuyện khác, một hôm Đức Bổn Sư gọi ông Hương chủ Sách (người tín đồ) vào bảo rằng: Ít hôm nữa có trát của Hội Tề ở Năng Gù gọi anh về cho phục chức Xã trưởng (trước kia ông làm Xã trưởng tại đây). Cách ít hôm sau, ông Chủ Sách được trát đòi đúng theo lời Đức Bổn Sư đã nói.

Khi ông chủ Sách được trát đòi, bèn vào thuật tự sự và xin Ngài chỉ dạy việc sắp tới ? Ngài bảo rằng: “Anh hãy về làm việc với người ta đi, nhưng nên nhớ khi mãn khóa phải trở về đây, chớ ở dưới chừng “Đời tới” thì về không kịp”.

Ông chủ Sách vâng lời về làm việc cho tới khi mãn khóa vẫn bình yên, ông vẫn nhớ lời Đức Bổn Sư căn dặn, nhưng thấy thời cuộc vẫn yên ổn, nên ông đăng thêm một khóa ba năm nữa. Nào ngờ ông mới lãnh tờ cử khóa thứ nhì được ít hôm thì ông thọ bạo bịnh mà qua đời ! Chừng đó mới biết ý nghĩa của Đức Bổn Sư

nói tới đời là đời của người đó tới, chớ không phải đời tới là Trời long Đất lở như người ta tưởng.

---o O 0---

17.- ÔNG CẢ "CỌP":

Sau khi dựng Đình PHI LAI xong, Đức Bổn Sư cho xây trước cửa Đình hai ngôi miễu nhỏ. Miễu phía bên trái thờ Ngũ Hành, miễu bên mặt thờ Bạch Hổ Sơn Quân.

Ngũ Hành tức là thờ Thần Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Còn thờ Bạch Hổ Sơn Quân có điều lạ hơn các ngôi Đình Thần khác, mỗi năm khi đáo lệ cúng Kỳ yên, Ngài cho viết ra Tờ cử. Nội dung Tờ cử là sắc phong cho Bạch Hổ Sơn Quân làm Hương Cả. Người đời thường gọi là Ông Cả Hổ !

Ngài cho đem Tờ cử nầy dẫn dưới lư hương và đồ phẩm vật tặng cho ông Hương cả Cọp nầy. Tín đồ của Ngài cũng bán tín bán nghi, nhưng qua đêm cúng Kỳ Yên, người ta ra ngoài miễu thì thấy dấu cọp đi và quàu quấu chung quanh miễu, tờ cử và đồ phẩm vật cũng mất hết. Mỗi hai năm đáo lệ một lần công cử như vậy, thét rồi thành lệ qua hai năm là bá gia biết đã đến kỳ đổi Tờ cử cho vị Hương cả Hổ. Có điều đặc biệt là khi ông "Hương Cả" nầy nhận Tờ cử mới thì trả Tờ cử cũ lại.

Sau ngày Đức Bổn Sư viên tịch, các vị cao đồ vẫn noi theo Ngài mà tạo Tờ cử và làm y như cũ, nhưng Tờ cử và phẩm vật y nguyên, ông cả Cọp không bao giờ nhận !

Đọc chuyện nầy, có nhiều người cho rằng là điều huyền thoại khó tin. Nhưng cũng không lấy làm lạ là từ ngày Đức Bổn Sư phong cho cọp Bạch làm Hương Cả đến nay đã gần 100 năm, tại núi Dài, núi Tượng nói riêng, vùng 7 núi nói chung, không hề xảy ra một vụ Hổ Lang ác thú hại mạng người. Và xã Ba Chúc cho đến nay trong Hương chức chỉ có chức Hương Chủ, còn vị Hương Cả vẫn giữ nguyên cho Hương cả Cọp !

---o O o---

18.- NÚI TƯỢNG KHÔNG CÓ CHIM SẺ:

Trước ngày Đức Bổn Sư viên tịch, chim Se Sẻ bay liệng khắp nơi, làm chuyện ô uế và xây tổ sanh con đẻ cái trong chùa miễu bất kể chỗ nào. Các vị đệ tử phàn nàn giống chim quái ác

nầy. Ngài bèn nói với Bá gia rằng: Anh chị đừng lo, tôi sẽ cấm loại chim nầy không cho nó bén mảng đến núi Tượng nữa !

Sau khi Ngài viên tịch, người ta không khỏi lấy làm lạ, cả vùng núi Tượng không hề thấy bóng một con chim Sẻ nào, cho đến ngày nay, núi Tượng vẫn không có loài chim Sẻ.

Căn cứ theo thực tế, có người cho rằng đây là chuyện huyền hoặc khó tin, bởi loài chim nầy thường tựu đến nơi nào có lúa gạo, còn vùng núi là nơi kém khuyết về kho lẩm chứa lúa gạo, nên nó không đến chớ không có chi là lạ.

Thực tế là vậy, nhưng nếu ai lưu tâm thì sẽ gặp loại chim nầy khắp các vùng núi khác, nhứt là núi Dài cách xa núi Tượng không quá một cây số ngàn, cũng không thiếu chi loài chim Sẻ. Cách nay hai năm, có một hôm chim Sẻ về đây rất đông, nhưng trong một thời gian không lâu, chúng kéo nhau đi hết, không hề lưu lại núi Tượng một con nào. Các vị tín đồ của Tứ Ân Hiếu Nghĩa đều bàn rằng"Có lẽ đây là dấu hiệu Tổ đi rồi Tổ "Sẽ" về ?"

--o O o---

19.- CHUYỆN CỦ NỪNG:

Khi Đức Bổn Sư hướng dẫn tín đồ đến khai mở thôn An Thành từ núi Tượng đến đây khoảng 7 cây số ngàn đường rừng. Khi đi giữa đường, Ngài thấy các tín đồ ra dáng đói khát, Ngài bèn bảo rằng các anh chị đói sao không nhổ củ Nừng nướng mà ăn cho đở đói (loại củ Nừng thường mọc ở rừng núi bò như dây khoai ngọt).

Các vị đệ tử lấy làm lạ, loại củ Nừng rừng nầy tánh nó rất độc ngứa và còn hơn củ môn nước, hơn nữa chất nó rất kỵ lửa, người ta muốn ăn nó, phải nấu cho thật chín, rồi vắt và đạp cho ráo nước, nấu đi nấu lại như vậy cho đến bảy tám lần ăn mới được, nếu nướng nó vào lửa, ăn vào có khi chết không kịp trối ! Nhưng Ngài bảo thì tín đồ không dám cãi, vẫn đốt lửa lên mà nướng củ Nừng. Khi Nừng chín, người ta vẫn còn dè dặt, ăn thử từ miếng nhỏ, khi ăn thử xong thấy mùi vị rất ngon, nên từ từ ăn đến no bụng, không thấy xảy ra việc gì.

Một trong những người thấy Nừng không còn kỵ lửa nữa, bèn kiếm về một mớ nướng cho con ăn. Không ngờ khi ăn vào khỏi cổ thì đứa nhỏ bỗng nhiên á khẩu (câm). Ông nầy hoảng hồn chạy đến nhờ Đức Bổn Sư giải cứu. Ngài nghe qua bèn mỉm cười,

bảo múc vào một tô nước đoạn Ngài làm phép, bảo người ấy đem về cho con uống thì hết. Ông nầy đem tô nước về cho con uống quả đúng như lời.

Mấy hôm sau mấy người đồng đạo cùng đi với ông bữa trước hỏi đùa rằng: Sao anh không nướng Nừng cho con anh ăn nữa ?

Ông nầy bèn trả lời:

- Không dám ! Nừng bây giờ kỵ nước rồi !

---o O o---

20.- LỜI DẶN SAU CÙNG:

Trước ngày Đức Bổn Sư viên tịch, Ngài có gọi một số cao đồ tín cần đến mà dặn rằng: Sau khi tôi đi Ta Bà, anh chị rán cố gắng đem nhục thể của tôi về núi Tượng (lúc đó Ngài còn ở tại các thôn bên núi Dài). Vì sau nầy chỉ có núi Tượng còn giữ nguyên được di tích, núi Dài là nơi tranh hùng tranh bá, nhơn vật đều xác xơ hết không được yên ổn đâu.

Mấy mươi năm sau khi Ngài viên tịch, quả y như lời Ngài dặn, núi Dài giặc giã triền miên kéo dài cho đến ngày nay, nhơn vật đều tiêu điều xơ xác, không có một ngày yên ổn…

---o O o---

21.- QUẬT MỒ THÂN SINH THẦY CAI TỔNG:

Trong số các Đại đệ tử của Đức Bổn Sư có ông Hà Trinh *(là Tằng Tổ của người biên khảo quyển sách nầy)* người đời thường gọi là ông Tám. Ông là một trong những vị được Ngài giáo truyền Bí pháp để đi chu du trị bịnh cứu đời.

Ông Tám về quê nhà tại Thốt Nốt (Long Xuyên) chữa trị lành cho nhiều bịnh nan y, nhứt là chứng bịnh điên, đau tà. Những bịnh nhẹ, ông Tám chỉ dùng một cây roi dâu mà quất vào thì tà xuất ngay. Bịnh nặng thì ông truyền lấy chiếu bó bịnh nhơn lại, để trên bè chuối thả trôi theo giòng nước. Bịnh nhơn trôi xa chừng 500 thước, ông Tám làm phép trục bè chuối ấy chạy ngược nước trở về ! Tiếng đồn lan rộng ra, bịnh nhơn khắp nơi chở đến rất nhiều.

Có lúc ông Tám đang làm công việc, bỗng nhiên xách mác vót lội qua sông (một chi nhánh sông Hậu giang, khoảng rộng độ 300 thước) nhắm thẳng hướng Bảy Núi mà đi. Đường sá lúc bấy

giờ (vào khoảng năm 1888) chưa có, vẫn còn rừng bụi đầm lầy. Từ Thốt Nốt đến núi Tượng trên 100 cây số đường rừng, mà đến chiều hôm đó, người quen đã gặp ông Tám tại núi Tượng. Không ai biết ông nhớ núi mà đi vội vã như vậy, hay có lịnh Thầy đòi mà đi ? Chính bà Tám cũng không biết chừng nào ông đi, và chừng nào về.

Ông Tám ở rất có hiếu với cha mẹ, khi cha mẹ còn thì ông dâng cơm và nước, lúc cha mẹ qua đời, ông cư tang quảy hiếu trọn đời, ăn chay nằm đất, sống kham khổ, không hề sửa soạn bản thân.

Một hôm, có người nhà của vị Cai Tổng đương thời (tại Quận nhà của ông Tám) rước ông Tám trị bịnh cho vị Cai Tổng. Ông Tám đến toà nhà nguy nga của Thầy Cai Tổng, sau khi chủ khách chào hỏi xong, ông Tám kéo đèn lên coi chứng bịnh của vị Cai Tổng (đốt ngọn đèn sáp lên, lấy tờ vàng bạc đưa bên kia ngọn đèn mà coi). Xem xong, ông Tám liền nói: "Thầy Cai mắc bịnh nan y, nếu không làm một việc lỗi, thì khó mong chữa lành bịnh". Thầy Cai Tổng không hiểu làm sao, bèn hỏi ông Tám:

- Việc chi mà ông gọi rằng lỗi ? Dầu phải hao tốn hay khó khăn thế mấy tôi cũng chịu, miễn hết bịnh thì thôi.

- Muốn cứu bịnh cho Thầy thì phải quật mồ ông thân Thầy lên thì căn bịnh mới lành ! Bằng không tôi xin chạy. Ông Tám trả lời.

Thầy Cai Tổng tái mặt hỏi gặn ông Tám:

- Tại sao phải đào mồ cha tôi ? Thầy nói rõ lại nghe coi ?

- Tại vì khi phụ thân của Thầy chết, người ta liệm xác của ông, quên lấy quan tiền dằn trên bụng, đến nay đã đúng thời kỳ nên Thầy phát bịnh đau ngay chỗ dằn quan tiền đó ! *(Tiền ta là đơn vị tiền tệ thời xưa, 40 đồng tiền ta kể là một quan).*

Thầy Cai Tổng hỏi gằn:

- Thầy dám bảo đảm đúng như vậy không ?

- Nếu không thì tôi chịu tội. Vì tôi vẫn ở lại đây để chứng kiến cuộc quật mồ nầy chớ đi đâu. Ông Tám trả lời.

Người nhà ông Tám nghe ông cam kết như vậy thì thảy đều rụng rời, nếu việc nầy mà không có y như vậy, thì ông Tám sẽ mang tội không thể lường được. Ai đời đi cam kết đào mồ cha của Thầy Cai Tổng đương thời, là việc làm hết sức liều lĩnh.

Một cuộc huy động dân làng đến đập phá cái mã đá của cha Thầy cai Tổng cũng rất lâu (vì mồ mả của người giàu lớn thường xây rất chắc). Khi đập phá xong, bèn cạy nắp quan tài lên. Quả nhiên quan tiền còn nằm trọn trên bụng của tử thi, có khác chăng là

tiền kẽm đã quến cục không còn nguyên. Mọi người trông thấy đều lắc đầu le lưỡi !

Từ đó, bịnh của Thầy Cai Tổng lần lần thuyên giảm, Thầy Cai thưởng cho ông Tám một số bạc rất lớn, nhưng ông Tám không nhận, chỉ khuyên Thầy Cai thi ân bố đức để tránh những hậu quả về sau.

---o O o---

22.- PHÁ ÁM CHO NGƯỜI TÍN ĐỒ:

Ngày rằm tháng 5 năm Kỷ Sửu (1889) Đức Bổn Sư truyền cho tất cả tín đồ Nam cũng như Nữ, phải cố gắng học cho thuộc mặt chữ 24 bộ Kinh, để một ngày nào đó Ngài sẽ mở trường thi. Tất cả thiện tín nghe vậy thảy đều lo học đêm ngày.

Trong số tín đồ của Ngài có bà Năm Dội cũng cố gắng học tập không ngừng, nhưng tâm tánh của bà rất tối, dạy đàng trước thì bà quên đàng sau, rốt cuộc bà không nhớ được chữ nào. Người dạy dùm cũng có ý khinh khi không dạy nữa.

Một hôm tan giờ học, các tín hữu ai về nhà nấy, riêng bà Năm ở lại tự học một mình, bà cầm chổi ra quét sân chùa, nhớ lại mình tối dạ bị người khi dể, nên bà vừa quét vừa khóc.

Đức Bổn Sư trong chùa bước ra nhìn thấy:

- Sao chị Năm chưa về ? Ủa, sao chị Năm lại khóc ?

- Bạch Thầy, trò buồn cho thân mình quá ngu tối, học hoài không thuộc, nên tủi thân mà khóc.

Đức Bổn Sư bèn an ủi bà Năm:

- Thôi, chị đừng buồn nữa, để tôi dạy cho.

Ngài dạy cho bà Năm Dội trong ít phút đồng hồ bà Năm liền đọc thuộc làu, chẳng những bà Năm đọc được chiều dọc mà đọc cả chiều ngang và chiều ngược của trang Kinh !

Đến ngày 19 cùng tháng, là ngày đổi phiên vọng U minh của những người Cư sĩ, có đủ mặt các vị Đại đệ tử, Ngài bảo bà Năm cầm dùi mõ để hướng dẫn Cư sĩ tụng kinh, bà Năm đọc không vấp một chữ nào. Khi cúng xong, Bà Năm lại còn tụng ngược một quyển kinh, khiến cho các Cư sĩ vô cùng kinh ngạc !

Đức Bổn Sư cho tín đồ biết rằng: Khóa thi nầy bên phái Nữ đậu hạng nhứt. Ngài còn khuyến khích các tín đồ:

- Anh chị rán cố gắng, bằng không sẽ còn rớt nhiều.

Bởi Ngài biết đa số tín đồ hiện giờ, người thì chấp nê văn tự, tầm chương trích cú. Kẻ thì chấp nê hình tướng, chớ ít người trì

tâm tưởng niệm. Do đó Ngài ngâm lên bài Kệ sau đây để răn bảo tín đồ:

Phật dạy lý chơn không
Vì sợ người chấp có
Bằng người lại chấp không
Như chụp Thỏ buông Ó
Người chấp vô thường tướng
Phật nói hữu thường tâm
Chẳng dè phương tiện pháp
Ao xuân hiện lỗi lầm
Ta nay công chẳng vụng
Phật tánh hiện rõ ràng
Chẳng nhờ Sư chỉ giáo
Không đắc đạo cao thâm.

---o O o---

B- PHẦN HIỆN TẠI

I.- NHỮNG DI TÍCH VÀ GIÁO LÝ ĐƯỢC LƯU TRUYỀN

Sau ngày Đức Bổn Sư viên tịch, Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa tuy không phổ biến được rộng thêm ra nhưng căn bản hành đạo và sự tín ngưỡng vẫn được duy trì, những điều giáo hóa của Ngài, tín đồ vẫn noi theo.

Tuy nhiên, không thể tránh khỏi một vài bất đồng nhỏ của các ông Trò, ông Gánh. Những bất đồng giữa các ông Trò tuy không bộc lộ bằng hành động, nhưng sự hòa hợp không được đồng nhứt như thuở Đức Bổn Sư còn tại thế.

Cũng chưa ai biết nguyên nhân nào mà sau ngày Đức Bổn Sư viên tịch, nghi thức hành đạo của mỗi thôn có những điểm khác nhau ? Nếu hỏi những ông có trách nhiệm tại mỗi thôn, thì được nghe trả lời gần giống nhau:

-Những điều đó không phải đời sau dám cải sửa, mà làm đúng theo lời Đức Tổ đã dạy hồi Ngài còn tại thế đấy chứ ! Ngài giáo hóa mỗi thôn mỗi khác nhau mà !

Nghe trả lời thế đó, chắc không còn ai lấy lý gì mà hỏi thêm nữa được. Vì căn cứ theo lời của các ông thì Đức Tổ đã tùy theo phong hóa của từng địa phương mà dạy dỗ kia mà. Nhưng chúng tôi không khỏi hoài nghi với tánh chất không đồng nhứt của một mối đạo cùng một nguồn gốc, cùng một thời gian truyền bá giáo lý, chờ có dịp thuận tiện, chúng tôi sẽ tìm hiểu thêm xem có đúng như vậy chăng ?

1.- NHỮNG DI TÍCH CHÙA MIỄU XƯA VÀ NAY:

Như những phần trước đã nói, Đức Bổn Sư hướng dẫn tín đồ vào núi Tượng khai hoang, truyền đạo và Ngài thành lập ra được 4 thôn: An Định, An Hòa, An Thành và An Lập.

Ngài sắp đặt tín đồ đến đâu thì việc đầu tiên của khu định cư là thiết lập Chùa miễu. Vì căn bản tu học phải có nơi thờ phượng, tàng trữ kinh điển, tụng niệm Lễ bái. Chùa miễu cũng là nơi tập trung tín ngưỡng và truyền bá giáo lý v.v…

Tính theo thứ tự thời gian, kể từ Ngài đến núi Tượng vào ngày 19 tháng giêng năm Bính Tý (1876) đến năm Ngài Viên tịch : 13 tháng 10 năm Canh Dần (1890). Trong 14 năm đó, Ngài thiết lập được những ngôi chùa miễu sau đây:

- Ngày 19 tháng 11 năm Đinh Sửu (1877) dựng Đình và PHI LAI TỰ.
- Ngày 20 tháng 02 năm Kỷ Mão (1879) dựng ngôi THANH LƯƠNG TỰ.
- Ngày 01 tháng 06 năm Canh Thìn (1880) dựng ngôi MÃ CHÂU MIẾU.
- Ngày 19 tháng 06 năm Canh Thìn (1880) dựng ngôi SƠN THẦN MIẾU.
- Ngày 15 tháng 02 năm Nhâm Ngũ (1882) dựng ngôi PHỔ ĐÀ TỰ.
- Ngày 26 tháng 06 năm Nhâm Ngũ (1882) dựng ngôi TAM BỬU TỰ.
- Ngày 29 tháng 10 năm Quí Mùi (1883) dựng ngôi CHÂU LINH TỰ.

- Ngày 19 tháng 01 năm Giáp Thân (1884) dựng thêm PHI LAI TỰ.

- Ngày 30 tháng 04 năm Giáp THÂN (1884) dựng ngôi LONG CHÂU TỰ.

- Ngày 09 tháng 06 năm Giáp Thân (1884) dựng ngôi LINH BỬU TỰ.

- Ngày 29 tháng 8 năm Giáp Thân (1884) dựng ngôi TÚ DƯƠNG MIẾU.

- Ngày 19 tháng 10 năm Ất Dậu (1885) dựng ngôi VẠN BANG MIẾU.

- Ngày 19 tháng 04 năm Bính Tuất (1886) dựng ngôi MỘC HƯƠNG (Phi Lai).

- Ngày 19 tháng 02 năm Mậu Tý (1888) dựng ngôi MIỄU BÀ.

- Ngày 16 tháng 04 năm Kỷ Sửu (18889) dựng ngôi TAM BỬU TỰ (An Hòa).

- Ngày 27 tháng 04 năm Kỷ Sửu (1889) dựng ngôi KIM TRA, MỘC TRA.

Chúng tôi chỉ ghi lại những ngôi chùa miễu lớn, còn những ngôi miễu nhỏ ở rải rác khắp 4 thôn rất nhiều, chưa tiện biên hết ra đây. Những ngôi chùa miễu đã nêu trên, chỉ một ít còn giữ nguyên bản chất cũ của Ngài đứng ra thiết lập, kỳ dư đã bị giặc Pháp và Miên đốt phá, hủy hoại, có ngôi chùa phải tái thiết đến ba lần ! Nhìn vào thời gian xây cất chùa miễu, chúng ta không khỏi thắc mắc, tại sao có năm xây cất rất nhiều (như năm 1884) có năm lại không xây cất ngôi chùa miễu nào ?

Sự kiện nêu trên, không phải Đức Bổn Sư dựa vào ngày lành tháng tốt, hoặc vật liệu xây cất chưa đủ, mà những thời gian ấy là lúc gặp pháp nạn, nếu không bị giặc khủng bố, đốt phá chùa miễu, thì cũng bị chúng theo dõi bắt Ngài. Tín đồ lớp thì trốn chui, trốn nhủi, lớp thì lo bảo vệ Ngài, có rảnh đâu mà lo cất chùa chiền!

2.- TỔ CHỨC HỘI CHÙA VÀ PHÂN PHỐI TRÁCH NHIỆM.

Sau khi Đức Bổn Sư viên tịch, các vị cao đồ của Ngài nhóm hợp lại, thành lập một tổ chức để bảo vệ chùa miễu, phân công mỗi vị có tên tuổi trong đạo thảy đều có trách nhiệm rõ ràng, để tránh vấn đề "nhiều sãi không ai đóng cửa chùa".

Do đó các ông Trò công cử ra sáu vị có trách nhiệm quản trị tất cả chùa miễu, hội nầy gọi là "Lục Viên". Hội Lục Viên đề cử ra mỗi chùa miễu có một Ban Quản Tự. Trong Ban Quản Tự có ba vị: Một vị Thủ Tự (ông Từ) có trách nhiệm hương khói thường xuyên, quét dọn chùa miễu, tiếp khách thập phương, sắp xếp các vụ lễ lộc, dâng cúng. Một vị Thông Tin coi sóc mọi chi tiết lễ nghi, thông báo, chỉ dẫn cho tín đồ những điều cần thiết và phụ trách với ông Thủ Tự trong những ngày cúng Tam ngươn Tứ quý. Nhiều vị Cư sĩ luân phiên nhau vấn đề công phu, tụng niệm, sớ điệp cúng kiếng và kiểm soát toàn bộ công việc chùa miễu. Nếu có điều gì quan trọng thì các vị nầy phải lập tức thông báo và trình bày cho Hội Lục Viên hay, để kịp thời sắp xếp và lo liệu.

3.- TRUYỀN NHÂN HAY CÁC ÔNG TRÒ, ÔNG GÁNH KẾ TIẾP:

Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương nói chung không có vấn đề truyền thọ Y Bát như Thiền tông (thực tế cũng không có Y bát). Kể từ Đức Phật Thầy Tây An đến Đức Bổn Sư đều tùy theo hoàn cảnh, tâm thành, khả năng, đức hạnh của người tín đồ mà truyền thọ Phật pháp. Các Ngài cũng không truyền lại cho một người toàn quyền quyết định vận mạng của Đạo, mà tất cả tín đồ ai cũng được tiếp tục truyền bá giáo lý Học Phật Tu Nhơn của Phật Giáo BSKH. Nhưng người tín đồ ấy phải là hạng tâm thành tôn thờ Tứ Đại Trọng Ân, sử Thập Điều, phụng hành nghi thức của Đạo.

Căn cứ theo bộ Siêu Thăng kinh, có liệt kê danh sách của những vị Cao đồ và Bá gia đã từng gian khổ với Đạo pháp…khi Ngài còn tại thế, cộng tất cả là 360 vị. Trong đó chia ra nhiều đẳng cấp : 216 vị hết lòng vì Đạp pháp, 72 vị Vật Sĩ Sư (như Ưu Bà Tắc của nhà Phật), 36 vị Nữ Bồ Tát (như Ưu Bà Di của nhà Phật), 36 vị Cô Phòng Niệm (như Nữ tu sĩ đã ly gia cát ái).[*Một trong Bộ Kinh Bàn Đào, kinh Siêu Thăng có ý nghĩa về câu siêu, trì niệm để cứu độ vong linh của các đấng tiền nhân; lập thành bản danh sách những người tín đồ trung kiên của đạo Hiếu Nghĩa*].

Trong 360 vị được nêu danh trong Siêu Thăng kinh, hiện nay được đọc tụng danh sách thường xuyên trong những ngày Vía, ngày cúng lớn tại các chùa miễu…..nầy không được tụng niệm tại nhà riêng. Người đời thường gọi 360 vị nầy đã được vào "Bảng Phong Thần" của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Sau ngày Đức Bổn Sư viên tịch, những ông Trò có uy tín và lập căn cứ tại 4 thôn Ngài đã thành lập, được thay Ngài mà nắm giữ giềng mối Đạo pháp. *(Ông Trò là những vị đệ tử thường theo bên Thầy và phát huy ý tưởng của Thầy. Ông Gánh là người được giao trách nhiệm trông nom việc Đạo thay Thầy. Ông Gánh cũng từ trong hàng ngũ ông Trò mà ra).* Xin liệt kê Danh sách sau đây (Danh sách nầy không phân biệt thứ tự, chỉ ghi theo Tài liệu):

- Ông Trần Tịnh, pháp hiệu là Thiện Căn.
- Ông Ngô Tự Nhiên, pháp hiệu là Phụ Tăng.
- Ông Nguyễn Thập, Nguyễn Pháp, Nguyễn Huấn, Nguyễn Qui tức là Chánh Hưng. Bốn ông nầy cùng một Pháp hiệu là Nguyễn Siêu Phàm.
- Ông Nguyễn Mầu pháp hiệu là Thượng Tín Hạ Thành.
- Ông Tư Tời, pháp hiệu là Chí Thành.
- Ông Nguyễn văn Tàng pháp hiệu là Viễn Đạt Sở Thành.
- Ông Nguyễn Nhựt
- Ông Nguyễn Thanh Liễu tức là ông Câu (?) Củi pháp hiệu Tín Thành.
- Ông Lương Nhàn.
- Ông Ngô Đời tục gọi là Nguyễn Nhiều.
- Ông Hương Hào Kim.
- Ông Nguyễn Vui.
- Ông Nguyễn Văn tức là Hương Chủ Sách.
- Ông Lê Dưỡng còn gọi là Đình Dưỡng.
- Ông Phạm Tồn.
- Ông Nguyễn Dươn.
- Ông Bộ Phước tức là Nguyễn Lệ.
- Ông Chủ Triệu.
- Ông Hai Đăng pháp hiệu là Chân Tăng
- Ông Cao Đồn pháp hiệu Chánh Quả.

Đây là những vị có căn cư trong 4 thôn (An Định, An Hòa, An Thành, An Lập) nắm giữ giềng mối Đạo, còn nhiều vị khác được Đức Bổn Sư phái đi khắp nơi truyền Đạo và trị bịnh cứu đời, chúng tôi chưa tìm ra tông tích. Riêng những vị cao đồ đã nêu trên, khi qua đời trong hàng con cháu có người nào rành nghi thức hành đạo, theo qui tắc của Đạo thì thay vào địa vị Trưởng Gánh. Bằng không, tín đồ trong gánh đó xem xét trong hàng Cư sĩ có vị nào đầy đủ Đức Hạnh, Đạo pháp, người ấy sẽ được cất nhắc lên mà thay thế. Cứ như thế mà kế tục cho đến ngày nay. Những vị nắm

giềng mối Đạo sau nầy, tuy không phổ biến Đạo pháp xa hơn, nhưng họ cũng cố gắng gìn giữ Đạo pháp rất tròn. Hiện nay có nhiều Gánh tín đồ rất sung túc và đông hơn lúc trước. Có Gánh ở nhằm vị trí giặc giã, bị đạn bom tàn phá nên gây ra lắm cảnh điêu tàn xơ xác.

Phần nầy, chúng tôi xin hứa khi tìm được thêm tài liệu của những vị đi truyền Đạo hoặc trị bịnh cứu đời phương xa (như ông Trần ở núi Nứa, ông Sư ở Cù lao Ông Hổ, bà Hà thị Hương tức Bà Nam Dội ở Cỏ Lao và có một vị Đại đệ tử ở Cao miên, nhưng chúng tôi chưa tìm ra tài liệu. Nhờ Thiện tín giúp tài liệu của các vị nầy). Nếu có thêm tài liệu xác đáng, chúng tôi sẽ ghi thêm vào kỳ tái bản.

II.- CÁC PHÁP MÔN CỦA ĐỨC BỔN SƯ GIÁO TRUYỀN

Đức Bổn Sư cũng giáo hóa người Tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa theo Phật pháp Thiền Tịnh song tu, và nhập thế gian Tu Nhơn Học Phật như Đức Phật Thầy Tây An. Ngoài căn bản đã nêu trên, Ngài còn dạy tín đồ trau giồi thêm công quả để bổ túc vào sự quá dễ dãi của thuyết Học Phật Tu Nhơn và phải rèn luyện cho đúng nghĩa câu : Phật Thánh Tiên tam giáo đồng nguyên.

1/-Trì Niệm theo Thiền Tông:

Ngoài sự trì niệm pháp trường (108 hột) để phụng kinh chư Phật và cầu siêu cho những vong linh quá vãng ra, người Cư sĩ tại gia còn phải liên niệm pháp tay (18 hột) để cho Tâm, Ngữ, Ý không rảnh rang mà vộng động, Tà thuyết không có chỗ trống mà nhập vào.

2/-Xử sự theo Nho Giáo:

Phép xử thế của người tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa phải cư xử đúng theo tinh thần Nho giáo, ví như: Kính Trời đất, Trọng Thần Thánh, Thờ phụng Tổ Tiên, Ở thảo với Cha mẹ, Giữ phép nước, Trọng Thầy, Yêu mến Anh em, Giữ chữ Tín với Bạn bè, Có nghĩa với bà con, Hoà thuận và giúp đỡ xóm làng v.v…

3/-Rèn luyện Tinh Khí Thần theo Lão Giáo:

Ngoài việc Tu thân xử thế theo Phật Thánh ra, Ngài còn giáo hóa cho tín đồ rèn luyện Tinh, Khí, Thần theo phương pháp của Lão giáo. Sau đây chúng tôi xin trích một đoạn trong Tam Mao Chơn Kinh :

...Cốc hư ứng thinh, Tâm hư ứng Thần, Thần hư ứng Khí, Khí hư ứng Tinh hư cực tắc minh, minh cực tắc quýnh.

Siêu hồ tinh thần, nhi vô tử sanh. Tinh tùng nội thủ, Khí tự ngoại sanh, dĩ khí thủ Tinh khả dĩ trường sanh.

Lược dịch:

Cái hang trống gió luồng vào có tiếng kêu. Tâm mà đặng trống không thì ứng đến Thần. Thần mà trống không thì sẽ ứng đến khí huyết. Khí huyết mà được trống không thì ứng đến tinh thần.

Nếu luyện đến Tinh, Khí, Thần đều trống không (Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc) thì mọi nẻo tối tăm đều sáng lán, khi sự sáng đến cùng tột thì ánh sáng ấy sẻ tỏa ra ngoài (hào quang) Tinh thần đến bực Siêu việt như vậy, thì không còn lẩn quẩn trong vòng sanh tử nữa…

4/-Ấn khuyết, Thần chú theo Mật Tông:

Ngài cũng chú trọng việc truyền thọ Ấn Khuyết Thần chú như Mật Tông của nhà Phật, nên ngoài vấn đề tụng niệm ra tiếng, người Cư sĩ niệm thầm và tập rèn ấn khuyết hết hai phần mười những giờ giấc tu học.

Truyền rằng: Khi Ngài còn tại thế, Ngài khuyên tín đồ gắng công luyện rèn Ấn chú, để đến chừng lập Hội Long Hoa, những người có duyên dự Hội không thể nói bằng lời, chỉ sử dụng ấn chú mà thôi. Và những câu chú, tay ấn sẽ biến hóa theo từng việc.

Phải chăng, trong 14 năm giáo truyền, Đức Bổn Sư đã rút tỉa các pháp mà dạy tín đồ từ cấp Sơ đẳng cho đến Cao đẳng, để bổ túc vào sự quá giản dị của Đức Phật Thầy Tây An ? Nhưng sau khi Ngài viên tịch thì các pháp của Ngài có đôi phần sai lạc. Ví như, phần rèn luyện Tinh Khí Thần có người biến nó ra thành bí quyết tu luyện độc thân nơi am cốc, cầu kỳ với bản ngã, coi như mình đã đắc pháp với Tiên gia, thể xác lập dị, không còn hòa hợp với người đời hoặc các tôn giáo khác ! Phần Ấn khuyết Thần chú theo Mật tông, thì có người đã biến ra thành ấn khuyết bùa chú của Thầy Phù Thủy để sái đậu thành binh, điều Thần khiển quỉ.v.v…

Tuy nhiên, vì hoàn cảnh, thời cuộc, người tín đồ dầu có muốn đi xa hơn thế nữa cũng chưa hẳn có một thời gian cho phép,

một không gian thuận tiện để nghiên cứu các pháp môn của Ngài cho tinh tường hơn. Và cũng chưa ai dám hy sinh bản ngã mà thực hiện đường lối tu học của Ngài cho đến nơi đến chốn.

Do nếp sống hiện tại và sự sinh hoạt xã hội, gần như bắt buộc người tín đồ vẫn còn giữ đúng theo căn bản đạo đức, giới luật đại khái, không làm ngược lại tôn chỉ Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Về nghi thức hành đạo thì họ vẫn thực hiện, những điều dễ dàng của người Cư sĩ tại gia, về các bí pháp cao siêu chỉ thể hiện theo thông lệ đã có từ trước, chớ chưa có vị nào đeo đuổi mà nghiên cứu các pháp cho tinh tường hơn.

5.- KINH CHÚ, GIẢNG VÀ SẤM NGỮ:

Kinh giảng của Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa rất nhiều, chia ra đủ hình thức, danh xưng. Phần trì tụng ở chùa miễu, phần công phu bái sám tại tư gia, phần tụng niệm khi cúng dường, phần đặc biệt dành cho ngày lễ, ngày vía. Ngoài ra còn có phần dành để mật niệm (phần nầy có nhiều ẩn ngữ và kinh chú tiếng Phạn).

Nội dung kinh điển cũng có lắm khác nhau, có quyển luận về pháp Thượng thừa của nhà Phật (như Kim Cang, Bát Nhã) có quyển luận về xử sự Đạo hiếu, báo đáp Tiên linh (như kinh Hiếu Nghĩa) có quyển ghi danh tánh của những vị cao đồ hoặc trung thành hoặc tử vì Đạo pháp (như Siêu Thăng kinh). Có quyển ghi chép những danh sách của liệt vị Thánh Hiền Tiên Phật cổ kim (như Phổ Độ kinh) có quyển ghi danh tánh của những Hung thần ác sát (như Cảm Ứng kinh). Phần nhiều kinh kệ nầy, thường có Thần chú chữ Phạn. Đặc biệt như quyển THIÊN ĐỒ KINH có nhiều bài KỆ vần điệu rất điêu luyện, từ ngữ rất văn hoa. Nhưng về ý nghĩa rất bí hiểm, lắm khi dùng một địa danh khác, nhứt là địa danh nước Tàu thời cổ để ám chỉ vào một tai họa sắp xảy đến, hoặc thời thế biến thiên vào một không gian cũng như thời gian nào đó, khó mà đoán chắc được. Xin trích một vài đoạn trong Thiên Đồ Kinh làm thí dụ:

Yên Triệu vô nhơn chưởng
Ngô Việt thậm xướng cuồng.

Có nghĩa là *:*

Nước Yên nước Triệu không người gieo giống
Nước Ngô nước Việt rất khờ dại.v.v…

Cũng có đoạn nói về các cuộc binh biến, giặc giã hỗn loạn rất ghê gớm, nhưng không biết những sự kiện đó xảy ra tại không

gian và thời gian nào ? Năm tháng thì tính theo Can Chi như phương pháp tính ngày tháng của Tàu, nên không thể dám quyết đoán chuyện đó xảy ra vào một thời kỳ nhứt định nào ? Lại những đoạn khác:

Binh tướng như phong võ
Xuẩn xuẩn khởi tứ phương
Nam nhi giai khứ tận
Phụ nữ vận y lương

Có nghĩa là:

Binh tướng như giông bão
Chen lấn dậy bốn phương
Trai tráng đều đi hết
Phụ nữ phải vận lương.

Theo bài Kệ trên đây, nghĩa đen là vậy, nhưng không biết ẩn ý vào việc gì ? Thời nào ? Và địa phương nào ?

Cũng có đoạn đọc lên thấy rằng trong ấy có ẩn ý chiết tự (nhiều chữ phụ ráp lại thành chữ chánh). Nếu là chiết tự thì không thể giải nghĩa nghe cho được, nhưng cũng không ai hiểu chiết tự như thế nầy rồi ráp ra thành chữ gì ? ám chỉ vào thời nào ? Nhơn vật nào ? Ví như:

Tam nhơn lưỡng Đinh danh tri phủ
Vấn tánh thốn mộc liên tam khẩu
Ngô diệt vi chi vị hiển dương
Tương phùng định tại Dần Mẹo hậu ?

6.- TAM SAO THẤT BẢN:

Tất cả kinh điển đã có từ ngày Đức Bổn Sư còn tại thế, đến nay đã gần cả trăm năm (1876 - 1971), trong suốt thời kỳ dài dằng đó, sao đi chép lại không biết bao nhiêu lần, qua không biết bao nhiêu người viết, nhưng sự sao chép quan trọng ấy chỉ chép toàn bằng tay !

Sự sao chép bằng tay, rất dễ sai lạc với bản chánh, bởi những Ban tu thơ đó chưa hẳn là người rành chữ Hán, chẳng những cho một thời kỳ mà qua nhiều thời kỳ sao chép. Lúc đầu còn thận trọng, trong tổ chức sao chép có người giữ đúng vai trò coi sóc việc sao chép (văn hay chữ tốt). Lâu dần đạo càng phổ biến rộng, có nhiều cơ sở chùa miễu, cúng kiếng tụng niệm thường xuyên và nhiều người tụng niệm, nên nề nếp tổ chức cũ không còn nữa. Ai chép cũng được, miễn có số lượng cho nhiều đủ cung ứng

cho nhu cầu thì thôi. Tai hại nhứt là những người ham tập viết để biết chép kinh, viết sớ điệp v.v…(trong số kinh điển gần đây, phần nhiều là số người sau nầy chép).

Hơn nữa, hình thức chữ Hán là lối chữ khó học, khó viết nhứt, cho đến cả Thế giới thảy đều chạy mặt sự rắc rối của nó. Mặc dầu người học giả đi nữa khi quên một chữ nào thì rán mà chịu, chớ không có vần đâu mà ráp lại như chữ La Tinh, nếu viết sai một phết hay một chấm tức nhiên chữ ấy biến âm và nghĩa khác. Có lắm khi "đồng âm" mà "khác chữ" đọc lên nghe cùng một âm mà viết ra thì thì chữ và nghĩa khác nhau rất xa.

Do đó, mà sự "Tam Sao Thất bản" nó đem đến cho nhiều câu kinh, kệ chẳng những sai nghĩa, lạc vần mà thôi, lại còn lắm câu ý nghĩa trở nên ngớ ngẩn nữa là khác. Chúng tôi xin đưa ra một ít thí dụ để cùng trao đổi và nhận xét. Trích hai câu Kệ trong kinh Siêu Thăng:

…Linh hồn hấp tợ nhứt cô "châu"
Triêu triêu nhựt nhựt thủy thượng du

Có nghĩa là:

Linh hồn của các bậc tiền nhân tợ như chiếc thuyền mồ côi, sớm chiều thả trôi theo giòng nước (bập bình không biết bến đâu mà ghé v.v…)

Trong hai câu Kệ nầy, chữ "châu" (chiếc thuyền) là Chủ từ, nó Đại danh từ cho Linh hồn. Tam sao thế nào đó, lại biến chữ "châu" ra thành chữ "Đơn". Chữ Đơn chỉ khác hơn Châu có một phết nhỏ trên đầu, mà biến ý nghĩa và vần điệu của bài Kệ nầy không còn biết ra làm sao cả ! Vì chữ Đơn nghĩa nó là Đỏ (sắc màu).

Một thí dụ khác, như bài Kệ trong Hiếu Nghĩa kinh, đoạn kể về Lịch sử của Đức Bổn Sư:

…Ngô bổn tôn (tông) sở hiệu
Kế đạo sở thành năng…

Có nghĩa là :

Danh hiệu vốn dòng họ Ngô
Nối theo mối Đạo đã thành đạt. (BSKH)

Có lẽ đây là một trong trường hợp "Đồng âm dị tự" (đồng âm mà khác nghĩa) khi đọc lên âm điệu vẫn giống nhau, mà ý nghĩa khác nhau như đen với trắng. Vì sao chép ra chữ "Ngô" và chữ "Tôn" nghĩa là Cao (Tôn ty =: Cao thấp) chớ không phải chữ "Tôn" # "Tông" nghĩa là dòng họ. "Ngô Bổn Tôn" =: Vốn dòng họ

Ngô. Đàng chép lại "Ngô Bổn Tôn": Ta vốn cao .v.v…Như thế thì e cho ý nghĩa cách nhau quá xa ? Hơn nữa, Phật vốn ghét cái "Ta" (bản ngã) ở đây chẳng những xưng "Ta" mà còn thêm "Tự Tôn Tự đại" nữa, do dó mà chúng tôi có thể tin chắc rằng tại Tam sao Thất bổn làm sai lạc ý nghĩa, chớ trường hợp nầy không thể nào xảy ra được.

Còn nhiều điểm tương tợ, nhưng khuôn khổ quyển sách quá chật hẹp, nên không tiện trích lục hết ra đây được, để chúng ta cùng tìm hiểu thêm. Tuy vậy, nhưng hiện giờ tín đồ thấy sao thì đọc vậy, vì họ cùng quan niệm rằng: Hồi trước viết sao thì mình tụng vậy, chớ không dám cải sửa.

Chúng tôi cũng không dám phê phán ý kiến của quý vị đó là phải hay sai, nhưng cũng xin đóng góp vào mục nầy một ít ý kiến thô thiển: "Căn cứ theo Phật sử, 4 tháng sau khi Đức Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn, các vị cao đồ nhứt là hai ông A Nan và Ca Diếp triệu tập tất cả những vị Đạo cao Đức dài trong Đạo lại, với mục đích là kết tập những lời giảng dạy của Ngài trên 40 năm mà chép thành kinh điển. Trên 2.000 năm sau, có những vị cao đồ quán thông Phật pháp cổ kim như hai Ngài: Mã Minh và Long Thọ Bồ Tát cũng kết tập và san định Phật kinh lại. Nhờ đó ba tạng Kinh, Luật, Luận của Phật cho đến ngày nay (đã hơn 20 thế kỷ) rất ít sai lạc từ chữ đến ý.

Nếu những vị có trách nhiệm của Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa cứ thấy sao đọc vậy, thì chúng tôi sợ e giáo lý của Đức Bổn Sư càng ngày càng sai lệch căn bản chơn truyền đi chăng ?

III.-GẦN ĐÂY TÍN ĐỒ VẪN CÒN GÁNH CHỊU PHÁP NẠN.

Từ ngày Đức Bổn Sư viên tịch, tín đồ tại thôn nào thì theo sự hướng dẫn của ông Trò, ông Gánh của thôn nấy, đó là những tín đồ đã lập căn cư tại bốn thôn. Còn những tín đồ ở nơi khác, vì hoàn cảnh gia đình, thời cuộc và sanh kế mà họ không qui tụ về đây được, nhưng họ vẫn giữ Đạo, mỗi năm đến mùa cúng vào 5 năm tháng đầu năm, hoặc những ngày Vía, ngày Lễ họ vẫn đến lễ bái mỗi năm ít nhứt là hai lần.

Khi người tín đồ từ bốn phương có về núi Tượng, cũng không khác nào người có căn gốc tại đây, nghĩa là ai ở gánh nào do ông Trò hoặc Cư sĩ của gánh đó lo cho họ. Sinh hoạt giáo sự đều

đặn như vậy trong vòng 40 năm. Đến năm Canh ngũ (1930) các vị cao đồ xét thấy việc cất chùa miễu bằng tranh, lá sẽ gặp nhiều tai kiếp hỏa hoạn, nên cổ động tín đồ đóng góp vật liệu và tài chánh, xây cất lại tất cả chùa miễu bằng Xi măng tráng nền, lợp ngói, vách xây bằng gạch, đá v.v…Từ đó, những ngôi chùa miễu không còn mang sắc thái đơn sơ mái tranh vách lá nữa, mà hầu hết đều mang sắc màu vôi ngói, hòa lẫn với màu non xanh rừng thẳm của Thất Sơn Huyền Bí.

1/-PHÁP NẠN LẦN THỨ TÁM:

Đến năm Ất Dậu (1945), nghĩa là 15 năm sau ngày tín đồ chung đậu xây cất chùa miễu bằng vật liệu nặng, đất nước Việt Nam trải qua một cơn sốt chiến tranh hãi hùng, vì mục đích đánh đuổi Thực dân ra khỏi nước Việt, nên các người hữu trách lúc bấy giờ ra lịnh đập phá tất cả những gì xây cất bằng vật liệu nặng. Viện cớ rằng nếu để những cơ sở nầy thì giặc Pháp sẽ chiếm làm Đồn, Bót v.v…

Do đó, người tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa phải cắn răng đập phá những cơ sở trước đây chính mình đã dày công xây dựng, thành ra những ngôi chùa miễu trước kia cất bằng tranh lá hôm nay nó cũng trở lại với màu sắc gian khổ của lá tranh. Có điều họ không nở hủy hoại hoàn toàn, nên van xin với những người có quyền lúc bấy giờ, cho phép họ phá tường tuôn ngói, khỏi phải triệt hạ đến sườn nhà. Từ đó, chùa miễu mang thể chất mái lá, nền đúc, vách tranh. Dầu cho chùa ngói vách gạch, hoặc mái lá vách tranh, người tín đồ vẫn tôn trọng giá trị tinh thần như nhau, vẫn thường xuyên bảo vệ và công phu bái sám…

2/- PHÁP NẠN LẦN THỨ CHÍN:

Phải chăng Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩ vẫn còn thiếu "quả căn" với người Pháp ? Nên vào ngày 24 tháng 7 năm Đinh Sửu (1949) chúng lại tấn công vào núi Tượng, đốt sạch tất cả chùa miễu và hằng ngàn gia đình của tín đồ, bắn giết rất nhiều người vô tội. Bắt đem đi giam cầm, tra tấn hằng trăm người. Lần nầy tài sản tiêu hao không kể xiết.

Năm hôm sau, tín đồ qui tụ về cảnh cũ nền xưa, chỉ còn nhìn những đống tro tàn và dụng cụ cháy bể ngổn ngang. Những nạn nhơn tuy phải sống với cảnh màn trời chiếu đất, thiếu cơm áo,

thuốc men, cũng không quên dựng lại những ngôi chùa cháy đổ và che tạm những túp lều để đở nắng che mưa. Từ đó, sinh hoạt giáo sự phần nhiều là lúc về đêm và hạn chế tụ hợp đông đảo trong những ngày lễ lộc.

Người tín đồ TÂHN chịu quá nhiều lần pháp nạn, ban đầu họ còn lo sợ tai ách, thét rồi gần như thản nhiên trước sự chết chóc. Cháy mái nhà nầy che lại mái khác. Giặc triệt hạ ngôi chùa nầy tái thiết ngôi chùa khác. Họ có thừa đức tin kiên nhẫn trong vấn đề bảo vệ cơ sở của Thầy Tổ.

Chịu đựng như thế đó cho đến năm 1966, các ông Gánh mới hợp cùng tất cả tín đồ, kẻ công người của dang tay nhau tái thiết lại những ngôi chùa miễu đã bị hủy hoại cũng bằng vật liệu nặng. Nhưng lần nầy họ xây cất những ngôi chùa miễu có vẻ tân kỳ và chắc chắn hơn. Mỗi khi có Lễ lộc lớn thập phương Bổn Đạo tề tựu về càng đông hơn.

3/- SỰ SINH HOẠT CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ HIỆN NAY:

Như đã nói ở phần trước những vai trò của các ông Gánh và người tín đồ về sinh hoạt giáo sự. Ở đây chúng tôi xin nói đến sự sinh hoạt của người tín đồ ngoài xã hội.

Thôn An Định (hiện nay là ấp An Định xã Ba Chúc, quận Tịnh Biên, Châu Đốc) được coi là Trung tâm hay nơi phát nguyên của Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Vì nơi đây là địa điểm đầu tiên của Đức Bổn Sư khai sáng nền Đạo. Hai ngôi chùa: Phi Lai và Tam Bửu là nơi Đức Bổn Sư cư ngụ và trì niệm. Do đó mà các Lễ lộc lớn đều tập trung tại đây.

Sự sinh kế của tín đồ cũng gồm đủ các nghề: Nông, công nghiệp và thương mãi như những nơi khác trong toàn quốc, nhưng với tánh cách Thủ Công nghiệp cổ truyền chớ chưa được Kỹ nghệ hoá hay nhờ sự giúp đỡ kỹ nghệ hóa. Đặc biệt tại địa phương nầy là nghề nhổ Bàng đương Đệm. Khoảng 5 giờ sáng là nghe tiếng giã bàng từ đầu làng đến cuối xóm. Nguồn lợi Đệm ở đây cũng rất lớn, nếu họ tìm cách thay kỹ nghệ vào Thủ công thì chắc chắn nền Kinh tế của nước nhà sẽ thêm được một thị trường Đệm đáng kể.

Gần đây nghề nhổ Bàng cũng bị sa sút rất nhiều vì những nơi cây bàng mọc nhiều và tốt thì an ninh không được bảo đảm có

lắm người phải bỏ xác nơi vùng ruộng bàng ! Do đó mà sự đi lại tìm nguồn lợi thiên nhiên nầy càng ngày càng gặp nhiều khó khăn.

Nếp sống của người tín đồ Hiếu Nghĩa cũng không quá đua đòi theo vật chất, vì phần đông đều để tóc dài, nên sự trang phục không đòi hỏi theo thời trang quá tốn kém. Dầu phải lăn lộn với cuộc sống người tín đồ vẫn giữ Đạo, mến Đạo, không hề bỏ qua những Lễ lộc căn bản của Đạo, dầu phải làm lụng vất vả cũng không bỏ qua một thời lễ bái công phu trước mọi thực cảnh dầu an nguy, tiếng kệ hồi chuông vẫn đều đều theo sớm tối.

IV.- HỆ PHÁI "TỨ ÂN HIẾU NGHĨA" TRƯỚC THỜI CUỘC.

Nếu không trình bày đầy đủ trên trang giấy, chắc chắn không mấy ai hiểu được trọn vẹn nỗi khó khăn, cay đắng của người tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Có nhiều người thường bảo: Đi tu là tự mình đã chấp nhận mọi thử thách gian nan. Nếu còn vướng bận vật chất xa hoa, tốt hơn đứng ngoài thế tục để đua chen danh lợi.

Chẳng biết có phải vì thế đó mà Đức Bổn Sư mới chọn một không gian đặc biệt, đầy đủ sự khó khăn thử thách để rèn luyện người tín đồ ? Hơn nữa, sự kiện khó khăn ấy nó kéo dài không dứt. Thời gian và không gian ấy nó đủ sức gạn lọc những cặn bã và tinh hoa trong giới tín đồ, khác nào một cuộc chạy đua đường trường mà không qui định thời gian tới mức hơn thua. Và loạn lạc nhiễu nhương càng kéo dài thì con người rất dễ dàng lộ ra chân tướng "Con Phật, Phật dẫn, Con ma, ma dắt".v.v…

Căn cứ theo sử liệu, kể từ ngày Đức Bổn Sư khai sáng nền đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đến lúc Ngài hướng dẫn tín đồ vào núi Tượng thì nền đạo của Ngài phải "hứng trọn" thời kỳ giặc Pháp đánh chiếm miến Nam nước Việt Nam (1860-1876). Trong thời gian 16 năm đó, có nhiều phen Ngài phải ẩn lánh, hóa trang đủ mọi lớp người mà truyền đạo, gian nan không kể xiết.

Khi Ngài vào khai hoang nơi núi Tượng, tuy là tiếng đạn bom đã lắng dịu, nhưng sự lập thành cơ sở để truyền bá một giáo thuyết mới thì hết sức khó khăn. Vì nhà cầm quyền Pháp đang dùng thuyết mị dân đánh lạc hướng cho dân chúng sớm quên cội bỏ nguồn, để họ tổ chức một nền hành chánh thực dân theo đường lối chánh trị của họ. Do đó, họ rất sợ các cơ sở đảng phái nên chủ

trương tiêu diệt đảng phái. Tình trạng khó khăn kéo dài đến năm 1888, họ tổ chức guồng máy cai trị xong, mới ra lịnh chiêu an. Kể từ đó, chùa miễu mới tạm ngưng bị triệt hạ và thiêu hủy. Tín đồ mới tạm sống yên dưới gót giày của Thực dân Pháp hơn nửa thế kỷ!

Đến năm Ất Dậu (1945) chùa miễu và nhà cửa của tín đồ bắt đầu chịu tai kiếp trở lại. Lần nầy còn trầm trọng hơn và kéo dài cho đến nay (1945-1971). Ngoài sự gian khổ đã nêu trong 25 năm đó, người tín đồ ở vùng Bảy Núi nói chung, núi Tượng nói riêng, họ còn phải nếm không biết bao nhiêu mùi cay đắng khác, phải nghe không biết bao nhiêu điều lạ tai, hưởng không biết bao nhiêu chiếc bánh vẽ của bên này hoặc bên kia. Nhưng rốt cuộc họ vẫn phải gánh chịu những vất vả gian nan, chung quanh mình thường xuyên toàn là đạn bom máu lửa !

Nhiều thực cảnh quá phũ phàng, nhưng người tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa vẫn âm thầm chịu đựng. Nguồn hy vọng duy nhứt của họ : Không lẽ quá khứ đã chịu lắm cay đắng gian nan, tương lai không có một ngày tươi sáng hay sao ? Vì Thầy đã dạy:

Giữ lòng neo nọc cho bền,
Gió lay mặc gió vững thuyền thì thôi…

Họ phó mặc cho giông bão nổi dậy trên biển đời, họ vẫn vững tay lèo lái con thuyền TÂNH của của Tổ Thầy đã lưu lại. Họ chờ đợi ở tương lai có một ngày tươi đẹp hơn. Ngày ấy là "Hội LONG HOA".

Căn cứ theo sấm ký hoặc kinh kệ của Phật giáo BỬU SƠN KỲ HƯƠNG có nói đến rất nhiều về Hội Long Hoa. Do đó, toàn thể người sùng kính Phật giáo BSKH không hẹn mà gặp nhau cùng một tâm tư tín ngưỡng: "Rán tu hành chịu khổ, chờ đến ngày "Hội Long Hoa" Phật sẽ luận công xử tội". Bởi thế, họ cố chịu những tai họa thê thảm, thường chối bỏ những lợi danh phù phiếm để chờ hưởng quả phúc ở tương lai.

Thuở Đức Bổn Sư còn tại thế, Ngài xử sự đúng theo tinh thần bác ái của nhà Phật. Ngài thường làm gương cho tín đồ noi theo mà giữ gìn giới luật. Không kể người ngoài Đạo đã nhiều phen gây cho nền Đạo phải chịu điêu đứng gian nan mà thôi, chính trong tín đồ của Ngài cũng có người sớm mai giữ Đạo, chiều lại hướng dẫn giặc đến bắt Ngài, để rồi lãnh lấy những hậu quả thảm khốc, cũng bởi Tham, Sân, Si mà ra. Ngài giảng giải thuyết nhân

quả và chỉ điểm cho tín đồ những sự kiện đã xảy ra, để làm mục tiêu cho mọi người nhìn vào đó mà tu thân xử kỷ.

Bởi thế, đa số tín đồ rất sợ nhơn quả của nhà Phật, và thuyết "tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác" của Đạo Nho, nên hiện giờ họ vẫn giữ Đạo, làm lành, đoàn kết lo tu thân, tuân theo phép nước mà chờ ngày Phật Trời thưởng công luận tội.

KẾT LUẬN:

Đức Phật Thầy Tây An khai sáng ra Phật Giáo BSKH đến nay đã trên 100 năm (1849-1971). Trong thời gian dài đằng đẳng đó, do thời cuộc hoặc hoàn cảnh mà Phật Giáo BSKH chia nhiều hệ phái, nhưng nội dung tu học cũng chỉ là một: Người Cư Sĩ tại gia vẫn tôn thờ "Tứ Đại Trọng Ân" và nhập thế gian mà "Học Phật Tu Nhơn".

Dầu cho thời gian có khác nhau, không gian không giống nhau, nhưng toàn thể các Hệ phái xem nhau cùng một gốc, cũng như có sự truyền cảm tâm linh đồng nhứt của các Hệ phái. Trên 100 năm đó, Phật Giáo BSKH đã trải qua biết mấy thăng trầm, có lúc giông bão đời sắp cuốn trôi tòa nhà BSKH, nhưng lòng người tín đồ vẫn nhớ cội, giữ nguồn, khi qua cơn giông bão thì khác nào những cánh bèo tan rồi lại hợp.

Quá khứ là vậy, hiện tại còn đó. Nhưng tương lai thì sao ? Câu hỏi đó chỉ còn chờ đợi ở thời gian. Và những câu trả lời vững chắc nhứt không ai bằng người trong cuộc. Tức là toàn thể những người mến yêu tha thiết 4 chữ BSKH vậy.

LƯỢC SỬ

NGÔI LONG ĐÌNH

Của ĐỨC BỔN SƯ Hệ phái TỨ ÂN HIẾU NGHĨA tại núi Tượng.

Ngài là một trong 4 vị Giáo chủ Phật Giáo BỬU SƠN KỲ HƯƠNG.

Năm Kỷ Mão (1879) Ngài bảo đệ tử lên núi Dài đốn cây Cam Đàn (một loại gỗ rất hiếm) về cưa ra, chọn thợ khéo trong

hàng đệ tử đóng thành ngôi Long Đình (Long Vị) do Ngài vẽ kiểu và cho thước tấc. Đóng xong, Ngài cho khiêng để vào giữa Chùa Tam Bửu. Trên dó còn có cặp gối mặt thụt (loại gối xưa). Một cặp thước Lổ Ban Xích và bản tiền, bản phái. Trong hàng bá gia tưởng rằng Ngài sẽ dùng để tham Thiền nhập định, không ngờ Ngài rất tôn kính như dùng để thờ một đấng bề trên đang vắng mặt.

Bá Gia (Đức Bổn Sư gọi tín đồ) khắp nơi về đây qui y thọ phái quá đông, trong số nầy có rất nhiều dư đảng Cần Vương kháng Pháp. Từ đó, giặc Pháp theo dõi bắt bớ đày ải, khủng bố đốt chùa miễu nhiều lần. Nặng nhứt là lần pháp nạn năm Ất Dậu (1885), do Đốc phủ Trần Bá Lộc hướng dẫn giặc Pháp và thân binh vào đây đốt nhà cửa, tàn sát những người mến Đạo và yêu nước. Phá hoại hầu hết cơ sở tín ngưỡng chở đem đi tất cả những gì người Đạo quí trọng, trong đó có Ngôi Long Đình.

Từ đó bá gia không biết vật báu thiêng ấy còn hay đã bị giặc phá hủy. Bá gia hợp lại nhau đóng Ngôi Long Đình khác, tuy không giống hẳn và khéo bằng ngôi trước, nhưng cũng tạm để nơi nền cũ mà phượng thờ (hiên nay còn tại chùa Tam Bửu) như Đức Bổn Sư còn tại thế.

Đến năm 1935, không biết vì lý do gì mà Trần Bá Tư (con trai Trần Bá Lộc) chở ngôi Long Đình đem hiến vào Bảo Tàng Viện Sài Gòn. Từ đó, Bá gia thường lui tới chiêm ngưỡng cho đến nay. Nhưng không biết nương tựa vào đâu mà xin lại. Vì ngôi Long Đình đã biến thành công sản Quốc Gia.

Vào ngày 8 tháng 5 năm 1970, các Hệ phái thuộc Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, với danh xưng Hội Đồng Liên Phái Trung Ương, lần đầu tiên gởi Thỉnh nguyện thư xin ngôi Long Đình về chùa Tam Bửu, đồng thời đăng tải trên Báo chí kể rõ nguồn cội ngôi Long Đình. Và yêu cầu hầu hết các cơ quan hữu trách về văn hóa, nhờ cứu xét lại trường hợp ngôi Long Đình mà qui hoàn lại cho Tôn Giáo.

Đến ngày 21-11-1970, ông Trần văn Ân, Phụ tá Đặc biệt Nghiên cứu Chánh trị Văn hoá Phủ Tổng Thống, trình bày lý do khúc chiết của ngôi Long Đình, nên được Tổng Thống chấp thuận hoàn trả lại cho chùa Tam Bửu của Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa tại núi Tượng, Thất sơn (Châu Đốc).

Vì thủ tục có nhiều khó khăn, mãi đến ngày 06-04-1971, Tổng Thơ ký Phủ Thủ Tướng mới ký Văn thơ ban hành theo lịnh của Tổng Thống.

Đến này 11-05-1971 Giáo hội Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương - Tứ Ân Hiếu Nghĩa cử hành Lễ cung thỉnh Ngôi Long Đình ra khỏi Bảo Tàng Viện Sài Gòn.

- Đại diện Chánh phủ có ông Trần văn Ân ký giao hoàn.
- Đại diện Tứ Ân Hiếu Nghĩa ký nhận lãnh.

Ngày 12-05-1971 đoàn xe cung nghinh Ngôi Long Đình khởi hành từ Sài Gòn về Châu Đốc đặt tại đây 1 đêm cho thiện tín chiêm bái.

Ngày 13-05-1971, đoàn xe cung nghinh Long Đình khởi hành từ Châu Đốc về núi Tượng, Chùa Tam Bửu.

Ngày 14 và 15-05-1971 (nhằm ngày 20 và 21/05 năm Tân Hợi) Ban Tổ chức Giáo hội Phật giáo BSKH - Tứ Ân Hiếu Nghĩa cử hành Đại lễ an vị Ngôi Long Đình và Khánh thành chùa Tam Bửu./.

MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu của Giáo Sư Trần văn Quế trang
Lời Người Biên Soạn ---

A- PHẦN QUÁ KHỨ

I. THỜI KỲ KHAI SÁNG ---
1)- Đức Bổn Sư tiếp nối hoằng hóa BSKH với danh xưng Tứ Ân Hiếu Nghĩa. ---
2)- Sự tương quan giữa thời gian dạy đạo và không gian thiết lập Chùa, Miễu. ---
3)- Hình thức tu học của Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa ---
a) – Tôn Chỉ ---
b) - Nghi Thức ---
c) - Trang Phục ---
d) - Hành Đạo ---
đ) – Cúng Dường ---

II. TỨ ÂN HIẾU NGHĨA VÀ HỌC PHẬT TU NHƠN ---
1) – Tu Nhơn ---
2) - Học Phật ---
3) – Do đâu có danh xưng Tứ Ân Hiếu Nghĩa ---

III. SỰ LIÊN HỆ CỦA PHẬT GIÁO BSKH ---
1) - Những điểm dị biệt ---
2) - Những điểm tương đồng và trùng hợp ---
3) – Nguyên do những điểm khác biệt ---

IV. HỆ PHÁI TỨ ÂN HIẾU NGHĨA VỚI NHỮNG LẦN PHÁP NẠN ---
1) – Pháp nạn lần thứ nhứt ---
2) – Pháp nạn lầu thứ hai ---
3) – Pháp nạn lần thứ ba ---
4) – Pháp nạn lần thứ tư ---
5) – Pháp nạn lần thứ năm ---
6) – Pháp nạn lần thứ sáu ---
7) – Pháp nạn lần thứ bảy ---
8) – Tái thiết Chùa Miễu ---

V. NHỮNG ĐIỀU LINH ỨNG VÀ HUYỀN DIỆU ---
1) – Tiên tri việc dời sai nền chùa ---
2) – Tiên tri Pháp khủng bố chạy loạn Vườn Dầu ---
3) - Chuyện Ông Cử Đa ---
4) - Chứng quả người tự thiêu ---
5) – Tiên tri cuộc phản Thanh phục Minh ---
6) - Cuộc mở ấm ở Thủy Đài sơn (Núi Nước) ---
7) - Hổ cử sát sanh ---
8) - Chứng Đại trai đàn ---
9) – Quày chuối cơm non ---
10) - Giới tửu – Răn uống rượu ---
11) - Thử Thầy trở thành đệ tử ---
12) - Giới tham – Răn lòng tham ---
13) – Làm Thầy ăn thịt Tướng ---
14) - Một bài thơ nhiều chữ Bất ---
15) - Chuyện đi đầu thai ---
16) – Ý nghĩa Chuyện đời tới 1 và 2 ---
17) - Tờ cử Ông Cả (Cọp) hồi cất đình An Định đầu tiên ---
18) - Chuyện chim Se Sẻ ---
19) - Chuyện củ Nừng (kỵ lửa và kỵ nước) ---
20) - Lời dặn sau cùng ---

21) - Quật mồ thân sinh thầy Cai Tổng ---
22) – Phá ám cho người tín đồ ---

B. - PHẦN HIỆN TẠI

I. Những di tích và Giáo lý được lưu truyền ---
1) - Di tích chùa miễu ---
2) - Tổ chức hội chùa ---
3) - Truyền nhân hay các ông Trò, ông Gánh kế tiếp ---

II. Các pháp của Đức Bổn Sư giáo truyền ---
1) – Trì niệm theo Thiền Tông ---
2) - Xử sự theo Nho Giáo ---
3) – Rèn luyện Tinh Khí Thần theo Lão Giáo ---
4) - Ấn khuyết thần chú theo Mật Tông ---
5) – Kinh, Chú, Giảng và Sấm ngữ ---
6) – Tam sao thất bổn ---

III. Vẫn còn pháp nạn ---
1) – Pháp nạn lần thứ tám ---
2) – Pháp nạn lần thứ chín ---
3) - Sự sanh hoạt của tín đồ hiện tại ---

IV. Hệ phái T. Â.H.N. trước thời cuộc ---
Kết luận ---
Ngôi Long Đình ---

HẾT